

NGUYỄN NGỌC HOA

**TRỜI CAO
ĐẤT DÀY**

TẬP TRUYỆN NGUYỄN NGỌC HOA VIII

BIỂN NGỌC . 2022

MỤC LỤC

Lời Tựa

1. Một Ngày Để Khóc
 2. Ngày Giỗ Đầu của Gabriel
 3. Hồn Thiểu Nữ Tối Lễ Độc Lập
 4. Ai Làm Nên Nỗi?
 5. Nhiều Nỗi Truân Chuyên
 6. Máy Điện Toán và Tôi
 7. Giả Ngu Tìm Bọ
 8. Vẫn Chiến Đấu Âm Thầm
 9. Lý Lễ của Trái Tim
 10. Thà Chịu Tiếng Lầm Đường
 11. Còn Đáng Mặt Đàn Ông
 12. Người Mẹ Đi Ăn Mày
 13. Thảm Kịch Gia Đình
 14. Tấm Gương Hiếu Thảo
 15. Như Trong Niềm Nhớ
 16. Người Bơi tới Thiên Đường
 17. Trời Cao Đất Dày
 18. Như Truyện Kiếm Hiệp
 19. Bùng Con Mất Dậy
 20. Đời Cô Lệ
 21. Nhìn Quá Khứ, Đoán Vị Lai
 22. Bỏ Thì Thương, Vương Thì Tội
 23. Về Tấm Áo Ta
 24. Chuyện Ngu Thứ Năm
- Tiểu sử Nguyễn Ngọc Hoa

LỜI TỰA

Cuối năm 2012, hơn chín năm trước, chúng tôi đặt ra cho mình một dự án văn chương khiêm nhường: viết truyện ngắn để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và trau giồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương. Mặc dù cuốn *Trời Cao Đất Dày: Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa VIII* trên tay quý bạn đã đánh dấu một đoạn đường khá dài gồm ngót hai trăm truyện ngắn, mục tiêu ban đầu của chúng tôi vẫn không thay đổi. Mỗi truyện ngắn là một tác phẩm riêng lẻ đặt liên hoàn với các truyện khác theo thứ tự thời gian, nhưng toàn thể tám cuốn *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa I, II, III, IV, V, VI, VII, và VIII* phổ biến và ấn hành từ năm 2013 đến nay không hẳn là một trường thiên tiểu thuyết. Nhớ chuyện cũ đến đâu, chúng tôi viết đến đó chứ không sắp đặt trước bố cục, nội dung, hay nhân vật như các tác giả viết truyện dài.

Các truyện ngắn trong tập truyện này đã được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Theo Ngọn Mây Tần” – lấy từ câu “*Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa*” trong truyện Kiều – kể lại những câu chuyện chúng tôi trải qua, chứng kiến, hay nghe thuật lại khoảng cuối thập niên 1970 và đầu thập niên 1980, khi cố gắng hòa nhập với đời sống Hoa kỳ nhưng vẫn hướng về quê hương yêu dấu. Để tránh ngộ nhận đáng tiếc, chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa: Tác phẩm của chúng tôi không phải là hồi ký, tự truyện, hay tài liệu ghi lại dữ kiện lịch sử. Nhân vật xưng “tôi” được dùng làm nhân chứng thuật lại chuyện cũ, không phải chính tác giả. Mọi nhân vật khác đều được dựng nên và tiểu thuyết hóa cho phù hợp với chuyện kể, xin đừng liên kết với bất cứ nhân vật nào ngoài đời.

Chúng tôi xin cảm ơn các thân hữu đã góp ý, phê bình, và chỉnh sửa cũng như đã khích lệ chúng tôi trong việc sáng tác. Xin được kể tên vài người là các chị Lưu Phương Lan (nhà văn Phương Lan) và Trần Thùy Mai (nhà văn) và các anh Nguyễn Trọng Dzũng, Nguyễn Đình Hiếu, Nguyễn Nhật Hoàng (báo Trẻ), Nguyễn Thanh Hoàng (nhà văn Phan Hạnh), Nguyễn Xuân Phong, Nguyễn Khắc Phụng, Châu Hiền Quang (nhà thơ Kiều Phong (Toronto)), Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Thiệp (nhà văn Tràm Cà Mau), Nguyễn Xuân Thiệp (nhà thơ), và Nguyễn Công Thuần. Chúng tôi cũng cảm ơn tiện nội là kịch tác gia, nhà văn, và đạo diễn Nguyễn thị Minh Ngọc đã thương yêu tạo điều kiện cho chúng tôi sáng tác và xuất bản tác phẩm đã viết.

Chúng tôi hy vọng, trong một tương lai không xa, sẽ có cơ hội ấn hành và ra mắt độc giả *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa IX* đang được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Nhận Làm Quê Hương.” Mời quý bạn đón xem.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày Hạ chí 2022
(21-06-2022)

Một Ngày Để Khóc

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mùa xuân đến gần sáu tuần nay, nhưng buổi sớm mai trời North Dakota còn se lạnh. Tôi ra khỏi nhà đi làm mà lòng bồi hồi rưng rưng, con đường đến sở dường như không còn quen thuộc như mọi ngày vì trong tâm tưởng, tôi đang sống lại những kỷ niệm buồn đau. Ngày này, 30 tháng Tư, đúng một năm trước đây (1975), lúc mười giờ rưỡi sáng, trên chiếc chiến hạm Hải quân di tản đến hải phận quốc tế ngoài khơi Vũng Tàu, tôi đã khóc và hát bài quốc ca Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) một lần cuối khi lá cờ vàng ba sọc đỏ từ từ hạ xuống kỳ đài,

Này công dân ơi! Đứng lên đáp lời sông núi.

Đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống.

Đêm qua tối thứ Năm, tôi thức khuya gọi điện thoại nói chuyện với thằng Tú, người bạn thương phế bình thân thiết đang dạy học ở Rockford thuộc tiểu bang Illinois; gọi viễn liên sau 11 giờ đêm giá rẻ hơn ban ngày và buổi tối, tỉ tê chuyện cà kê dè ngõng đỡ ngại chấy túi. Hai thằng vừa khóc vừa cười nhớ lại chuỗi ngày tuyệt vọng thương đau dẫn tới biến cố đổi đời “bỏ nước ra đi” và nhắc nhở những chuyện vặt về thằng Song, bạn cùng lớp và cũng là bạn thân nhất của tôi ở trường kỹ sư bây giờ sống khốn khó ở Việt nam. Tôi chơi với thằng Tú vì nó là bạn thời trung học Pleiku của thằng Song. Bạn của bạn mình đương nhiên là bạn mình; ngày đó, chúng tôi quan niệm đơn giản như thế.

Qua giọng nói của thằng Tú, tôi cảm thấy dường như có điều gì ẩn khuất mà nó chưa nói ra. Cuối cùng, nó bật lên hỏi, cố nén nước mắt,

“Mày còn nhớ thằng quý An không nhỉ?”

“Mày què chân chứ đầu óc có cùn đâu mà hỏi gì kỳ vậy? Trong bọn mày – đám khi cùng đàn với thằng Song từ Pleiku xuống, mày thân với tao nhất, nhưng thằng An là đứa dễ thương tao khoái nhất.”

Trong nhóm bạn thằng Song, thằng An người Huế gặp hoàn cảnh khó khăn hơn cả. Năm cả bọn học đệ nhất (lớp 12) trường trung học Pleiku, cha nó mất, và cuối năm nó thi rớt Tú tài II. Trong lúc bạn về Sài Gòn học đại học, nó lớn nhất nhà, trở thành cột trụ gia đình, và đưa mẹ và bốn đứa em xuống Mỹ Tho ở nhờ nhà người chú họ và tìm kế sinh nhai. Nó có ba cô em gái kế tiếp nhau, cô kế nó là Lệ Quỳnh kém nó một tuổi, và cậu em trai út lên mười. Tôi gặp nó lần đầu khi đi theo thằng Song từ Sài Gòn xuống Mỹ Tho thăm nó, cả gia đình sáu người sống chen chúc trong căn phòng chật chội, và nó phải đưa tôi và thằng Song ra ngoài công viên gần nhà nói chuyện.

Thằng An cao lớn, dễ đến hơn một thước bảy, mặt mày trắng trẻo hiền hậu, và đặc biệt nụ cười dễ mến. Lần thứ hai tôi theo thằng Song đi thăm nó thì nó và gia đình ở Vũng Tàu, thành phố du lịch nổi tiếng đời Pháp thuộc dưới tên “Cap Saint Jacques” và nay có nhiều căn cứ quân sự Hoa kỳ. Thằng An giải thích lý do dọn về đây,

“Mạ tao và con Quỳnh mua bán hàng Mỹ *nhảy dù* từ trong *Pi-Éch* (PX) ra. Mạ tao giỏi mà cả và con Quỳnh rành tiếng Anh hiểu rõ mặt hàng nên gia đình đủ ăn. Chiều chiều tao mượn xích-lô chở mấy thằng lính Mỹ chạy chơi vòng vòng để kiếm thêm *địa* (tiền).” “PX” hay “Post Exchange” là cửa hàng Quân Tiếp vụ Hoa kỳ.

“Mày giỏi dữ há?” thằng Song khen nhẹ nhàng.

“Tụi lính Mỹ trẻ tuổi, cỡ bằng tụi mình, rất thích ngồi xích-lô đi hóng mát và coi thành phố. Mấy anh đạp xích lô thường ốm đói, tụi Mỹ thấy tội nghiệp nên rất ngại đi xe. Nếu đi thì tụi nó biểu anh phu xe ngồi vào ghế đằng trước, để nó ngồi trên yên phía sau đạp xe. Khách *Mẻo* giành nhau đi xe tao vì tao *đô con*, tụi nó không ngại. Tao lại biết tiếng Anh nói xí xô xí xào, chỉ trở nơ nọ nơi kia.”

“Mày định làm nghề *xô xích-le* (xe xích-lô) này đến bao giờ?” thằng Song ái ngại.

“Tao rán sao có được nhiều tiền để lại cho *mạ* tao và con Quỳnh trước khi đi vào quân trường. Vì *thi hồng mất rồi ta đợi ngày đi*,” thằng An thản nhiên trả lời.

Thế rồi thằng An bị gọi nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức, ra trường tình nguyện *đi Nhảy Dù*, và học nhảy dù ở trung tâm Huấn luyện Nhảy Dù trong trại Hoàng Hoa Thám, nơi đặt bản doanh bộ tư lệnh Sư đoàn Nhảy Dù, trên đường Lê văn Duyệt nổi dài quá Ngã Tư Bảy Hiền chừng một cây số. Ngày nó ra đơn vị là Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù, thằng Song và các bạn cũ đã rời khỏi Sài gòn, chỉ còn mình tôi ở đây. Khi được nghỉ phép về Sài gòn, thằng An luôn luôn ghé lại tôi trước khi đi Vũng Tàu thăm nhà. Đời lính bất thường, nó đến tìm tôi vào những lúc bất ngờ nhất. Có lần nó xuất hiện trước cửa giảng đường trong lúc tôi chăm chú dạy học. Một lát sau, thấy sinh viên xì xào nhìn ra cửa, tôi nhìn ra thấy nó đứng nghiêm ưỡn ngực chào như chào kính thượng cấp không biết từ lúc nào. Tôi chìa tay ra hiệu mời nó vào ngồi ở cuối giảng đường và tiếp tục giảng bài cho đến hết giờ dạy.

Một lần khác, khi sinh viên học sinh Sài gòn ồn ào xuống đường biểu tình chống chính phủ, đơn vị thằng An bị điều động về giữ an ninh đô thành, đề phòng Việt Cộng lợi dụng tình thế bất ổn để tấn công. Nó đóng quân trên đường Hòa Hưng đi vào khám Chí Hòa và cho người tìm tôi báo tin. Trước khi đến với thằng An, tôi vào Chợ Lớn mua vịt quay và cơm chiên Dương Châu để ăn chiều với bạn.

Khi tôi đến, thằng An đang cắt đặt canh gác trạm phòng thủ tạm thời dựng lên bằng bao cát chất cao ngang ngực ở các góc đường. Nó vui vẻ chào tôi như thường lệ rồi biểu anh *tà lợt* (lính cận vệ giúp việc vật cho sĩ quan chỉ huy) đem vịt quay và cơm chiên chia đều cho anh em; tôi và nó cũng có một phần và cùng ăn phần cơm gạo sấy với lương khô như mọi người. Gạo sấy là gạo đã được nấu chín và rút hết nước, khi dùng chỉ cần đổ nước sôi hay nước lạnh vào cho gạo nở thành cơm.

Mới lãnh lương túi còn rủng rỉnh, tôi mua bia ở hai chiếc xe sinh tố gần đó và nhờ mang ra đãi trung đội thằng An. Nó cho phép quân nhân không có nhiệm vụ canh gác uống, nhưng ra lệnh uống ít để đừng say sưa. Sau khi giao nhiệm vụ cho anh trung sĩ nhất trung đội phó, nó cùng tôi ngồi bệt ở lề đường uống bia và nhìn xe cộ và khách bộ hành qua lại. Gần khuya, tôi hỏi bạn,

“Đêm nay mày ngủ đâu?”

“Hàng hiên nhà người ta đó. Tao đã xin phép chủ nhà, thằng *tà lọt* quét dọn sạch sẽ rồi,” nó đưa tay chỉ ngôi nhà gần đó.

“Mẹ nó . . .” tôi tức tối giùm bạn.

“Dân nhà binh đi hành quân nằm bờ ngủ bụi là thường, mày thắc mắc làm chó gì cho mệt. Tao chỉ mong tối nay Việt Cộng không đánh vào đây.”

Tôi tiếp tục uống bia với thằng An đến sau giờ giới nghiêm rồi ngủ lại dưới hàng hiên với nó. Sáng hôm sau tôi thức dậy, anh *tà lọt* bưng nước đến mời “ông thầy” rửa mặt. Anh gọi tôi là “ông thầy” vì tôi làm thầy giáo, khác với “ông thầy” gọi thằng An là cấp chỉ huy, là ông *sếp* nhà binh.

Trong số các bạn tôi, thằng An là đứa hiền lành nhất, mặc dù nó là một sĩ quan Nhảy Dù cao lớn và dáng dấp bên ngoài có thể làm bất cứ ai khiếp đảm. Tôi chưa nghe người lính mũ đỏ này chửi thề, tìm cách dọa nạt ai, hay kể chuyện bắn giết ngoài trận địa. Không như những sĩ quan hào hoa “*anh là lính đa tình*” khác, nó không hề nói về một mối tình nào khác hơn tình yêu thiết tha đối với một cô giáo dạy tiểu học ở Vũng Tàu là bạn thân của Lệ Quỳnh em nó.

Mỗi lần chia tay với thằng An là một lần tôi lo đứt ruột, thầm mong Trời Phật phù hộ cho nó được an lành. Đầu năm 1971, suốt hai tháng tôi hồi hộp lo lắng theo dõi tin tức cuộc hành quân Hạ Lào (hay chiến dịch Lam Sơn 719). Nó trở về với chiếc lon trung úy vinh thăng ngoài mặt trận và tấm anh dũng bội tinh với ngành dương liễu, nhưng nụ cười héo hắt. Anh dũng bội tinh là huy chương tưởng thưởng cho quân nhân lập chiến công và đi kèm theo bản tuyên dương công trạng. “Với ngành dương liễu” là tuyên dương công trạng trước quân đội – cấp cao nhất; sau đó lần lượt đến cấp quân đoàn (với ngôi sao vàng), cấp sư đoàn (với ngôi sao bạc), và cấp trung đoàn hay lữ đoàn (với ngôi sao đồng).

Sau các trận đánh khốc liệt của Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, thằng An trở lại, cười rạn rỡ với ba bông hoa mai vàng trên cổ áo và cái huy chương mới trên ngực trái. Từ đầu năm 1974, nó bị điều động đi liên miên ra chiến trường khắp bốn vùng chiến thuật và không có thì giờ đi phép về Sài Gòn. Tôi chỉ biết loáng thoáng nó còn sống nguyên vẹn hình hài và đã lên thiếu tá.

* * *

Khác với mọi khi, thằng Tú bị tôi mắng mà không phát cáu hay mắng trả. Nó rầu rầu,

“Đầu óc tao chưa cùn nên vẫn nhớ ngày Sài Gòn hai thằng mày gần gũi với nhau. Vì mày là thằng mít ướt tình cảm như đàn bà con gái nên tao phân vân không biết có nên cho mày hay không.”

“Thằng què này, mày có tin thằng An mà định giấu tao sao hả? Hay là nó chết cha nó rồi?” tôi nóng lòng hỏi tới.

“Ừ, nó chết cha nó rồi . . .” thằng Tú lạc giọng.

“Khi nào? Sao lâu nay mày không nói gì cả?” tôi la lên thật lớn.

“Tao mới hay tin hôm kia thôi. Con Quỳnh em nó viết thư cho người bà con bên Gia Nã Đại nhờ tìm cách nhắn lại với tao. May sao người đó lại quen thân với bà chị lớn của con Phụng vợ tao (chị còn ở Việt nam),” nó nhăn nhó giải thích rồi chậm rãi thuật lại.

Sau ngày 30 tháng Tư, thằng An không chịu đi trình diện “học tập cải tạo” vì biết chắc một thiếu tá Nhảy Dù VNCH với tội “mang nợ máu với nhân dân” sẽ không sống sót nổi trong trại tù hà khắc tàn khốc của Việt Cộng. Nó liên lạc với một số bạn cựu đồng ngũ không đi trình diện như nó và mưu toan lập lực lượng đi vào rừng kháng chiến. Mộng lớn không thành, nó theo người lính cận vệ thân tín thương nó như anh ruột, về quê anh ta là một làng đánh cá ở Phước Tuy ẩn nấp trốn tránh, và làm ngư phủ để vừa nuôi thân vừa che mắt nhà cầm quyền mới.

Là chiến binh từng vào sinh ra tử và quen tìm đường sống trong chỗ chết, thằng An và các bạn tin rằng ở hải phận quốc tế ngoài khơi Việt nam, hàng ngày có hàng trăm thương thuyền ngoại quốc đi lại, chưa kể các tàu tuần tiễu của Đệ thất Hạm đội của Hải quân Hoa kỳ. Chỉ cần liều chết đi ra đó chờ xin tiếp cứu, thế nào cũng được vớt ra khỏi địa ngục trần gian mà nghệ sĩ Trần Văn Trạch (1924 - 1994) tóm tắt bằng câu nói đơn giản: "Ở Việt nam, cái cột đèn cũng muốn ra đi." Cùng lắm là vùi thân vào bụng cá, xem như chọn nhầm cửa tử thần!

Cơ hội đến vào mùa biển động cuối tháng Hai, “công an biên phòng” lơ là canh phòng vì ý không ai dám “vượt biên” trong mùa này. Thằng An cùng một số quân nhân VNCH khác lên đường ra khơi. Không ai biết chuyện gì xảy ra sau đó. Chỉ biết vào khoảng mười ngày sau, trong cơn thịnh nộ của biển cả, xác vỡ của chiếc thuyền đánh cá cùng với thân xác của chừng 20 thanh niên bị sóng đánh tấp vào bãi biển làng Phước Hải gần Vũng Tàu, cách nơi khởi hành khoảng 20 cây số về phía nam.

Ở đầu dây bên kia, thằng Tú khóc tấm tức,

“Dân làng tìm thấy xác của đám người ra đi, khi thủy triều đang dâng lên. Không nỡ để cơn sóng kéo xác ra biển trở lại, họ liền ‘trói’ xác vào thân cây trên bãi để giữ lại chờ thân nhân đến nhận.”

“Tại sao phải ‘trói?’” tôi ngạc nhiên tột bậc.

“Thực ra là buộc xác vào thân cây, nhưng con nước ròng quá mạnh nên phải gô (trói chặt) xác lại mới giữ được.”

Lòng tôi quặn đau, hai hàng nước mắt chảy dài trên má. An ơi, tao nhớ mày quá sức. Nhớ câu “*Tuý ngọ sa trường quân mạc tiếu*” (Có say nằm nơi sa trường bạn cũng đừng cười) trong “*Lương Châu từ*” hay khúc hát Lương Châu của Vương Hàn thời Thịnh Đường mà mình ngâm nga với nhau trong đêm ngủ hàng hiên trên đường Hòa Hưng. Thằng Tú nói tao mít ướn nên tao thương mày mà không khóc. Để dành nước mắt khóc cho đất nước mình.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 17 tháng Ba, 2021

Ngày Giỗ Đầu của Gabriel

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Hôm nay thứ Sáu, buổi sáng tôi đi làm mà lòng thấy rộn ràng. Trước mặt là *cuối tuần dài* nghỉ lễ Chiến sĩ Trận vong truy niệm vào ngày thứ Hai cuối cùng của tháng Năm. Sau Tết tây, đó là ngày nghỉ lễ đầu tiên của tôi trong năm. Tôi và mấy người bạn Việt đã dự trù một chương trình “ăn chơi” cho bố . . . những ngày mùa đông cơ cực. Chúng tôi sẽ kéo nhau cả đoàn đi câu cá, *picnic*, và cắm trại ngoài hồ rồi ghé thăm nông trại của vợ chồng Phượng và Dean để người lớn bắt gà “đi bộ” làm thịt ăn nhậu và trẻ em chạy chơi ngoài đồng. Miên man nghĩ tới cuối tuần vui vẻ sắp tới, bất giác tôi thấy yêu đời vừa đi vừa hát nho nhỏ,

*Ngày mai em đi, biển nhớ tên em gọi về
Gọi hồn liểu rữ lê thê, gọi bờ cát trắng đêm khuya.*

(Trịnh Công Sơn – “Biển Nhớ”)

Bỗng một thiếu nữ đậu xe bên kia đường, chạy băng qua, và niềm nở như thường lệ,
“Chào anh *Ba Hoa*, anh khỏe không? Hình như anh có gì vui lắm?”

Nàng là Laurie làm kế toán viên nha Kế toán ở lầu ba, hàng ngày đi làm đậu xe tại chỗ này, và thường gặp tôi vào giờ này. Nàng độ hai mươi ba, hai mươi bốn tuổi, xinh xắn và hoạt bát, và luôn luôn vồn vã bắt chuyện khiến tôi có cảm tưởng nàng thân mật với tôi hơn là với một người bạn cùng sở thông thường. Hôm nay bị bắt gặp đang lẩm bẩm hát, tôi đâm ra bối rối,

“Chào cô Laurie. Có gì đâu, tôi nói chuyện một mình ấy mà.”

“Nói chuyện một mình chắc ăn nhất, ‘họ’ không bao giờ nói trả lại,” nàng cười thông cảm, “Tôi cũng hay hát một mình, ‘họ’ không bao giờ chê tôi hát dở hay bực bội khi tôi bỏ dở nửa chừng vì quên phần bài ca còn lại.”

“Mặc dù người Việt có câu ‘*hát hay không bằng hay hát*,’ tôi bị bà vợ cấm không cho hát ở nhà, ngay cả trong lúc đi tắm, vì sợ cậu con nhỏ nghe được. Tôi hát dở ẹt mà ít khi nhớ rõ lời bài hát nên cứ hồn nhiên hát nhại thành lời nhảm nhí. À, thế *phân nửa tuyệt vời hơn* của cô đâu?” tôi nhân tiện hỏi dò; “*phân nửa tuyệt vời hơn*” (your better half) là từ ngữ dùng ám chỉ vợ hay chồng, hay người sống chung như vợ chồng, của người đối diện.

“Trước khi gặp anh sáng nay tôi tính sẽ gọi điện thoại mời anh đi uống cà-phê vào giờ nghỉ giải lao, và sẽ hỏi anh một chuyện. Anh đi nhé, lúc đó tôi sẽ trả lời câu hỏi của anh.”

Tôi nhận lời không do dự; khi đến sở, Laurie hẹn gặp lại ở tiền đình ngay cửa ra vào. Lời mời bất ngờ của nàng khiến tôi băng khuâng nhớ lại câu chuyện “bị bà Mỹ đẹp tuyệt vời tấn công” một anh bạn độc thân sang đây một mình kể đi kể lại khi ngà ngà say trong các buổi nhậu cuối tuần. Câu chuyện được cho kết thúc bằng màn anh bạn lắc đầu quầy quậy, từ chối “hào ý hiến dâng của bà Mỹ,” nhưng ai cũng biết anh là kẻ thích khoác lác *một tấc lên tới trời*.

Laurie chờ sẵn dưới nhà và cùng tôi đi bộ ra *café* cách sở chưa tới hai khu phố. Mặc dù từ tiếng Pháp có nghĩa là cà-phê, “*café*” trong tiếng Anh là quán ăn nhỏ bán cả đồ ăn lẫn thức uống, thực đơn có giới hạn, và món ăn tương đối đơn giản và giá phải chăng. (Người Mỹ gọi quán

chuyên bán cà-phê là “coffeehouse.”) Đặc biệt ở các quán ăn vùng miền bắc Hoa kỳ, khi gọi cà-phê, khách uống bao nhiêu cũng được, không giới hạn, và nhà hàng không tính tiền thêm. Sau khi chúng tôi rót cà-phê vào tách và uống ngụm đầu tiên, nàng hỏi,

“Cuối tuần này anh chị có chương trình làm gì chưa?”

“Chúng tôi và vài người bạn định đi câu cá và cắm trại đến chiều Chủ Nhật, sau đó ra nông trại thăm vợ chồng một người bạn khác, và ở lại chơi cho đến hết chiều thứ Hai.”

“Vậy thì tôi chậm chân một bước, tiếc quá. Thôi để tôi trả lời câu hỏi của anh trước: Tôi sống một mình ở *apartment* để đi làm và không có *phân nửa tuyệt vời hơn* nào cả. Tôi ‘độc thân’ từ khi Gabriel đi lính qua Việt nam và không hề trở lại,” giọng nói trầm xuống và đôi mắt buồn tênh, nàng kể lại về người tình thời trung học nay không còn trên cõi đời.

Gabriel và Laurie ra đời cùng năm trong hai gia đình nông gia ở kế cận nhau. Chơi với nhau từ lúc chưa biết nói, hai đứa trẻ đi học trên cùng một chuyến xe buýt vào trường trong thành phố, học cùng lớp cùng trường, và buổi tối sang nhà nhau cùng làm bài. Đến năm cuối trung học, tình yêu của họ lớn mạnh và được hai gia đình chính thức chấp nhận, đôi bạn bắt đầu tính chuyện tương lai: Họ sẽ đi Fargo, thành phố lớn nhất của North Dakota, học trường North Dakota State University (NDSU). Gabriel sẽ học ngành canh nông vì trường canh nông NDSU có tiếng, và Laurie theo đuổi ngành kế toán vì nàng thích làm việc với con số. Theo truyền thống của dân chúng vùng này, họ sẽ làm đám cưới trước khi tốt nghiệp để khi ra trường đi làm sống chung dưới mái ấm gia đình của riêng mình.

Dự định của đôi tình nhân trẻ tan vỡ vì cuộc chiến tranh Việt nam. Thay vì vào đại học để được hoãn dịch, Gabriel tình nguyện nhập ngũ. Chàng giải thích với người yêu,

“Học đại học và lập gia đình có thể hoãn lại vài năm, nhưng bốn phạm chiến đấu bảo vệ lý tưởng tự do chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng sản không thể trì hoãn.”

Laurie đi học NDSU một mình, lần đầu tiên đến trường không có Gabriel. Chàng được gửi sang Việt nam một ngày đầu xuân 1970, hăng say chiến đấu, viết thư về nhà hàng tuần, và tường thuật về đời sống quân ngũ – vất vả nhưng rất bổ ích. Chàng yêu mến đất nước có cảnh trí tuyệt đẹp và dân chúng hiếu khách đến không ngờ ấy. Hai năm sau, trước khi cuộc chiến trở nên sôi động vào mùa hè năm 1972, chàng tái đăng phục vụ thêm một nhiệm kỳ nữa, và đơn vị chàng di chuyển về đóng gần Tây Ninh.

Giữa tháng Sáu năm 1972, trong một chuyến tuần tiễu, tiểu đội của Gabriel bị Việt Cộng phục kích, và chàng bị bắt dẫn đi mất tích. Gia đình chàng và Laurie hy vọng Gabriel sẽ được trao trả theo quy chế tù binh của Hiệp định Paris 1973, nhưng rồi thất vọng ê chề vì chàng vẫn bật vô âm tín. Họ cố bám víu vào niềm tin Gabriel còn sống và mong chờ một ngày nào đó chàng sẽ trở về. Ba năm trôi qua, cuối tháng Tư vừa qua, bộ Quốc phòng chính thức tuyên bố chàng tử trận, kết liễu mọi hy vọng mong manh của thân nhân. Laurie tức tưởi,

“Không biết Gabriel mất vào ngày nào, gia đình anh ấy dùng lễ Chiến sĩ Trận vong làm ngày giỗ hàng năm. Ngày giỗ đầu năm nay, họ tổ chức lễ tưởng niệm tại nhà thờ anh rửa tội ngày mới ra đời.”

“Tôi rất lấy làm tiếc về sự mất mát của cô. Lễ tưởng niệm cho Gabriel ở đâu và lúc mấy giờ?” tôi an ủi nàng.

“Lễ cử hành lúc 10 giờ sáng thứ Hai ở Glen Ullin, đúng hơn tại một nhà thờ miền quê nhỏ cách Glen Ullin chừng mười dặm Anh về hướng bắc,” nàng vừa nói vừa lấy khăn chấm nước mắt, “Anh là người Việt tỵ nạn được nhiều người trong công ty mến phục. Tôi biết Gabriel sẽ rất thích ‘gặp’ một người Việt như anh nên định mời anh chị tới dự. Lỗi tại tôi cứ chần chừ, hôm nay nói chuyện với anh thì quá trễ.”

Glen Ullin là một thành phố nhỏ chừng 1,200 dân nằm cách Bismarck chừng 50 dặm Anh về phía tây. Tôi nhíu mày suy nghĩ,

“Chúng tôi câu cá và cắm trại ở hồ Sweet Briar gần Glen Ullin và sẽ đến nhà bạn tôi là Phượng và Dean cũng ở phía bắc Glen Ullin, có lẽ không xa nhà thờ đó lắm đâu. Nếu cô còn có ý định mời thì tôi sẽ sung sướng nhận lời.”

“Thật vậy sao? Cám ơn anh nhiều lắm. Từ nhà bạn anh, đi băng qua đường và cái sân rộng là tới nhà thờ,” nàng mừng rỡ khấp khởi.

“Cô quen với vợ chồng bạn tôi sao?” tôi hơi ngạc nhiên.

“Thảo nào lúc tôi mời anh chị ấy, Phượng nói sẽ có khách đến thăm nên không dự được. Dean là anh họ của tôi; dân Na Uy chúng tôi ở vùng này toàn là bà con họ hàng với nhau cả,” bây giờ tôi mới thấy nàng cười vui; Na Uy là một trong bốn nhóm chủng tộc chính ở North Dakota, ba nhóm kia là Đức, Nga, và Ái Nhĩ Lan.

* * *

Ngủ đêm ở nhà Phượng và Dean, sáng thứ Hai tôi và Quỳnh Châu sang nhà thờ dự lễ tưởng niệm. Nhà thờ nhỏ không có mục sư thường trực nên phải mời một mục sư trẻ ở Bismarck có họ với gia đình Gabriel lên làm chủ tế. Không khí trang nghiêm nhưng không buồn bã vì người Mỹ quan niệm tưởng niệm người quá cố là để kỷ niệm đời sống của người ấy. Tấm chân dung lớn của Gabriel mang lễ phục bộ binh màu cứt ngựa nằm giữa các bình hoa tươi trên chiếc bàn nhỏ trước mặt mọi người. Mục sư xen kẽ đọc thánh kinh, điều khiển cử tọa hát thánh ca, và lần lượt mời thân nhân và bạn bè lên chia sẻ kỷ niệm buồn vui với Gabriel – phần chính của buổi lễ.

Tôi đặc biệt chú ý phần trình bày của Eric, em song sinh của Gabriel. Eric là em vì ra đời sau Gabriel mười phút và trông giống Gabriel trong hình như đúc. Eric nói trong nước mắt,

Gabriel, từ lúc sinh ra và lớn lên, anh em mình không rời nhau nửa bước, cho đến khi em tiễn anh ra phi trường đi xuống Đồn Benning dự khóa huấn luyện bộ binh căn bản. Không ngờ đó là lần cuối cùng em thấy mặt anh. Em biết anh yêu Laurie vô vàn. Nàng sống trong tuyệt vọng và khổ đau suốt bốn năm qua. Em hứa với anh, em sẽ thay anh mang hạnh phúc đến cho nàng. Đó là điều em làm được và sẽ làm, nàng xứng đáng được như thế. Anh hãy yên nghỉ trong bình yên.

Đồn Benning nằm hàng hai trên biên giới hai tiểu bang Alabama và Georgia là một căn cứ Lục quân rất lớn và là nhà của một số trường huấn luyện quân sự nổi tiếng, trong đó có Trường Bộ binh. Tiếp theo Eric, Laurie với đôi mắt đẫm lệ trình bày bức thư cuối cùng của Gabriel. Thư viết đêm mùng 10 tháng Sáu năm 1972, hai ngày sau khi chàng trông thấy cô bé Kim Phúc chín tuổi chạy trần truồng ra khỏi đám lửa của bom na-pan (napalm) đằng sau lưng trên Quốc lộ 1 tại Trảng Bàng thuộc Tây Ninh. (Phóng viên nhiếp ảnh Nick Út của thông tấn xã Associated

Press chụp được bức hình của Kim Phúc trong giây phút đó, truyền đi khắp thế giới, và đoạt giải Pulitzer về báo chí năm 1973.)



Trong đêm mưa nhiệt đới ấy, Gabriel xúc động viết thư kể lại và kèm theo bài thơ trong đó có một đoạn,

*But still the branches are wire
And thunder is the pounding mortar,
Still I close my eyes and see the girl
Running from her village, napalm
Stuck to her dress like jelly,
Her hands reaching for the no one
Who waits in waves of heat before her.*
(Nhưng cành cây vẫn là cuộn kẽm gai
Và sấm sét là súng cối pháo kích ầm ầm,
Tôi nhắm mắt nhưng vẫn thấy cô bé ấy
Chạy từ trong làng ra, na-pan
Bám chặt vào quần áo cô như thể thạch đông,
Hai bàn tay cô giương ra tìm đến người “không ai”
Đợi trong cơn sóng thiêu đốt trước mặt cô.)
(Bruce Weigl – “Song of Napalm” [Bài ca Na-pan])

Thư đến tay Laurie vài ngày sau khi gia đình Gabriel được báo tin chàng bị mất tích. Tôi chưa hết bàng hoàng vì lời kể của nàng thì sau buổi lễ, trong bữa cơm trưa gia đình Gabriel khoản đãi ở hậu phòng nhà thờ, lại chứng kiến một cảnh cảm động khác. Đợi mọi người lấy đồ ăn và ngồi vào bàn xong xuôi, Eric dìu Laurie tới phía trước, quỳ gối trên chân trái, lấy hộp nhẫn trong túi ra, và nâng lên bằng cả hai tay,

“Laurie Amy Ricker, đây là chiếc nhẫn đính hôn của mẹ tôi. Xin em ban cho tôi cái hạnh lớn nhất đời là làm chồng em. Tôi sẽ hiến dâng cho em mọi thứ tôi có được trên đời này.”

Amy là tên giữa và Ricker là họ của Laurie. Tôi biết nàng sẽ không còn mang họ Ricker bao lâu nữa: Nàng cười trong nước mắt nhận lời cầu hôn của Eric, và đàn bà tây phương lấy họ chồng sau khi thành hôn.

Trong suốt buổi lễ hôm nay, các người Mỹ nhớ về quá khứ đau buồn, nhưng họ không hề than vãn, oán trách, hay căm hờn. Thật đáng phục, ước gì tôi làm được như họ! Nhưng làm sao tôi

quên được hận thù khi bọn người man rợ tàn ác tiếp tục cướp bóc, đày đọa, và giết lầm mòn dân tôi trên mảnh đất nhỏ bé bên kia bờ Thái bình dương? Vết thù trong lòng khó thể nhạt phai.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 31 tháng Ba, 2021

Hồn Thiếu Nữ Tối Lễ Độc Lập

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mấy người bạn người Việt của tôi thường gọi đùa Mạc là “thằng cu bụi đời” vì tôi và Quỳnh Châu đi đâu cũng “tha” bé theo, để ở nhà không có người giữ. Chúng tôi quấn bé vào trong chăn, đặt trong cái rổ mang em bé và nịt lại, và đặt rổ dưới sàn xe để rổ không di chuyển khi xe chạy nhanh hay thắng gấp. Bé dễ tính, thường không hay khóc hay quấy rầy, miễn là no sữa và sạch tả. Trong cái túi xách có dải mang vai đựng tả, bình sữa, và các vật dụng linh kính khác, Quỳnh Châu luôn luôn thủ sẵn một cặp núm vú giả của trẻ con. Cái núm vú giả tiếng Anh “pacifier” nghe rất . . . oai là người hay vật đẹp yên, đẹp loạn, hay bình định, để cho Mạc ngậm và giữ bé nằm im lặng, không khóc oe oe rầy rà, khi nàng cần làm việc với người lớn.

Hôm nay, sau một chuyến đi thông dịch cho người đồng hương xin *welfare* và *food stamps*, Quỳnh Châu nựng bé và cũng để trách yêu tôi,

“Con của má mới từng này mà đã đi *giang hồ* giống ba. Mai mốt lớn lên thành Lệnh Hồ Xung trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ* của Kim Dung cho thiên hạ biết tay!”

“Ba nó nhờ làm Lệnh Hồ Xung ‘vô chiêu thắng hữu chiêu’ mà vợ được *mụ vợ* dễ thương *hết sảy* là nàng Nhậm Doanh Doanh này đó,” tôi cười khà khà đáp lại.

“Xí, ‘người ta’ thương ‘mình’ là thương cái học giỏi, cái thông minh, chứ cái *dzụ* giang hồ vật của ‘mình’ thì mấy năm sau mới xảy ra. Khi đó ‘người ta’ đã lỡ thương rồi. *Trót vì tay đã nhúng chàm, đại rồi còn biết khôn làm sao đây!*” nàng cong môi đáp bằng hai câu Kiều.

“Người ta nói *thánh nhân đãi kẻ khù khờ, mèo mù vớ cá rán*, là chồng em đó,” tôi chấp nhận một . . . sự thực phũ phàng.

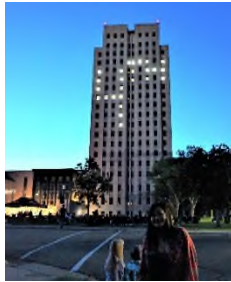
Chợt nhớ ra cuộc phiêu du sắp tới của Mạc, Quỳnh Châu nắm tay tôi nhắc nhở,

“Cô Bình nhà mình khoái cu Mạc như điên, khen thằng nhỏ bụ bẫm má phình phính ngó mà muốn cắn một cái, và muốn khoe cháu với bạn nên hẹn vợ chồng mình tối Chủ Nhật tới đưa con lên *capitol* nghe nhạc và xem pháo bông.”

“Capitol” là khu nhà chính quyền trung ương tiểu bang làm việc, cách *apartment* chúng tôi ở không tới ba khu phố. Tòa nhà chính của *capitol* là ngôi tháp hình hộp 21 tầng mà cửa sổ đặc biệt dùng để trang hoàng thủ phủ Bismarck vào dịp lễ lạ. Mùa Giáng sinh, ban đêm màn hình màu đỏ và xanh lá cây được kéo lên cửa sổ và đèn thấp sáng bên trong các văn phòng được chỉ định để cho thấy hình cây Nô-en. Đêm “trừ tịch” trước Tết tây, đèn thấp sáng để báo hiệu năm mới; hai số đầu (“19”) nằm bên trên, và hai số sau (“76”) nằm bên dưới. Để mừng lễ Độc lập, đèn lại thấp sáng để viết thành “4TH” tức là ngày mồng bốn.

Lễ Độc lập cử hành vào ngày mồng bốn tháng Bảy, năm nay (1976) nhằm ngày Chủ Nhật. Ngày này 200 năm trước, 13 thuộc địa họp lại, tuyên bố độc lập với Anh quốc, và thành lập Hợp chúng quốc Hoa kỳ. Năm nay, trong các cuộc lễ ăn mừng sinh nhật lần thứ 200 của đất nước, mọi người tham dự đều mặc áo quần, đội mũ, và quàng khăn có ba màu đỏ trắng xanh – màu cờ Hoa kỳ. Đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến cảnh mừng lễ Độc lập và lại được nghỉ “bắc cầu”

sang ngày thứ Hai. (Nếu một ngày lễ rơi vào thứ Bảy, sẽ được nghỉ “bắc cầu” qua ngày thứ Sáu trước đó.)



Sáng thứ Bảy, tôi được xem tận mắt cuộc diễu hành đầy màu sắc và sống động trên đường phố mà trước đây chỉ thấy trong phim xi-nê. Ban nhạc diễu hành của các trường trung học trong tiểu bang mang đồng phục tuyệt đẹp và sử dụng nhạc khí bóng loáng tុ về khoe tài, xen lẫn với xe hoa của các đoàn thể xã hội và chính trị và xe trình diễn của các công ty hay cơ sở thương mại khắp tiểu bang.

North Dakota là tiểu bang chuyên về nông nghiệp và chăn nuôi nên *rodeo* không thể vắng bóng trong dịp lễ trọng đại này. Bắt nguồn từ Tây Ban Nha và Mỹ Tây Cơ và lan rộng ra khắp châu Mỹ và các quốc gia khác, *rodeo* là môn thể thao cỡi ngựa để thi thố kỹ năng cần thiết trong việc chăn bò. Các môn tranh tài hào hứng thường gồm: quăng dây thừng bắt bê và trói lại, rượt theo vật lộn và chế ngự bò đực, cỡi ngựa chứng không yên, cỡi bò tót đang vùng vẫy hất người cỡi xuống, và cỡi ngựa chạy quanh các thùng phuy xếp vòng vèo theo hình lá cây chia ba (cloverleaf). *Rodeo* diễn ra suốt ngày Chủ Nhật ở Mandan, thành phố sinh đôi và cách Bismarck bảy dặm Anh, và thu hút *cowboy* (cao bồi hay người chăn bò nam) và *cowgirl* (nữ) khắp nơi, kể cả các tiểu bang lân cận, đổ về so tài.



Dân thành phố mê ăn uống như tôi thì khoái *street fair* (hội chợ ngoài đường phố) hơn. Trong hai ngày thứ Sáu và thứ Bảy, người ta ngăn khu thị tứ dưới phố lại, không cho xe cộ đi qua để làm hội chợ. Các lò nướng ngoài trời nướng thịt ướp gia vị bay mùi thơm phức, Quỳnh Châu mê đùi gà tây nướng, và tôi khoái thịt bò kèm với thịt cừu nướng theo kiểu Hy Lạp gọi là *gyro*. Ngoài ra có xe bán món ăn đặc thù của các dân tộc khác nhau như Á Nhĩ Lan, Đức, Na Uy, Nga, v.v., và nhiều *kiosk* bán áo quần may tại gia, tranh vẽ cảnh vật, và các sản phẩm thủ công nghệ khác. Trên sân khấu lộ thiên, nghệ sĩ địa phương thay nhau trình diễn giúp vui liên tục từ trưa đến tối.

Buổi tối ngày lễ Độc lập, dân chúng tụ tập trên bãi cỏ xanh mướt rộng mênh mông trước *capitol* để nghe nhạc và xem pháo bông. Đó là nơi Bình hẹn gặp chúng tôi. Số người tham dự năm nay

được dự đoán lên đến trên 30 ngàn. Người ta mang theo *lawn chair* (ghế để ngoài trời để dùng trên bãi cỏ hay ngoài vườn) và các tấm trải để ngồi hay nằm thưởng thức hòa nhạc do ban nhạc đại hòa tấu của thành phố trình diễn trên sân khấu ở bậc thềm *capitol*. Khoảng 10 giờ đêm, trời tối, màn bắn pháo bông bắt đầu; ban nhạc tiếp tục đánh đến khi hết pháo bông.

* * *

Đầu tháng Bảy, tám giờ tối mà trời còn sáng. Cơm nước xong, tôi và Quỳnh Châu sửa soạn đem Mạ lên *capitol* dự hội. Trên bãi cỏ đã có rất đông người, Bình và vài người bạn Mỹ học cùng lớp trên Đại học Cộng đồng Bismarck (BJC) đến trước giành chỗ sẵn cho chúng tôi. Tôi ướm nước mắt ôm chặt cô em gái duy nhất và là đứa em từng sống gần gũi với tôi nhất; ở cùng một thành phố mà hơn năm tháng nay anh em tôi mới gặp lại nhau. Các bạn của Bình biết ý đi ra nơi khác để chúng tôi nói chuyện riêng tư.

Chung quanh tôi, vài người hóa trang thành *Uncle Sam* (chú Sam), đội mũ chóp cao màu trắng có sao trắng trên dải xanh, và mặc áo đuôi tôm màu xanh và quần sọc đỏ và trắng, và đôi ba phụ nữ ăn vận trang điểm như phu nhân đi dự dạ hội thời Cách mạng Hoa kỳ năm 1776. Tôi và Bình đang tỉ tê tâm sự trong khi Quỳnh Châu cho Mạ bú sữa thì một thiếu nữ bỗng ghé lại bắt chuyện với Quỳnh Châu,

“Chào bà, tôi là Emma Lander. Tôi nhận ra bà vì bà xuất hiện trên tờ *Bismarck Tribune* trước đây không lâu, khi sinh người Mỹ gốc Việt đầu tiên của North Dakota. Chắc là chú bé này đây? Trông chú ngoan quá, vừa bú vừa yên lặng thưởng thức âm nhạc như người lớn.”

“Dạ phải, cảm ơn cô. Tối hôm nay trời đẹp tuyệt vời, chúng tôi mừng lễ Độc lập lần đầu tiên từ khi đến Bismarck,” Quỳnh Châu niềm nở trả lời.

“Ngôi tháp *capitol* đẹp quá bà nhỉ. Tôi nhớ như in, một buổi sáng sớm cuối năm 1930, tôi khóc ròng khi đứng nhìn tòa *capitol* cũ chìm trong biển lửa. Tôi theo cha dự lễ động thổ xây cất tòa *capitol* mới này, nhưng không bao giờ có cơ hội dự lễ khánh thành,” cô kia buồn rầu nói.

Trước mặt tôi là một thiếu nữ mười chín, hai mươi tuổi, người cao và thanh nhã, và mặt đẹp một cách thần bí. Cô để kiểu tóc và mang trang phục của thập niên 1930, tức là thời đại khủng hoảng kinh tế. Tôi chào cô và nói cho có chuyện,

“Ban hòa tấu đánh nhạc thật hay. Không biết lúc nào bắn pháo bông?”

“Ông bà đừng nóng ruột, mùa này mặt trời lặn trễ, và đợi tối trời bắn pháo bông lên mới thấy rõ và đẹp,” thiếu nữ mỉm cười.

“Emma, cô thật tài, thiên hạ đông đảo thế này mà cô nhận ra chúng tôi. Trước đây chúng mình gặp nhau lần nào chưa?” tôi không khỏi thắc mắc.

“Có lúc mình là hàng xóm láng giềng với nhau. Nhà tôi ở ngay góc đường,” cô trả lời lửng lơ.

Buổi tối vui vẻ và thoải mái, nhưng Quỳnh Châu không khỏi băn khoăn về Emma. Vài ngày sau, Quỳnh Châu trở lại chuyện ấy,

“Mấy người bạn dạy trên trường BJC nói hàng năm cứ tối mùng bốn tháng Bảy là có một cô Emma xuất hiện trong lễ ăn mừng trên *capitol*, gọi chuyện với vài ba người, kể chuyện *capitol* cũ bị cháy, và sau đó biến mất. Không ai gặp lại hay biết *cổ ở đâu*.”

“Không ai chịu khó truy tìm tông tích cô ấy sao?” tôi ngạc nhiên.

“Căn cứ theo lời kể và họ Lander của cố, bạn em tin cố là con gái đầu lòng (trong số bốn cô con gái) của Thống đốc Bill Lander, nhân vật mà một sử gia gọi là ‘bậc thầy về hí trường chính trị,’” nàng hé mở bức màn bí mật và kể chuyện vị thống đốc này.

Ông Lander là bộ trưởng bộ tư pháp và là ứng cử viên thống đốc khi lễ động thổ xây tòa *capitol* mới cử hành vào trung tuần tháng Tám năm 1932. Cuối năm ấy ông đắc cử, đầu năm 1933 nhậm chức, và không bao lâu sau bị công tố viên liên bang là kẻ thù chính trị truy tố về tội “âm mưu lường gạt chính phủ liên bang.” Năm 1934 tòa án liên bang xử, quan tòa lại là một kẻ thù chính trị khác. Ông Lander bị tuyên xử có tội và bị Tối cao Pháp viện North Dakota cách chức. Ông bèn tự hợp chủng mười người bạn, tuyên bố North Dakota độc lập với liên bang, ban hành luật khẩn cấp, và cố thủ trong dinh thống đốc đến khi gặp mặt tối cao pháp viện. Rốt cuộc, ông nhượng bộ và trao quyền cho phó thống đốc lên thay thế.

Cuối năm 1934, vợ ông Lander ra tranh cử thống đốc nhưng thất cử. Năm 1935, ông chống án thành công, và tòa phá án ra lệnh tòa dưới xử lại. Tòa xử lần thứ hai dưới sự điều khiển của ông quan tòa cũ, phụ thẩm đoàn luận tội lại bị *hung* (“treo” hay lơ lửng), tức là không đạt được kết luận có tội hay không, và ông công tố viên (cũ) quyết định đưa ra xử lại. Trong lúc đợi xử lần thứ ba, ông Lander lại bị truy tố về tội man khai khi tuyên thệ (nói sự thực), bị đưa ra xử ở một phiên tòa khác, và được tha bổng. Trong phiên tòa xử lại, ông thành công trong việc yêu cầu thay thế vị quan tòa cũ rồi được xử tha bổng. Năm 1936, ông ra ứng cử và tái đắc cử thống đốc.

Quỳnh Châu nhắc tôi,

“Chống có nhớ Emma nói cố từng là hàng xóm của mình không? Em về nhà cha mẹ là nơi mình ở hơn sáu tháng lúc mới tới, và cùng Bình đi xem các nhà chung quanh. Ngôi nhà thật lớn sơn màu xanh lá cây ở góc đường đã dùng làm tư dinh của 20 vị thống đốc đầu tiên, kể cả ông Lander, từ năm 1893 đến năm 1960 thì đóng cửa. Năm đó, tiểu bang xây xong tư dinh mới gần *capitol* cho thống đốc ở.”

“Anh nghe nói người ta đang phục hồi ngôi nhà đó giống như hồi xưa để làm di tích lịch sử cho công chúng xem. Nhưng vợ nói vậy nghĩa là sao?”

“Nhà bỏ trống, không ai ở từ năm 1960 mà đến 15 năm sau mình mới tới đây. Cố là hàng xóm của mình thì là . . . ma vất vương trong dinh thống đốc cũ chứ không phải là người!”

“Làm sao em biết cô hay bà Emma đã chết thành ma?” tôi gặng hỏi.

“Với *ông đồng* này phải nói có sách, *mách có chứng*: Em nhờ bà quản thủ thư viện trường BJC tra cứu thì được biết Emma Lander bị bệnh mất vào năm 1935, thời gian cha cô gặp khó khăn nhất. Lúc đó, cô mười chín tuổi và còn độc thân.”

Lúc sinh tiền, Emma chưa được thấy tòa *capitol* mới hoàn thành và chính thức hoạt động. Ngày nay, hồn ma của cô trở về chốn cũ ăn mừng lễ Độc lập với đồng bào. Ước gì tôi được gặp cô lần nữa.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 14 tháng Tư, 2021

Ai Làm Nên Nổi?

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đối với một người Mỹ đi làm việc trung bình, hai hay ba tuần nghỉ phép hàng năm đưa gia đình đi chơi xa về mùa hè là quyền lợi nhân viên quan trọng. Trong thời gian ấy, vợ chồng con cái cùng nhau đi du lịch, thăm viếng thắng cảnh hay địa điểm nổi tiếng, đi ngoại quốc cho biết đó biết đây, và nếu con vào lứa tuổi thiếu niên, đến các khu giải trí được ngưỡng mộ như Disneyland ở nam California hay Disney World ở Florida. Các khu giải trí này có nhiều trò chơi và *ride* (các loại máy móc có ghế ngồi và chuyển động để tạo cảm giác hồi hộp mạnh mẽ cho người “đi” [hay “ride”]), mua vé vào chơi cả tuần lễ cũng chưa hết.

Tôi làm việc chưa đầy năm nên chưa có phép thường niên. Một số bạn người Việt của tôi có cơ hội đi nghỉ hè, nhưng họ không đi viếng cảnh hay du lịch mà đi thăm bạn bè thân nhân. Cả gia đình hay một nhóm bạn chất hết lên một chiếc xe hơi và thay nhau lái không nghỉ, chỉ ngừng lại đổ xăng và làm công tác vệ sinh. Đến nơi, gia chủ bày sẵn tiệc tiếp đón, khách ngồi vào chén mỳ chén tao đến khi say túy lúy và đi ngủ. Hôm sau, tiệc rượu lại tiếp diễn. Vài ngày sau, khách lên đường về nhà và lái một mạch như khi đi, mệt nhoài và buồn rầu ủ ê vì vừa chia tay với bạn bè.

Anh Phúc, Phiến, và thằng Sang em tôi vừa trở về sau một chuyến nghỉ hè như thế. Anh Phúc đi sang đây một mình, vợ con còn ở Việt nam, và làm việc trong xưởng dây chuyền lắp ráp của hãng chế tạo máy cày. Phiến độc thân thực sự và làm trong hãng chế tạo *trailer* (nhà di động). Thằng Sang vẫn đi làm trạm xăng và đã dọn ra ở chung với Phiến vì hết chịu đựng nổi bản tính nghiệt ngã của cha. Phiến trạc tuổi thằng Sang, người mập mạp và tốt bụng, nhưng phải tội ăn nói bừa bãi và khoái chê bai anh Phúc. Anh quê ở làng Mỹ Lợi cách Huế chừng 30 cây số về phía đông nam, làng duy nhất nằm trong tỉnh Thừa Thiên mà dân chúng lại nói giọng Quảng Nam. Phiến giễu cợt cách phát âm của anh qua mẫu chuyện khôi hài,

Hỏi: Tại sao người làng anh Phúc không biết ngồi xe lam hay đi xe đạp?

Đáp: Vì họ chỉ ngồi xe lôm và đi xe đạp.

Xe lam là loại xe thùng nhỏ có ba bánh dùng làm phương tiện chuyên chở công cộng của giới bình dân. Anh Phúc làm *ca đêm*, ban ngày lái xe lòng vòng thăm các bà độc thân có con mà không chồng, nhưng mật it ruồi nhiều, không dễ dầu gì lọt vào mắt xanh của họ. Phiến chọc ghẹo anh bằng câu ca dao,

Em như cục cứt trôi sông,

Anh như con chó chạy rông trên bờ.

Anh Phúc tức giận la lên,

“Trâu buộc ghét trâu ăn! Cái thằng Phiến này, mi ganh tị vì thấy tao đẹp trai nói chuyện có duyên được các ‘em’ mê tít thò lò.”

“Anh có số đào hoa mà sao suốt ngày vác ‘bộ đồ nghề’ chạy rông, chẳng nên cơm cháo gì?” Phiến cười cười.

“Mi cũng xách ‘củ cải’ chạy rông như tao chó giòi giang chi?”

“*Sức mẩy! Tui là trai tơ, súng ống chưa sử dụng, chưa nếm mùi đời, chay tịnh không sao. Còn ‘ai đó’ từng trải chuyện đời mới ăn quen nhịn không quen,*” Phiến phản pháo.

Chuyến nghỉ hè của ba người thực hiện được nhờ xưởng dây chuyền lắp ráp của anh Phúc cho nhân công nghỉ một tuần để bảo trì máy móc. Anh rủ Phiến và thằng Sang đi thăm gia đình người anh vợ anh ở ngoại ô Chicago thuộc tiểu bang Illinois. Lần đầu tiên có dịp đi xa nên tuy phải xin nghỉ làm không ăn lương, Phiến và thằng Sang sốt sắng nhận lời, nhất là khi nghe nói gia đình đó có hai cô em gái trẻ tuổi độc thân – biết đâu đấy!

Người đi xa về có thật nhiều chuyện để kể cho mấy tay nhà quê chưa có dịp ra khỏi North Dakota như tôi. Chicago có nhiều người Việt định cư, họ liên lạc được với thân nhân trên khắp thế giới và có đầy đủ tin tức Việt nam mà nhiều tháng nay báo chí Hoa kỳ hầu như quên bẵng. Nhờ vậy, tôi biết được những thủ đoạn cướp bóc trắng trợn và trả thù độc ác của chính quyền mới. Như “tiếp quản” các xí nghiệp tư và các trường đại học và trung học tư, bắt dân chúng đổi tiền nhưng chỉ cho đổi rất giới hạn – số tiền mồ hôi nước mắt còn lại bị mất toi, “đánh tư sản mại bản,” đày đọa “ngụy quân ngụy quyền” đi “học tập cải tạo,” và “tịch biên” nhà cửa và tài sản của gia đình họ, v.v. Đám dân thường sống khật khừ người không ra người bên ngoài nhà tù thì

*Lao động là vinh quang,
Lang thang là chết đói,
Hay nói thì ở tù,
Lù khù thì đi kinh tế mới.*

Trong khi anh Phúc và Phiến ba hoa về đời sống thành phố lớn trong bữa nhậu cuối tuần, thằng Sang đi làm bù cho những ngày nghỉ. Hơn một tuần sau ngày đi Chicago về, chiều thứ Sáu nó gọi điện thoại vào sở cho tôi,

“*Hôm nay anh cúp cua về sớm một bữa đi. Ra ba (bar) gần trạm xăng uống bia, tui bao. Làm cho lấm, tắm cũng ở trường!*”

Hai anh em tôi uống bia *chay* (không đồ nhắm) như người Mỹ. Khi uống *đủ đô* (dose), thằng Sang mở lời,

“*Anh còn nhớ thằng Khắc bạn học của tui ở Tuy Hòa không?*”

“*Thằng Khắc hiền hiền ngu ngu, sau khi thi đậu Tú tài II, đi sĩ quan Hải quân, và về Tuy Hòa phục vụ trong đội Hải Thuyền đóng gần bãi biển Đông Tác; anh biết nó mà,*” tôi gật đầu.

“*Lúc tui vừa tới nơi, ông anh vợ anh Phúc bày sẵn tiệc tẩy trần, và một lô bạn Hải quân ở quanh vùng ngồi chờ. Thằng Khắc là một trong mấy thằng Hai quân đó.*”

“*Mừng may gặp lại bạn cũ,*” nhưng tôi chờ nó đi vào chuyện chính.

“*Nó dẫn theo con bồ sắp cưới, tui thấy là muốn nhảy dựng lên. Anh tin được không, bồ nó là con Hạnh Thúy Phan Thiết?*”

Mùa hè năm 1971, thằng Sang bị gọi nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức, ra trường được chọn đi Pháo binh và gửi đi học ở trung tâm Huấn luyện Pháo binh ở Dục Mỹ, và được bổ về tiểu khu Bình Thuận ở Phan Thiết làm sĩ quan tiền sát gọi là *đi đê-lô*. Ở thành phố duyên hải duyên dáng hiền hòa này, nó làm quen với Hạnh Thúy, cô nữ sinh lớp 12 trường trung học Phan

Bội Châu, và dần dần tình yêu hai người lớn mạnh. Cha mẹ nàng là thương gia giàu có, không phản đối, và cho phép nàng dự liên hoan của sĩ quan tiểu khu với em tôi vào các dịp lễ tết lớn.

Ngày được thăng chức thiếu úy, thằng Sang hớn hờ đến nhà Hạnh Thúy dự định ngõ chuyện hôn nhân thì bị nói thẳng vào mặt là cha mẹ nàng đã quyết định gả con gái cho Trung úy Tạo, y sĩ trưởng Trung đoàn XX đóng ở Sông Mao. Mang mặc cảm thua kém tình địch, thằng Sang đau lòng ôm mối hận tình xin ra cầm trung đội Pháo binh đặt ngoài Phan Thiết và không lai vãng về thành phố. Ít lâu sau, dư luận tỉnh nhỏ đồn Bác sĩ Tạo bỏ rơi Hạnh Thúy để cưới cô con gái mười sáu tuổi của vị tướng tư lệnh sư đoàn và đổi về Sài Gòn làm việc. Người ta cũng *vô tuyến truyền miệng* Hạnh Thúy và đưa em trai “lên Đà Lạt học,” nghĩa là nàng mang bụng bầu lên đó sinh con.

Giọng nói của thằng Sang mang một chút tiếc nuối,

“Phải công nhận *gái một con trông mòn con mắt*, con Thúy càng ngày càng đẹp. Nhưng cặp với thằng Khắc *cù lần lửa* thì đúng là *bánh bột lọc cho ngẫu vọc*.”

“Sao mà không nhào *dzô* lại? Thời buổi *người khôn của khó* dễ gì mà kiếm được người như Thúy?” tôi gợi ý.

“Làm sao *tui* quên được nỗi nhục nhã đắng cay khi bị ‘em’ đá *ra rìa*? Đưa con thằng Tạo ‘tặng’ cho ‘em’ trước khi *quất ngựa truy phong* còn đó; con Thị Mầu sao nỡ biểu Thị Kính này nuôi?”

“Có bao giờ nói mà chuyện với Thúy về đứa bé, trai hay gái và tên gì không?”

“*Tui* đâu có dư thì giờ mà hỏi thăm con hoang của thằng Sở Khanh đó,” nó nói chắc nịch.

Thằng Sang không ngờ rằng cô bé tên là Thúy Sang, do “Hạnh Thúy” và “Sang” ghép lại, và thực ra là con của nó. Đầu tháng Tư năm ngoái (1975), khi Đà Lạt thất thủ, nàng ôm con cùng thằng em trai chạy về Sài Gòn ở đỡ nhà người bà con trong Chợ Lớn. Nàng vào trường Phú Thọ gặp tôi trước rồi mới đến nhà tìm thằng Sang. Khi nói chuyện riêng với tôi, nàng tiết lộ nhưng bắt tôi phải cam đoan giữ kín,

“Cuối năm 1973, anh Sang đưa em đi dự tiệc tất niên Quý Sửu của sĩ quan tiểu khu, bị bạn bè chuốc rượu say như, và đưa em về nhà. Hai đứa không kèm chế được lòng mình và dăng hiến cho nhau. Hôm sau tỉnh rượu, *ảnh* không nhớ cuộc ái ân đêm qua. Khổ nỗi em ngu tậ mạng, không hay mình dính bầu do cái lần đầu tiên và độc nhất đó, cho đến sau ngày ba má nhận lời cầu hôn của gia đình anh Tạo và ép em lấy *ảnh*. *Ảnh* khám phá ra bụng bầu của em và từ hôn.”

Khi Hạnh Thúy đến nhà thăm và gặp mẹ, thằng Sang đưa nàng về và đi chơi qua đêm. Trái với sự mong ước thiết tha của tôi, hai kẻ yêu nhau một lần nữa quay lưng lại với nhau.

* * *

Khoảng một tháng sau khi nói chuyện với thằng Sang, tôi được công ty gửi đi Chicago dự hội nghị về phương pháp khảo sát hệ thống điện, chuyển đi công tác xa đầu tiên của tôi. Hội nghị từ thứ Tư đến thứ Sáu, tôi ở lại cuối tuần, lục niên giám điện thoại và hỏi tổng đài tìm số điện thoại của Hạnh Thúy, và gọi hẹn gặp nàng đi ăn tối ở phố Tàu. Thấy tôi, nàng vui mừng chạy lại ôm khóc rưng rức; tôi hỏi,

“Nhỏ Thúy Sang khỏe không, bây giờ biết làm gì rồi?”

“Đạ, cháu mới biết đi lẩm đẩm và nói bập bẹ vài tiếng. Cháu ở nhà với ông bà ngoại vì em đi làm và đi học suốt ngày,” nàng lấy khăn chấm nước mắt.

“Thực không ngờ em và gia đình đi được sang đây. Hồi đó, anh tưởng em sẽ đưa cháu về Phan Thiết.”

“Ban đầu em tính vậy. Nhưng khi về nhà người bà con thì được tin đường sá ở Phan Thiết tràn ngập xe cộ của đoàn di tản từ các tỉnh phía bắc chạy vào, chợ Phan Thiết bị cháy rụi, và tỉnh nhà trở thành tuyến địa đầu chống lại quân Cộng sản. May quá, ba má kịp thời bỏ nhà bỏ cửa kéo mấy đứa em chạy thoát thân vào Sài gòn. Cả nhà tụ lại một chỗ và sau đó theo tàu Hải quân di tản sang đây.”

Hạnh Thúy kể chuyện vừa qua,

“Trong trại tỵ nạn Đồn Chaffee em gặp lại anh Tạo. *Ảnh* đi một mình vì cô vợ trẻ ở nhà cha mẹ cố và ông tướng anh hùng nhất định không rời khỏi nước và cũng không cho phép gia đình ra đi.”

“Và anh ta ngờ ý muốn chấp nối với em, phải không?” tôi hỏi đùa.

“Sao anh biết hay quá vậy?” nàng tưởng tôi nói thực, “*Ảnh* đề nghị hai đứa xáp lại sống chung, khai là vợ chồng và bé Sang là con *ảnh*, và làm lại từ đầu.”

“Sao em không nhận lời?”

“*Ảnh* tưởng nhỏ Thúy ít học ngu si này ham lấy bác sĩ lẩm nên đui mắt, không thấy cái dây thòng lọng thắt cổ. Em hỏi *ảnh*, ‘Chừng mai một vợ anh lù lù qua đây thì tính làm sao?’ *Ảnh* tịt ngòi luôn.”

Hạnh Thúy nói về cuộc sống hiện tại,

“Ba má đã có tuổi, ở nhà ăn trợ cấp chính phủ và giữ cháu. Ban ngày em làm bồi bàn tiệm Tàu, buổi tối đi học Anh văn và học thi lấy bằng GED.” GED (general equivalency diploma) là bằng tương đương với chứng chỉ tốt nghiệp trung học.

“Nhất em rồi! Không phải ai cũng chịu khó và có tinh thần cầu tiến như em; thằng Sang tối ngày chỉ lo ăn nhậu,” tôi thành thật khen nàng, “Nhưng sao anh nghe nói em sắp lập gia đình với Khắc bạn nó?”

“Không có đâu anh. Bữa đó em tới giúp làm tiệc vì em là bạn thân của em gái chủ nhà. Em biểu hai cô ấy nói vậy để chọc cho *ảnh* tức chơi. Em sợ đàn ông lẩm rồi anh ơi!”

Trên chuyến bay từ phi trường O’Hare Chicago về Bismarck chiều Chủ Nhật, tôi lẩn thẩn tự hỏi tại sao bé Thúy Sang lớn lên không có cha. Lỗi tại ai? Do cha mẹ Hạnh Thúy gây ra thảm kịch này? Hay vì thằng Sang đã tạo ra bé mà không hay biết bé hiện hữu? Hay tại Hạnh Thúy câu nệ, tự ái không thềm nói bé là con của nó? Và Bác sĩ Tạo có góp phần khiến nàng “sợ đàn ông lẩm rồi” không? Chung quy, chỉ có ông Trời là dễ đổ lỗi,

Cho hay duyên số bởi trời,

Dầu ai thêu dệt vẽ vời mặc ai.

(Ca dao)

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Tư, 2021

Nhiều Nỗi Truân Chuyên

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tháng Bảy và tháng Tám là hai tháng nóng nhất trong năm ở Bắc bán cầu. Mặc dù North Dakota nằm phía cực bắc Hoa Kỳ, giáp giới với Gia Nã Đại, mùa hè cũng nóng nực như nơi khác. Buổi chiều nhiệt độ có khi lên đến trên 100° Fahrenheit (khoảng 38° Celsius), nhưng không khí khô, và ban đêm trời mát xuống nhanh và trở nên dễ chịu. Với thời tiết khá lý tưởng này, vào cuối tuần, đám dân tỵ nạn quen sống vùng nhiệt đới quanh năm nóng và ẩm tha hồ vui hưởng các sinh hoạt tập thể như đi cắm trại, ăn uống và ngủ đêm ngoài trời, đi câu cá, và viếng thăm nông trại để làm gà làm heo và làm bò nương bê thui. Nhóm bạn tôi gồm một số cựu quân nhân Hải quân như anh Dần và anh Phúc và thanh niên độc thân như Phiến, ai nấy đều tháo vát và có nhiều sáng kiến.

Hôm ấy, chúng tôi ra thăm nông trại của vợ chồng Phượng và Dean. Thay vì bắt gà “đi bộ” làm thịt như thường lệ, anh Dần bỗng thêm ăn thịt heo tươi, “Ăn thịt heo đông lạnh bán ngoài siêu thị hoài ngán quá,” và nhờ Dean đưa sang trại nuôi heo gần đó mua heo con giết thịt. Anh Dần là kẻ đầu nê, việc gì anh cũng làm được dễ dàng. Thấy tôi đứng xớ rớ gần con heo vừa bị bắn chết và tỏ bộ muốn phụ giúp, Phiến gạt tôi sang một bên,

“Anh *Ba Hoa* làm *thợ vịn* chỉ vướng tay vướng chân người khác. Xê ra cho *tui* nhờ!”

Được lời như cỏi tắc lòng, tôi lấy thuốc lá ra hút phì phèo,

“Xê ra thì xê, sợ gì?”

“Coi kìa, ông kỹ sư *chừ* đứng làm giám thị chỉ huy tụi mình,” anh Dần cười khà khà.

“Giám thị gì anh *Ba Hoa*, giám thị . . . ăn thì có!” đến lượt Phiến mỉa mai.

Phiến hay nói *xóc óc*, nhưng trúng *phóc* ở điểm tôi vụng về không làm gì ra hồn ngoài việc . . . ăn. Chẳng hạn như khi biết tôi không biết câu cá, anh Dần đưa tôi đi mua cần câu và các dụng cụ cần thiết và chỉ dẫn cách móc mồi, ném dây câu, v.v. Tôi ra hồ câu với anh hai lần, lần nào cũng ngồi cả buổi mà không có con cá nào chịu cắn câu. Anh nói tôi không có số “sát cá,” “Thôi anh cứ ngồi chỗ cắm trại đọc sách hay theo đuôi *mụ* vợ nghe lóm chuyện *tò le* (ngồi lê đôi mách), *chờ tui* đem cá về.” Từ đó, tôi giữ nhiệm vụ nhóm lửa trong lò đốt bằng than để các bà nương cá câu được và thịt ướp sẵn ở nhà mang theo.

Hôm nay có anh Phúc là người *khắc khẩu* với Phiến, tôi không thể bỏ qua dịp tốt để xúi hai người cãi nhau cho có chuyện cười. Tôi quay sang anh Phúc phân trần,

“*Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo*. Mấy người này . . . mệt quá; tôi muốn phụ một tay thì không cho, mà đứng ngoài ngó cũng không để cho yên thân.”

“Thằng Phiến biết khi khò gì mà anh *thốc mốt* (thắc mắc) *lòm* (làm) *chi* cho mệt người?” với giọng Quảng Nam, anh nói với tôi nhưng cốt để Phiến nghe.

“*Tui* nghe rồi đó. Anh Phúc bữa nay bị mấy ‘mệnh phụ phu nhân’ cho *ra rìa*, hết chỗ chầu chực, và phải đi chơi với tụi *tui* sao?” Phiến hỏi móc, ám chỉ anh Phúc đi làm *ca* đêm và

ban ngày rảnh rỗi lái xe loanh quanh “thăm” các bà độc thân có con mà không chồng, và không ai đáp lại . . . thịnh tình của anh.

“Cái thằng Phiến *ni, mi* ăn nói ba láp ba xàm nữa thì tao kêu con Thúy Hạc tới *chưởi mi* một trận cho tởn thối *cà chớn*,” anh Phúc dọa nhưng hiển nhiên đã xuống nước.

Thúy Hạc và chồng là Ralph ở thành phố Dickinson có chừng 15,000 dân nằm cách Bismarck 100 dặm Anh về phía tây. Chúng tôi gặp cặp vợ chồng này khi họ đến dự tiệc ăn mừng năm mới (1976) được tổ chức để cảm ơn ân nhân bảo trợ và bạn mới trong thành phố. Họ đến trễ, tôi ra đón, và tôi ngần ngại vì trông Thúy Hạc rất quen nhưng không nhớ đã gặp ở đâu. Nàng cũng thân thờ, có lẽ cũng vì vậy. Tôi bận rộn lằng xằng nên đưa hai người đến bàn Phiến ngồi và nhờ Phiến tiếp giùm.

Ngày phục vụ ở Việt nam, Ralph là đại úy tâm lý chiến, hai người cùng nhau về Mỹ năm 1973, và Ralph làm cán sự xã hội trong dưỡng trí viện Dickinson. Hai người có hai cậu con trai: đứa lớn bảy tuổi có khuôn mặt rất Việt nam và được hai người gọi bằng cái tên nghe tựa tựa như “Tu-an” mà chúng tôi thầm đoán là “Tuấn,” và đứa nhỏ ba tuổi rõ ràng là con lai. Sau này, dù chơi thân với Thúy Hạc, tôi vẫn không biết gì về thân thế nàng. Nàng *thủ khẩu như bình*, nói lằng sang chuyện khác khi bị hỏi về đời tư ở bên nhà.

Khi cả bọn đi chơi chung, Thúy Hạc bày tỏ cảm tình đặc biệt đối với tôi và đôi khi *âu yếm có chiều lá lơi*, nhưng nói bằng tiếng Anh nên không ai để ý. Tôi nhận thấy Phiến si mê nàng nhưng không dám bộc lộ mà thỉnh thoảng đùa cợt chót nhả khiến nàng nổi giận mắng nhiếc thậm tệ. Tuy thích cãi vã, Phiến bị mắng mà vẫn nín khe, không một lời biện bạch. Đó là lý do anh Cấp đem Thúy Hạc ra dọa Phiến.

Tôi nghe nói cuối tuần Phiến hay lái xe lên Dickinson, chạy quanh quẩn vài vòng trong thành phố nhỏ, và ngồi hàng giờ ở ghế đá trong công viên trước nhà Thúy Hạc. Một thiếu phụ thông minh, xinh đẹp, và cởi mở như nàng, nếu nhằm lúc, đàn ông ai mà không yêu? Ngay cả tôi, dù có nàng tiên Quỳnh Châu bên cạnh, thỉnh thoảng ngủ mơ thấy mình sánh vai gần gũi Thúy Hạc. Khi tỉnh giấc, tôi cho giấc mơ ấy, theo thuyết phân tâm học của Sigmund Freud (1856 – 1939), phát sinh do ham muốn tình dục bị dồn nén vào tiềm thức.

* * *

Mùa thu năm 1978, Quỳnh Châu cùng bé Mạc đi Âu châu thăm gia đình nàng, tôi ở nhà đi làm, và một biến cố dị thường xảy đến. Hôm đó là sáng thứ Bảy, tôi lái xe lên Dickinson rồi tiện dịp ghé thăm Thúy Hạc trong khi Ralph chồng nàng đưa hai đứa con về tiểu bang Indiana thăm bà nội. Vào trong nhà, tôi choáng váng trước cảnh mộng huyền hay thấy trong giấc mơ: Thúy Hạc nằm nghiêng trên giường trong bộ áo quần ngủ lụa hồng, tựa đầu lên chiếc gối thêu hoa, và mắt khép mơ màng. Mê mẩn bước lại gần và trước khi cúi xuống hôn lên đôi môi mồi mọc như trái qua trong mộng, tôi giật mình thức tỉnh, nhắm nghiền mắt lại để xóa tan mộng cảnh, và bước ra ngoài. Ba ngày sau, tôi nhận được thư của nàng xác nhận điều tôi âm ý nghi ngờ nhưng gạt đi, cho là thậm vô lý,

Từ ngày gặp anh lần đầu, em luôn ngủ mơ thấy trong một kiếp xa xưa nào đó của em – và của anh, mình là đôi vợ chồng hạnh phúc bên nhau.

Rồi tôi được tin vợ chồng Thúy Hạc dựng bảng bán nhà dọn đi nơi khác và không để lại địa chỉ. Khoảng một tuần sau, Phiến đến thăm tôi với vẻ mặt buồn thiu. Tôi lấy bia, loại bia Budweiser thường uống, ra mời, nhưng Phiến lắc đầu và chạy ra xe lấy vào hai xâu (12 lon) bia Old Milwaukee. Miệng méo xẹo nhưng Phiến rán ghẹo tôi,

“Anh là ông kỹ sư mới uống Budweiser lon trắng, làm bằng gạo, nặng độ rượu hơn, và mất tiền hơn; *tui* là dân *lao động vinh quang* chỉ dám chơi Old Milwaukee vừa nhẹ vừa rẻ.”

“Không phải vậy. Tôi uống Budweiser vì ngày sinh viên túi không tiền được mấy ông chú cho uống bia Budweiser *chùa*. Rồi thành quen thói,” tôi phân trần rồi hỏi, “Hôm nay có chuyện *chi* mà *tôm* quá bộ đến nhà rờng?”

“Anh biết chị Hạc dọn nhà đi chỗ khác rồi không?” Phiến không dấu vẻ bực bội.

“Bây giờ tôi biết rồi. Nhưng mà sao?”

Tôi trả lời lửng lơ vì chưa biết chủ ý của Phiến. Dù sao đi nữa, tôi không thể tiết lộ mối liên hệ huyền ảo giữa mình và Thúy Hạc. May thay, dường như muốn chia sẻ niềm tâm sự, Phiến lúng túng mở đầu,

“Anh biết *tui* là người Việt gốc Hoa và hồi trước học trường trung học Mạc Đĩnh Chi không?”

“Tôi không biết Phiến là dân ‘*ngộ ái nị*’ (tôi yêu cô/anh), nhưng ngôi trường mang tên vị Lưỡng quốc Trạng nguyên đó thì tôi biết.”

Mạc Đĩnh Chi là trường trung học công lập hỗn hợp (nam nữ học chung) duy nhất ở Sài Gòn và được thành lập năm 1957 dưới thời Đệ nhất Cộng hòa, sau khi chính phủ ban hành Dụ (hay Sắc lệnh) số 53 cấm Hoa kiều làm 13 nghề họ đang nắm độc quyền thao túng thị trường. Nếu muốn giữ nghề cũ, họ phải nhập Việt tịch và hưởng quyền lợi và thi hành bốn phận như những người Việt khác. Trường được lập ra nhằm đáp ứng nhu cầu của học sinh người Việt gốc Hoa chuyển sang học chương trình Việt. Họ được vào học vô điều kiện trong vài niên khóa đầu, dần dần phải thi tuyển với ưu tiên có thêm điểm, và sau đó Việt hóa hoàn toàn.

Tiếng Trung Hoa có rất ít đại danh từ để xưng hô, không như tiếng Việt có vô số đại danh từ khác biệt nhau một cách tinh tế. Ngôi thứ nhất tiếng Trung Hoa chỉ có chữ *ngã* (người Quảng Đông phát âm là *ngộ*, là “tôi”) và ngôi thứ hai chỉ có vài ba chữ như *nhĩ* và *nãi* (cả hai, người Quảng Đông phát âm là *nị*, là “anh” và “cô”). Do đó, ở Mạc Đĩnh Chi, thầy cô đôi khi nghe học sinh phát biểu những câu tréo cẳng ngổng như,

Thưa thầy, nó đánh tao.

hay

Thưa cô, mày hỏi cái gì tao không hiểu?

Qua bước đầu, không còn ngượng miệng, Phiến nói về Thúy Hạc,

“*Chỉ* là một hoa khô của Mạc Đĩnh Chi và trên *tui* hai lớp. Đưa vô danh tiểu tốt như *tui* lại cả gan chơi trò, âm thầm hâm mộ *chỉ* từ hồi đó.”

“Vậy Hạc là người Việt gốc Hoa mà tôi không hay, sao Phiến không nhìn bà con?”

“Từ phút đầu tiên, khi anh đưa *chỉ* lại giới thiệu và nhờ tiếp giùm, *tui* nhận ra *chỉ* liền. Nhưng mấy năm nay không dám hé môi nói cho ai biết.”

“Tại sao lạ vậy?”

“Vì cảnh ngộ, *chỉ* thay tên đổi họ để trốn lánh mọi người quen cũ,” Phiến trầm ngâm nhớ lại chuyện người đàn bà bí ẩn.

Nàng tên thật là Nhan Thủy Thúy, con một của một gia đình thương gia giàu có ở trên đường Lục Tỉnh Chợ Lớn. Mùa thu 1967, sau khi đậu Tú tài II hạng Bình, nàng ghi danh học “chứng chỉ” Lý Hóa Nhiên tức là SPCN (Science, Physique, Chimie, et Naturelle) ở Đại học Khoa học Sài Gòn trong khi làm thủ tục giấy tờ đi Hoa Kỳ du học ngành quản trị xí nghiệp để sau này coi sóc cơ nghiệp gia đình. Người yêu của nàng cũng là cựu học sinh Mạc Đĩnh Chi và đang theo học ngành kiến trúc ở trường Cao đẳng Kiến trúc nằm trên đường Pasteur.

Tết Mậu Thân (1968), Việt Cộng tấn công vào các thành phố, đột nhập vào Chợ Lớn, và trốn trong nhà dân chúng để bắn ra. Chiếm giữ nhà Thủy Thúy là thằng Việt Cộng cầm đầu “Thành đoàn,” tên gọi tắt của “đoàn Thanh niên Lao động Việt nam,” chuyên giết dây, phá rối, và khủng bố trong hàng ngũ thanh niên, sinh viên, và học sinh ở “nội thành” Sài Gòn - Gia Định. Thằng này trước kia giả dạng người Việt gốc Hoa trà trộn vào Mạc Đĩnh Chi, trên nàng ba lớp, và mê nàng như điên đổ nhưng bị thằng tay cự tuyệt. Thừa cơ hội đột nhập này, nó dùng võ lực cưỡng bức nàng. Trước khi cùng đồng bọn trốn chạy, nó hứa giữ kín chuyện này nếu hàng tháng cha mẹ nàng nộp một số tiền lớn để “ủng hộ nhân dân miền Nam anh hùng đánh lại đế quốc Mỹ.” Nếu không, nó sẽ công bố chuyện nàng không còn trinh trắng và cho đặc công phá vỡ cơ sở kinh doanh và hạ sát cả gia đình.

Kể đến đây, Phiến nén tiếng thở dài thương cảm,

“*Họa vô đơn chí, chỉ* khám phá ra mình mang thai, mộng ước du học trở thành mây khói, và người yêu không còn lai vãng thăm viếng và nghe đâu đã cặp bồ với cô khác.”

“Tại thằng Việt Cộng khốn nạn mà ra cả,” tôi tức giận la lớn.

“Dù ở trong hoàn cảnh nghiệt ngã, *chỉ* đáng mặt là bậc anh thư cho *tui* tôn thờ. Người ta đồn *chỉ* bí mật tiếp xúc với cơ quan an ninh và hợp tác để giúp họ tìm cách *hốt* trọn ổ bọn Việt Cộng nằm vùng. Kế hoạch thành công, mạng lưới đặc công vùng Chợ Lớn bị phá vỡ, và thằng hèn hạ đào tẩu không kịp bị bắn chết. Sau đó, *chỉ* biến mất; không ai biết *chỉ* đi đâu và làm gì. Cha mẹ *chỉ* cũng vậy; nhà cửa và doanh nghiệp đã chuyển nhượng cho người khác.”

Điều này giải thích tại sao Thúy Hạc không bao giờ đề cập tới quãng đời ngày trước; cậu bé “Tu-an” có lẽ là đứa con oan trái đó. Cuộc đời nàng như được diễn tả bằng lời mở đầu *Chinh phụ Ngâm khúc*,

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,

Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên.

(Đặng Trần Côn – Đoàn thị Điểm)

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 9 tháng Sáu, 2021

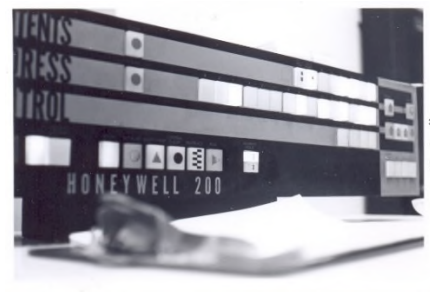
Máy Điện Toán và Tôi

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tôi làm việc ở nha Điều hành Hệ thống Điện của Công ty Tiện ích Montana-Dakota đã được năm tháng. Ông sếp già Howard để cho tôi tự do chọn làm các dự án thấy hợp với kiến thức lý thuyết của mình. Tôi miệt mài học hỏi phương cách điều hành hệ thống điện và cố gắng thích nghi với vai trò kỹ sư kế hoạch điện lực. Trong môi trường mới, việc tính toán liên quan đến hệ thống điện đòi hỏi hàng ngàn, có khi hàng vạn, con tính nhỏ và không thể làm bằng tay mà phải dùng máy điện toán. Tôi thấy mình thua kém các kỹ sư trẻ của công ty ở chỗ họ đều học FORTRAN và dùng máy điện toán khi còn học trong trường đại học. FORTRAN (do “Formula Translation” là phiên dịch công thức) là ngôn ngữ thảo chương dùng để tính toán trong các áp dụng khoa học và kỹ thuật.

Ở Việt nam, tôi đã tự học lý thuyết máy điện toán, và Ngành Điện của Đại học Kỹ thuật thuộc Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức có một chiếc máy Nova 800 do hãng Data General chế tạo. Tôi cũng đã dự một khóa hội thảo dành cho giảng viên trường Đại học Kỹ thuật dạy thảo chương ngôn ngữ BASIC. BASIC (do “Beginner's All-purpose Symbolic Instruction Code” nghĩa là mệnh lệnh dùng ký hiệu đa dụng dành cho người mới học) được Đại học Dartmouth thiết kế và phổ biến năm 1964. Nhưng tôi chỉ đứng xa nhìn chứ chưa hề rớ tới chiếc máy Nova, và tầm hiểu biết về máy điện toán và BASIC chỉ là lý thuyết suông.

Máy điện toán chính (duy nhất) của công ty là hệ thống Honeywell 2000 với ký ức có khả năng chứa 32 KB (kilobyte, tức một ngàn “byte”). Điện thoại di động ngày nay với ký ức 16, 32, hay 64 GB (Gigabyte, tức một tỉ “byte”) có khả năng bằng 500 ngàn, một triệu, hay hai triệu lần chiếc máy Honeywell tối tân năm 1976. Máy điện toán này và dụng cụ ngoại biên được đặt trong phòng máy điện toán là một căn phòng lớn ở lầu ba có gắn máy lạnh để làm mát; mạch điện tử khi hoạt động sẽ tỏa nhiệt và nếu nóng lên sẽ bị hư hỏng. Hệ thống được các điều hành viên điện toán trực tiếp điều khiển bằng cách đánh mệnh lệnh vào bàn chữ đặt trên mặt *console* là bộ phận điều khiển trông giống như cái tủ nhỏ kiểu có chân đứng.

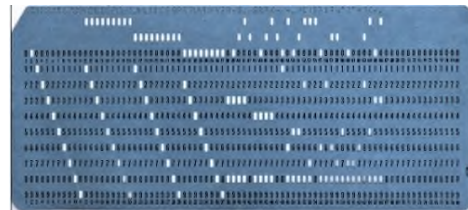


Tôi biết mình không thể không biết thảo chương (programming) FORTRAN và bắt đầu chương trình học ngôn ngữ này bằng cách hỏi anh bạn đồng sự Dennis ngồi kế bên, “Anh còn giữ cuốn sách FORTRAN nào không?” Hình như đã chờ đợi câu hỏi này từ lâu, Dennis lấy từ kệ sách trước mặt đưa cho tôi cuốn sách giáo khoa anh dùng ở đại học và tập tài liệu bìa rời do hãng

Honeywell cung cấp. Anh là chuyên viên phụ trách thiết trí và điều hành các chương trình FORTRAN giải toán về hệ thống điện. Tôi để ra ba ngày làm việc ở sở và nguyên cuối tuần ở nhà nghiên ngẫm hai tập sách rồi đến sáng thứ Hai báo cho anh biết tôi đã sẵn sàng, anh cần giúp tôi khởi sự.

Chương trình điện toán đầu tiên của tôi sẽ tính đặc tính về điện của các đường dây truyền điện cao thế có cấu trúc, dây dẫn điện, chiều dài, v.v. khác nhau của công ty. Tôi có sẵn dữ kiện thô, đã thực hiện phép tính bằng tay, và có đầy đủ kết quả nên chỉ cần chú trọng về mặt thảo chương. Trước hết, Dennis hướng dẫn tôi viết mệnh lệnh vào mẫu thảo chương mà mỗi dòng có 80 ô, mỗi ô dành cho một ký tự (character). Ký tự có thể là một chữ (như A, B, C), một số (như 1, 2, 3), hay một ký hiệu toán học (như +, -, *, /).

Sau khi viết xong mẫu thảo chương, tôi gửi xuống ban Xuyên Phiếu ở lầu ba yêu cầu “đọc lỗ và soát lại.” Ban này có hơn một chục nhân viên, toàn là phụ nữ. Họ dùng máy xuyên phiếu trông tựa như một chiếc máy chữ lớn để đọc lỗ tín hiệu (key punch) vào các tấm thẻ, và để soát lại, dùng máy kiểm phiếu có hình thể tương tự. Mỗi tấm thẻ là một dòng mệnh lệnh và có 80 cột tương ứng với 80 ô trên mẫu thảo chương. Mỗi cột trên thẻ gồm 12 “ô” (hay khoảng trống nhỏ), mỗi “ô” có thể được đọc lỗ hay không để tương ứng với 1 hay zero trong hệ thống nhị phân, và mỗi chuỗi số gồm 1 hay zero kế tiếp nhau đó biểu diễn một ký tự riêng biệt. Thí dụ A là 000001000001.



Bị giới hạn sáu ký tự là dài nhất, tôi đặt tên chương trình là LINCAL (viết tắt của Line Calculations). LINCAL gồm khoảng 2,000 dòng, số thẻ đã đọc lỗ đựng vừa vặn chiếc hộp chữ nhật hăng sản xuất dùng chứa thẻ mới gửi tới cho khách hàng. Tôi gửi (submit) hộp thẻ vào phòng máy điện toán để in ra thành chữ để soát lại và sửa lại công trình của mình một lần cuối. Nhưng đấy chỉ là bước đầu tiên – rất nhỏ – của chặng đường gian nan trước mặt: giai đoạn biên dịch (compile) chuyển mệnh lệnh nguồn thành chương trình thừa hành (executable) chứa trong máy điện toán mà sau này người sử dụng có thể gọi ra, cung cấp dữ kiện cần thiết, và sai khiến tính toán và in ra kết quả.

Mỗi lần làm biên dịch, nếu chương trình nguồn không bị máy điện toán “chê” vì lỗi cú pháp (không đúng quy luật FORTRAN) thì chương trình thừa hành mới được tạo ra và thay thế chương trình cũ, và tôi dùng dữ kiện mẫu chạy thử. Trong năm, sáu lần chạy thử đầu tiên, LINCAL không những không cho kết quả mong muốn mà còn gây ra chuyện khác thường. Thí dụ, chương trình đi vào một “vòng vô tận” khiến máy điện toán chạy hoài không ngừng, và điều hành viên gọi điện thoại cho tôi than phiền trước khi “giết” (chấm dứt ngang) chương trình. Có

lần chương trình in ra một đồng giấy cao cả thước mà trang nào trang nấy y hệt nhau, tôi lại bị một phen mắng vồn.

Mỗi lần chương trình chạy sai là một dịp học hỏi: Tôi tham khảo ý kiến Dennis, tra cứu sách vở, và tìm cách viết mệnh lệnh hiệu quả hơn. Rồi mang hộp thẻ vào phòng xuyên phiếu, kiểm một chiếc máy đục lỗ không ai dùng, và mò mẫm đánh lại thẻ. Từ nhỏ đến lớn, tôi chưa bao giờ dùng máy chữ nên khi muốn đánh một ký tự, phải lần mò tìm ký tự ấy trên bàn chữ rồi dùng ngón tay trở bàn tay phải *mổ cò* một phát. Nếu đánh sai một ký tự thì phải bỏ nguyên tấm thẻ đang đục lỗ và làm lại từ đầu.

Trong ba tuần lễ đầu tiên tập tễnh làm thảo chương viên, tôi *ăn dầm nằm dề* ở phòng xuyên phiếu trước cặp mắt lạnh lùng khó chịu của chị trưởng ban trạc tứ tuần mà chưa có chồng. Một hôm, đến cuối ngày mà vẫn chưa hoàn tất các sửa đổi cần thiết, tôi để hộp thẻ ở phòng xuyên phiếu và ngẫu nhiên ra về một lượt với chị ta. Trong thang máy, chị trêu tôi, nhưng nghiêm mặt không cười,

“Hình như anh thích làm công việc xuyên phiếu? Anh cứ nộp đơn, chúng tôi đang cần người.”

Tôi bối rối đỏ mặt tía tai, *đau như hoạn*, nhưng đành cắn răng cười trừ. Hôm sau, tôi mượn cuốn sách chỉ dẫn cách dùng máy xuyên phiếu, để ra một buổi đọc từ đầu đến cuối, và ghi ra những điều cần nhớ trước khi tiếp tục sửa thẻ. Nhờ vậy, tôi biết rõ cách dùng máy, và ngón tay *mổ cò* tuy vẫn chậm rì nhưng không còn đánh sai *tùm lum* như trước.

Một tháng trôi qua và sau khoảng hai chục lần biên dịch và chạy thử, chương trình LINCAL của tôi hoạt động đúng như tôi và Dennis đã hoạch định. Chúng tôi mang bản in vào văn phòng ông Howard trình bày kết quả dự án. Ông *sếp* là kỹ sư thuộc thế hệ cũ và không biết nhiều về thảo chương hay máy điện toán. Ông chăm chú nghe tôi trình bày phương pháp tính toán, gật gù đồng ý với tôi về dự định in kết quả thành một tập tài liệu để phổ biến đến các kỹ sư trong công ty, và cuối cùng hỏi một câu tưởng chừng như không ăn nhập gì tới vấn đề đang thảo luận,

“Vậy chớ ngày tháng chạy máy ở đâu mà không thấy?”

“Tại sao cần đến ngày tháng?” cả tôi và Dennis cùng kêu lên.

“Các bạn trẻ ơi,” ông Howard mỉm cười sờ râu mép và chậm rãi giải thích, “Giả sử trong tương lai, hàng năm các anh cập nhật hóa dữ kiện về các đường dây truyền điện và chạy lại chương trình, nếu không in ngày tháng trên bản in, làm sao biết được bản nào lỗi thời cần liệng bỏ và bản nào hiện hành cần giữ lại?”

“Hôm nay ông làm chúng tôi thành hai *thằng trán trẹt*!” Dennis thẹn thùng chấp nhận lời khuyên giản dị mà thực tiễn của ông *sếp*.

Dennis có óc hoạt kê khá đặc biệt, danh từ “*thằng trán trẹt*” bắt nguồn từ câu chuyện khôi hài anh hay kể,

Một anh kỹ sư tự cho mình thông thái và biết nhiều và mỗi lần nghe ai nói điều gì mà anh không biết, xòe tay vỗ mạnh vào trán, “Ừ, dễ quá; có thể mà không nghĩ ra!” Tháng lại ngày qua, trán anh bị vỗ dài dài và trẹt hẳn ra, và anh ta có tên “thằng trán trẹt.”

* * *

Trong khi tôi và Dennis thảo chương và sử dụng máy điện toán vì nhu cầu tính toán kỹ thuật, sở Khai thác Dữ kiện (Data Processing) có nhiệm vụ trông nom và điều hành máy điện toán và phụ trách các công việc tính toán và kiểm kê “quan trọng hơn,” liên quan trực tiếp đến tiền bạc như hồ sơ tài chính và kế toán, hóa đơn tính tiền khách hàng, lương bổng nhân viên, hàng hóa tồn kho, v.v. Nhân viên khai thác dữ kiện chuyên môn có ba bậc: Thấp nhất là điều hành viên, kế đến là thảo chương viên, và sau cùng là phân tích viên. Hai nhóm sau dùng COBOL (từ "Common Business-Oriented Language" nghĩa là ngôn ngữ thông dụng chuyên dùng cho ngành kinh doanh) để thảo chương.

Các nhà điện toán chuyên nghiệp đó xem tôi là “người ngoài” được đặc ân dùng máy *ké*. Khi tiếp nhận yêu cầu chạy máy của tôi, các điều hành viên tỏ vẻ *khinh khỉnh như chính mồm thối*. Để chạy một chương trình FORTRAN bình thường, điều hành viên chỉ cần nạp thẻ vào máy đọc thẻ và đánh mệnh lệnh vào bàn chữ trên *console*,
READ (Đọc).

Sau khi máy đọc thẻ đọc xong, chương trình sẽ điều khiển máy điện toán làm việc và in ra những điều họ cần làm trên *console* – không cần suy nghĩ gì cả. Dennis hay nói đùa với tôi,
“Bọn điều hành viên ngồi không trong phòng máy lạnh và không vận dụng trí não nên bộ óc dần dần teo lại bằng hạt cát. Thật tội nghiệp!”

Một hôm tôi mang thẻ vào phòng máy điện toán và chờ mãi không thấy bóng dáng điều hành viên nào. Nóng lòng chạy chương trình để có kết quả sớm, tôi nhìn quanh nhìn quất không thấy ai bèn hối hả nạp thẻ vào máy đọc và bước tới *console* đánh vào mệnh lệnh READ. Sau đó, tôi lẳng lặng mang thẻ về bàn giấy mình và để chương trình chạy trong máy như thường lệ.

Hai hôm sau, tôi và Dennis bị ông Wally phó tổng giám đốc gọi lên văn phòng. Trên tay cầm một xấp hồ sơ, ông rầy tôi,

“Tôi vừa nhận được đơn kiện của IBEW (Nghịệp đoàn Công nhân Ngành Điện Quốc tế). Họ phàn nàn ngày hôm kia anh đã vi phạm khế ước giữa nghịệp đoàn và công ty vì đã tự tiện dùng *console* trong phòng máy điện toán. Chỉ điều hành viên thuộc nghịệp đoàn mới có quyền đụng tới nó, anh biết chưa?” và ông quay sang trách Dennis, “*Ba Hoa* chưa quen làm việc với bọn Khai thác Dữ kiện, tại sao anh không chỉ cho anh ta biết?”

“Thưa bác, việc đó do lỗi cháu, không dính dáng đến Dennis. Cháu đợi lâu quá mà điều hành viên biến đâu mất hết nên đã tự ý sai khiến máy đọc thẻ đọc vào máy điện toán,” tôi nhận lỗi và thuật lại sự việc.

“Tôi bỏ qua cho anh lần này, nhưng luật lệ là luật lệ, khiếu nại của nghịệp đoàn sẽ ghi vào hồ sơ cá nhân của anh.”

Về lại bàn giấy của mình, tôi hỏi Dennis,

“Anh nghĩ tôi còn gặp rắc rối nữa không?”

“Hiện tại, ngoài việc bị mấy tên điều hành viên *cotton-picking* nghênh nghênh nhìn, anh sẽ không bị phiền phức gì cả. Vì *sếp* Howard không ưa bọn nghịệp đoàn,” Dennis lắc đầu;

“cotton-picking” là từ ngữ chung dùng để chỉ trích với ý không bằng lòng, trong trường hợp này có thể hiểu là “ba láp” hay “cà chớn.”

“Nhưng sau này thì sao?” tôi chưa yên lòng.

“Anh có tên trong ‘sổ đen’ của nghiệp đoàn; vài chục năm nữa, cơ hội trở thành tổng giám đốc công ty của ‘kỹ sư *Ba Hoa*’ sẽ kém đi một phần nào vì khi tuyển chọn, hội đồng quản trị có thể xét tới vụ này. Nhưng anh đừng lo; chúng mình không phải là dân *đếm hạt đậu* (kế toán viên) và cũng không là luật sư ăn gian nói dối, làm sao lên được danh sách ứng viên đó?”

Ước gì từ phòng xuyên phiếu đến phòng máy điện toán, tôi chỉ đối phó với máy móc vô tri vô giác mà thôi. Con người sao lắt léo quá!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 19 tháng Năm, 2021

Giả Ngu Tìm Bọ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Lễ Lao động, ngày thứ Hai đầu tiên của tháng Chín, được gọi là "ngày kết thúc không chính thức của mùa hè"; đó là lúc các sinh hoạt mùa hè chấm dứt. Ở Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU), cũng như các hãng xưởng khác, nhiều nhân viên đưa gia đình đi nghỉ hè trong hai tuần trước *cuối tuần dài* lễ Lao động, vì sau đó học trò đi học lại và từ đây cho đến cuối năm khó tìm được thời gian cả gia đình thông thả để cùng đi chơi xa. Đó cũng là lúc các môn thể thao mùa thu bắt đầu.

Trong sở, anh bạn Charlie cầm tập giấy đi quanh "tuyển mộ" cầu thủ lập đội bóng chuyên; MDU sẽ bảo trợ đội bóng, nghĩa là trả các món lệ phí và tiền mua áo may-ô cầu thủ. Đội bóng chơi vào tối thứ Tư trong 14 tuần lễ ở sân vận động trong nhà của thành phố. Sự khuyến dụ của Charlie khiến tôi xiêu lòng *xăm mình* ghi danh vào đội, mặc dù trước đây chưa từng chơi môn thể thao này. Tối đầu tiên là buổi tập thử, huấn luyện viên kiêm trọng tài chỉ dẫn luật chơi và kỹ thuật giao banh, đỡ banh, nâng banh, đập banh, v.v. Mười hai tuần lễ kế tiếp là các buổi đấu thử giữa các đội cùng một *league* (một hạng); đội MDU xếp vào hạng C là hạng thấp nhất. Hai ngày cuối tuần của tuần lễ cuối thì đấu tranh giải giành cúp vô địch có khắc tên cầu thủ toàn đội.

Đội MDU thường đấu thua, người đóng góp nhiều nhất vào cuộc thất bại là tôi. Mặc dù các bạn đồng đội có tinh thần cạnh tranh muốn thắng, không ai trách cứ hay than phiền khi tôi đỡ banh trượt hay đánh banh văng ra ngoài lẫn vạch trắng quanh sân. Ngược lại, khi tôi đánh một đường banh tạm được, họ la lên khen, "Good job!" (Đánh giỏi!). Khi đội nhà đánh thắng một đường banh, cả bọn xúm lại đưa tay lên cao đánh vào nhau để tự tán dương.

Anh bạn Dennis cũng chơi trong đội bóng chuyên MDU. Nếu xếp hạng, tôi đánh dở nhất thì anh đứng thứ nhì. Trong lúc tôi thấp và tay ngắn thường hứng hay đỡ banh hụt thì anh hay bị trọng tài bắt lỗi vì "bung và ném," nghĩa là thay vì hứng hay đỡ, anh xòe cả hai bàn tay đón bắt trước khi thấy banh sang phía đối phương. Óc hoạt kê đặc biệt của anh lại được dịp làm việc, anh bào chữa, "Tôi giữ banh trên tay hơi lâu vì tôi là kỹ sư chính hiệu," và đưa ra câu chuyện khôi hài, *Một nhà toán học, một nhà vật lý, và một kỹ sư được giao nhiệm vụ tìm thể tích một quả bóng. Nhà toán học lấy quả bóng đo đường kính rồi tính thể tích. Nhà vật lý nhúng quả bóng vào nước và đo lượng nước bị choán chỗ. Anh kỹ sư cầm trái bóng quay qua trở lại rất lâu. Để tìm số kiểu hàng!*

Số kiểu hàng (kiểu xe, kiểu máy, v.v.) là số hay ký hiệu đặc thù của một sản phẩm mà nhà sản xuất đặt ra để phân biệt với những sản phẩm khác. Ta có thể dùng số kiểu hàng để lục tìm tính chất của sản phẩm trong mục lục hàng hóa. Sau khi đánh banh, cả hai đội – đội nhà MDU và đội vừa giao đấu (luân phiên hàng tuần) – kéo nhau sang *ba* (bar) phía bên kia đường uống bia, *go Dutch* (chơi theo lối Hòa Lan) phần ai nấy trả. Khác với người Việt (là tôi) khi uống bia thì uống lấy uống để, uống cho nhiều, và nốc một hơi cho mau say, người Mỹ (là bạn tôi) gọi bia uống

thong thả, ngồi ở bàn mình hay đi quanh gặp người quen nói chuyện rí rả, và cả buổi tối chỉ uống một hay hai lon bia. Họ nói chuyện nhỏ nhẹ, không rườy vào lời ra la lối om sòm. Không ai ép bạn mình uống theo kiểu “*rượu bất khả ép, ép bất khả từ.*” Khi một người cần đi về, anh đứng dậy *bye-bye*; không ai nài nỉ bắt nán lại.

Tôi kể cho các bạn nghe cuộc di tản đổi đời ra khỏi Sài Gòn và nói lên tội ác của Việt Cộng và cuộc sống khổ khổ thê lương của đồng bào ở bên nhà. Dennis hãnh diện chỉ tay vào người tôi và đùa bỡn như thường lệ,

“*Vi Xi (VC) không hề biết họ đã mất đi một kho tàng vô giá. Ba Hoa ra đi, chỉ số IQ trung bình của các đại học ở Sài Gòn giảm xuống còn 50 phần trăm.*”

IQ (intelligence quotient) là chỉ số thông minh của mỗi cá nhân và đo bằng phương pháp trắc nghiệm. IQ từ 85 đến 115 là mức thông minh trung bình, 130 trở lên là rất thông minh, và trên 145 thuộc hạng thiên tài. Dennis đang hướng dẫn tôi thảo chương FORTRAN, và tôi được ông *sếp* để cho tự do làm dự án mình thích nên quyết tâm vừa làm việc vừa học ngành khoa học điện toán tới nơi tới chốn. Dennis có bằng cao học về ngành học mới mẻ này; anh còn giữ sách giáo khoa và cả sách bài giải dành cho giảng viên vì ngày học cao học anh làm phụ giảng cho giáo sư.

Tôi mượn sách của Dennis, ra công học hỏi, và nhờ anh giảng giải khi có điều gì không hiểu rõ. Nếu cần sách điện toán áp dụng mà anh không có, tôi xuất quỹ MDU đặt mua, và sách là tài sản của công ty, trên nguyên tắc nhân viên ai cũng có thể lấy dùng. Cần sách nghiên cứu thì tôi ra thư viện thành phố hay lên thư viện trường đại học cộng đồng hỏi mượn. Hai thư viện này nằm trong Hệ thống Liên-Thư viện nên nếu không có sách, họ mượn thư viện khác trong vùng và cho phép tôi giữ 30 ngày và có thể gia hạn. Khi mượn được cuốn sách hay, ngoài giờ làm việc tôi vào sở *photocopy* và đóng lại thành tập để lưu giữ. Xem ra MDU cung cấp đầy đủ phương tiện cho tôi học hỏi, không học thật . . . phí của đời.

Khi nói chuyện với nhau, tôi và Dennis hay dùng thuật ngữ điện toán và danh từ kỹ thuật đặc biệt ít người hiểu. Giờ nghỉ giải lao hai đứa xuống câu lạc bộ cùng với nhau. Một hôm, một anh kỹ sư cơ khí thuộc nha Sản xuất xuống trễ, các bàn kia hết chỗ nên đến ngồi chung bàn với chúng tôi. Mười phút sau, anh ta cầm ly cà-phê đứng dậy,

“Nghe các anh nói thứ tiếng gì quái dị, tôi trở lại bàn giấy ngồi uống cà-phê một mình dễ chịu hơn.”

Đến mùa xuân 1977, tôi nghĩ mình đã hấp thu hết kiến thức điện toán của Dennis và có thể trội hơn vì tôi giỏi toán hơn, có căn bản khoa học vững chắc hơn, và do tính cầu toàn, chịu khó học hỏi tường tận hơn anh. Lúc này kỹ thuật thảo chương của tôi đã vững vàng và được Dennis và ông *sếp* tin tưởng và giao phó nhiệm vụ nghiên cứu và viết các chương trình FORTRAN mới cho nha Điều hành Hệ thống Điện. Công tác bao gồm việc thiết lập phương pháp khảo sát, thu thập dữ kiện chạy máy, viết cẩm nang cho người sử dụng, và phổ biến đến các nhân viên kỹ thuật trong công ty.

Mùa thu năm ấy, công ty mua chiếc máy điện toán Prime 400 dành riêng cho Tổng nha Kỹ thuật Điện và đặt dưới quyền điều hành của Dennis và tôi. Prime là một loại máy điện toán thu nhỏ có khả năng tính toán cao và cho phép nhiều người sử dụng cùng một lúc. Người sử dụng điều khiển trực tiếp máy Prime bằng cách đánh mệnh lệnh vào bàn chữ của trạm điện toán (computer terminal). Trạm này là một dụng cụ điện tử dùng ống tia âm cực (cathode ray tube) chiếu mệnh lệnh của người sử dụng lên màn hình và nối liền với máy Prime bằng dây cáp chạy ngầm trên trần hay dưới sàn nhà.



Hệ thống Prime hoạt động được phần lớn là nhờ sự phát minh ra những chương trình điện toán gọi là “text editor.” Chương trình này cho phép người sử dụng tạo ra và sửa đổi các văn bản chứa ký tự và mệnh lệnh điện toán. Mỗi hàng trong văn bản tương ứng với một thẻ điện toán trước đây dùng cho những máy điện toán lớn như hệ thống Honeywell của MDU. *Text editor* khiến cho thẻ điện toán, máy xuyên phiếu, và xuyên phiếu viên trở thành chuyện quá khứ và đang chìm vào quên lãng.

Bộ phận đĩa dùng để lưu trữ dữ kiện của máy Prime chiếm nguyên một chiếc tủ thấp nhưng chỉ có khả năng chứa 80 MB (megabyte, tức là một triệu byte). Một *flash drive* USB bằng ngón tay cái hiện nay có thể chứa 32, 64, hay 128 GB (gigabyte, tức là một tỉ byte), tức là 400, 800, hay 1,600 lần bộ phận đĩa tân kỳ năm 1977.

Được tùy nghi sử dụng máy Prime, tôi không mơ ước gì hơn. Tôi có quyền chạy máy bất cứ lúc nào, áp dụng vào dự án tùy ý chọn làm, và học hỏi những điều mình thích. Nhớ nghề dạy học cũ, mỗi chiều thứ Năm tôi mở lớp dạy các bạn kỹ sư thảo chương FORTRAN và luyện thi kỹ sư chuyên nghiệp (Professional Engineer) để đăng bộ hành nghề ở tiểu bang. Tôi say mê làm việc và học hỏi bất kể giờ giấc. Tôi mà vào sở ban đêm hay cuối tuần, dù chỉ định bụng ghé một lát rồi về nhà, nhưng lúc nào cũng mãi mê làm việc quên giờ về, Quỳnh Châu phải điện thoại vào gọi về đi ngủ hay ăn cơm. Đôi khi nàng nhắc khéo,

“Chông mê làm việc quá, cu Mạc quên mặt ba rán chịu đó.”

Dần dần tôi nổi tiếng về khả năng kỹ thuật và thảo chương trong Tổ hợp Điện lực Vùng Điện lực Trung-Lục địa gọi tắt là MAPP mà MDU là hội viên. Tổ hợp này gồm cơ quan trong bảy tiểu bang Hoa kỳ và hai tỉnh Gia Nã Đại hợp thành với mục đích giúp hội viên mua bán điện với nhau và giúp đỡ lẫn nhau. Các công ty hội viên đều có máy Prime và chia sẻ chương trình FORTRAN và dữ kiện để khảo sát hệ thống điện của toàn tổ hợp.

Giới kỹ thuật của MAPP khác nhau tôi có biệt tài *debug* có một không hai. Trong ngôn ngữ điện toán, “debug” là tìm chỗ sai trong một chương trình điện toán, do chữ “bug” là con bọ, là chỗ sai. Thảo chương là một nghệ thuật theo đó thảo chương viên theo quy tắc định sẵn ghép các mệnh lệnh với nhau theo ý mình để hoàn tất một mục đích tính toán nào đó. Khi chương trình hoàn thành và chạy không đúng, giai đoạn *debug* gian nan bắt đầu. Thảo chương viên vò đầu bứt tai, đọc đi đọc lại từng dòng mệnh lệnh, và thử lui thử tới với các cách sửa đổi khác nhau. Phần lớn các cuộc *debug* mất nhiều thì giờ nhưng rồi cũng thành công, và chương trình được sửa đổi thích ứng để sử dụng; nhưng có một số chương trình không bao giờ “chạy.”

Là người chịu trách nhiệm về sự hoạt động của máy Prime, tôi và Dennis thường phải nghe các bạn đồng sự than phiền khi chương trình “cứng đầu” không chịu chạy cho đúng theo ý họ. Họ cả quyết “đáng lẽ nó phải làm . . .” (nhưng máy điện toán không làm thế) hay “chuyện . . . không thể xảy ra” (nhưng thực sự chuyện đó đã xảy ra). Đôi khi họ quy lỗi cho máy điện toán như “ký ức có đốm hu” hay “chương trình biên dịch chạy sai.” Chương trình biên dịch (compiler) chuyển mệnh lệnh FORTRAN nguồn thành ra chương trình thừa hành mà người sử dụng có thể gọi ra và sai khiến làm việc.

Khi giúp bạn *debug* một chương trình, tôi bỏ ngoài tai lời bàn *Mao Tôn Cương* của tác giả, lần theo từng dòng mệnh lệnh một, kiên nhẫn kiểm chứng lại nhiệm vụ của mỗi mệnh lệnh, và nhất là không “giả sử” nó “phải” làm như thế này, hay như thế kia. Vì tuy với cùng một mệnh lệnh FORTRAN, máy của International Business Machines (IBM), Honeywell, và Prime có cơ cấu khác nhau có thể đưa tới kết quả khác nhau.

Đồng thời, tôi quên đi định kiến của tác giả. Anh bạn thuộc nằm lòng phương pháp tính toán lý thuyết, trong đầu đã nhất định cho rằng máy điện toán chạy sai, và không hình dung ra rằng máy điện toán chỉ là vật vô tri vô giác không hiểu lý luận hợp lý của anh mà chỉ thi hành lệnh anh phán dạy. Do đó, cách *debug* của tôi là *play dumb* (giả ngu) như máy điện toán. Tưởng tượng mình là người máy, thiên lồi chỉ đầu đánh đó, và để cho mệnh lệnh của chương trình đưa đẩy từng bước một tới chỗ sai. Cái “bug” tìm thấy thường là một lỗi lầm đơn giản, ai cũng có thể thấy nhưng không ai ngờ đến.

Mỗi lần *debug* thành công, tôi về nhà hãnh diện khoe phép thuật “*giả ngu tìm bọ*” của mình với Quỳnh Châu. Nàng cười lắc đầu, không đồng ý,

“Cách *debug* của anh dùng hai đức tính cần thiết. Một là kiên nhẫn, bền chí như Thomas Alva Edison. Hai là tưởng tượng, một khí giới tối quan trọng của nhà khoa học; Albert Einstein nói, ‘Tưởng tượng quan trọng hơn kiến thức.’ Chồng em là một khoa học gia đích thực, quên rồi sao?”

Được vợ khen, tôi thích chí nhưng ngoài mặt vờ khiêm nhường giễu cợt, “Em dạy quá *nhời* (lời) làm chồng hình mũi *to bành sư* đây nè.” Và tôi yêu nàng vô cùng.

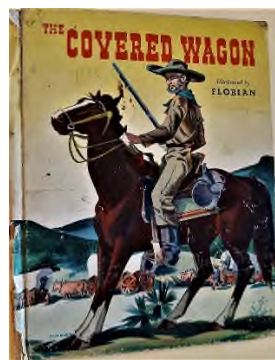
Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 7 tháng Bảy, 2021

Vấn Chiến Đấu Âm Thầm

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đêm thứ Tư là đêm đánh bóng chuyền của tôi và sáu, bảy anh bạn cùng sở. Sau khi đánh banh, chúng tôi và đội vừa giao đấu kéo nhau sang *ba* (bar) The Covered Wagon bên kia đường uống bia. “Covered wagon” là chiếc xe ngựa bốn bánh có mái che kín, và “The Covered Wagon” là tên cuốn phim cao bồi câm phát hành năm 1923 thuật lại cuộc hành trình qua vùng Miền Tây Xưa từ Kansas đến Oregon của một nhóm người đi khai hoang. Họ đi qua sa mạc nóng bỏng và núi tuyết lạnh lẽo, chịu đói khát, và thường xuyên lo sợ thổ dân Da đỏ tấn công.



Ở The Covered Wagon, tôi kể cho bạn nghe cuộc di tản ra khỏi Sài Gòn và giải bày tại sao tôi bỏ xứ ra đi. Tôi sinh ra ở Quảng Bình nằm phía bắc vĩ tuyến 17. Sau khi Hiệp định Genève chia đôi đất nước được ký kết vào tháng Bảy năm 1954, tôi theo mẹ di cư vào Nam; chúng tôi “bỏ phiếu bằng chân” để tránh nạn Cộng sản. Ông tôi ở lại với quê hương và bị chính quyền phát động phong trào “cải cách ruộng đất” đấu tố, giết chết, và cướp đoạt tài sản. Số nạn nhân như ông tôi lên tới hơn nửa triệu người; họ mất mạng mất của vì bị gán cho tội “địa chủ,” tức là sở hữu chủ một đám ruộng hay một mảnh vườn.

Đồng thời, với khẩu hiệu “Trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, trốc tận rễ,” Việt Cộng quyết tâm triệt hạ ra khỏi xã hội bốn “giai cấp” chúng liệt vào hạng kẻ thù: trí thức, buôn bán (“phú thương” hay “con buôn”), địa chủ, và nhà giàu (“cường hào”). “Giai cấp công nông” nghèo khó vô học còn lại cũng không may mắn gì hơn. Họ không có một mảy may tự do làm người nào cả, ngoài bốn phận tuân theo chỉ thị của “đảng,” tức là một thiểu số lãnh tụ ngu dốt và tàn nhẫn.

Sau khi chiếm được miền Nam năm ngoái (1975), Việt Cộng lại dở trò “đánh tư sản mại bản” công khai tra khảo, hành hạ, và cướp bóc những thương gia và gia đình chúng quy tội giàu có. Chúng ra lệnh nhân dân miền Nam đổi tiền, đem tiền cũ Việt Nam Cộng hòa (“VNCH”) đổi lấy tiền Việt Cộng; mỗi gia đình chỉ được đổi một món tiền nhỏ, còn lại bao nhiêu kể như mất bỏ. Trong một ngày, người dân bị cướp hầu hết tiền bạc mồ hôi nước mắt dành dụm cả một đời. Chúng bắt “ngụy quân ngụy quyền” là quân nhân và công chức VNCH đi “học tập cải tạo,” tức là đi lao động khổ sai. Họ ở tù không tội trạng, không tuyên án, và không biết ngày được thả.

Các bạn Mỹ của tôi kinh ngạc,

“Sao trên thế giới ngày nay lại có một chính thể gian xảo ác độc đến thế? Làm sao dân chúng sống nổi?”

“Không nổi cũng phải sống thôi. Ở Sài Gòn, mỗi khu phố được đặt dưới quyền một tên công an khu vực. Nó có quyền xông vào nhà anh bất cứ lúc nào, khám xét bất cứ xó xỉnh nào trong nhà, và tra hỏi anh về bất cứ điều gì. Nó công khai kiểm duyệt thư từ anh gửi đi, mở và đọc trước thư đến, và ra lệnh cho anh viết thư trả lời cho đúng ‘đường lối của đảng.’ Nó có quyền sinh sát tuyệt đối với anh và gia đình.”

“Nếu không tuân lệnh hay làm điều gì anh ta không vừa lòng thì sao?”

“Nhẹ thì bắt đi ‘học tập,’ tức là đi ở tù không biết ngày về để ‘thuần nhuần chính sách của đảng.’ Nặng thì đêm khuya công an đến nhà gõ cửa và bắt đem đi; không ai biết đi đâu, sống hay chết.”

Charlie và vợ là Judy là đôi bạn đầu tiên và thân nhất của tôi ở Bismarck. Judy dạy Anh văn ở trường trung học Bismarck, trường hai em Lâm và Trọng đang học. Một hôm, sau trận bóng chuyền, anh hỏi tôi,

“Anh nghĩ thế nào về Hồ Chí Minh?”

“Bọn Việt Cộng thổi phồng ông là ‘bác Hồ vĩ đại’ đáng tôn sùng hơn thần thánh. Nhưng với tôi và phần lớn các người Việt khác, ông là kẻ phạm tội, là kẻ đại gian đại ác lớn nhất trong lịch sử Việt nam,” tôi trả lời ngay.

“Nếu có cơ hội vạch mặt ông Hồ, anh dám làm không?” Charlie cười cười.

“Bất cứ lúc nào. Nhưng làm sao?”

“Judy dạy các lớp 12 và muốn mở rộng tầm kiến thức của học sinh nên định mời anh nói chuyện về ông Hồ để cho học sinh mở mắt ra. Học sinh sinh viên ngày nay mù tịt về tình hình thế giới và ít khi đọc báo hay xem tin tức trên *ti-vi* – ngoại trừ theo dõi tin tức thể thao. Anh thấy sao?”

Tôi háng hái nhận lời và ra công soạn một bài thuyết trình khá công phu. Tôi tưởng chỉ nói chuyện với lớp Anh văn của Judy, nhưng khi đến trường mới biết cử tọa gồm tất cả các lớp 12. Họ tụ tập trong phòng tập thể dục và khi hết chỗ trên băng ghế dài, ngồi bệt trên sàn xi-măng. Sau khi tôi trình bày tường tận tội ác của Việt Cộng, các học sinh 18, 19 tuổi thay nhau đặt câu hỏi và cho thấy họ không “mù tịt về tình hình thế giới” như Charlie nói. Họ chỉ ngây thơ và xem tự do họ đang thụ hưởng là lẽ dĩ nhiên. Họ tin lời tôi, nhưng “huyền thoại Hồ Chí Minh” do bộ máy tuyên truyền Cộng sản tạo ra không dễ dằn gì mà xua tan.

Ông Hồ theo Cộng sản không phải vì lý tưởng cách mạng mà vì miếng cơm manh áo. Ngày còn nhỏ, ông theo học trường Quốc Học Huế, ngôi trường trung học tôi học sáu mươi năm sau. Sau hai năm học lớp 6 và lớp 7, ông bị đuổi học; Việt Cộng khoe ông bị đuổi vì tham gia vào cuộc biểu tình chống sưu thuế ở Huế, nhưng thực ra cuộc biểu tình ấy xảy ra trước ngày ông được nhận vào trường đến bốn tháng. Thử làm nghề dạy học tư một thời gian mà không đi tới đâu, ông làm đơn gửi vị toàn quyền người Pháp kể lể công lao của cha ông đối với triều đình Huế và cầu xin đặc ân cho vào học trường Hậu bổ Hà nội là trường đào tạo công chức người Việt cho bộ máy hành chính thuộc địa. Đơn không được cứu xét vì ông chỉ học chưa hết lớp 7 mà điều

kiện nhập học đòi hỏi *diplôme* tức là bằng Thành chung (Trung học đệ nhất cấp) thi sau khi hoàn tất chương trình lớp 9.

Thất vọng, thất nghiệp, và đói rách, ông Hồ tìm đường sang Pháp *tha phương cầu thực* bằng cách xin làm việc vặt trên một chiếc thương thuyền để được ăn uống và đi tàu miễn phí. Ông xuống bến tàu Marseille – không tiền, không người quen, và đói lạnh. Thuở ấy, và cho đến ngày nay, đảng Cộng sản Pháp dụ dỗ cảm tình viên bằng cách đón các kẻ lang thang cầu bơ cầu bất ở bến tàu hay ga xe lửa, mang về cho ăn ở, và rủ rê gia nhập đảng. Dĩ nhiên, ông sướng điên lên và chớp ngay lấy cơ hội này. Nhờ bản tính lưu manh nham hiểm và giỏi biến trá, ông được tin cậy và thăng tiến nhanh, đưa sang Nga huấn luyện, và chuyển sang Tàu hoạt động. Phần lịch sử còn lại do Cộng sản viết, không biết chứa bao nhiêu phần trăm sự thực.

Một nữ sinh đưa tay chất vấn,

“Ông có thể cho thí dụ về sự tàn ác của ông Hồ không?”

“Ông Hồ là thủ phạm gây ra những khổ đau dân tộc Việt nam đang gánh chịu. Trên hết, chính ông đã chủ trương và gây ra cuộc chiến Bắc - Nam tương tàn khiến ba triệu rưỡi thường dân và quân nhân hai bên bị hy sinh oan uổng. Kế đó, trong phong trào ‘cải cách ruộng đất,’ có đến nửa triệu người, trong số đó có ông nội tôi, bị thảm sát. Khi quân đội miền Bắc sắp nổi loạn vì vụ này, ông lên đài phát thanh vờ nhỏ vài giọt nước mắt cá sấu và nói mấy câu xin lỗi; thế là . . . huề tiền!”

“Sao tôi nghe nói ông Hồ suốt đời sống độc thân hiến mình cho quốc gia dân tộc?” một nam sinh đứng lên hỏi.

“Bị bọm láo khoét là nghề của Cộng sản. Ông Hồ lấy vợ có hôn thú tại Mạc Tư Khoa ở Nga xô, bà này là người Việt và cũng là đảng viên Cộng sản. Ông cũng chính thức có vợ người Tàu khi hoạt động bên Tàu. Trong nước, ông giấu giếm một lô tình nhân và con tư sinh. Là người dâm dục, ông thường ôm hôn hít các ‘cháu gái nhi đồng’ trước công chúng và bí mật tuyển lựa những ‘cháu gái’ trẻ tuổi vừa mắt để phục dịch ‘bác’ – dĩ nhiên phục dịch cả nhu cầu tình dục!”

Một buổi tối khác, tôi ngồi uống bia và chuyện trò sau trận bóng chuyền thì một thanh niên trạc ba mươi tuổi, hình dạng cao lớn, và có bộ râu quai nón từ bàn bên cạnh bước sang bắt tay tôi và tự giới thiệu là Doug (tên tắt của Douglas),

“Tôi nghe lóm chuyện của anh và thấy thích thú nên mạo muội sang làm quen.”

“Nếu tôi không lầm thì anh là cựu chiến binh Việt nam?” tôi đoán chừng.

“Đúng vậy,” Doug buồn bã nói, “Vào thời chiến tranh, hàng ngày giới truyền thông thiên tả thân Cộng ở Hoa kỳ nhét vào đầu dân chúng những hình ảnh chết chóc khủng khiếp và quy lỗi hoàn toàn cho quân đội Mỹ. Ngay cả chiến binh Mỹ cũng mù mờ không hiểu rõ mục tiêu của cuộc chiến. Năm 1973, họ trở về nước thì bị nhiều kẻ quá khích phỉ nhổ và mắng nhiếc là kẻ sát nhân giết đàn bà và trẻ em. Tôi muốn biết ý kiến của anh về sự tham chiến của Hoa kỳ ở Việt nam.”

Doug cho biết anh sang Việt nam năm 1964, phục vụ trong một đơn vị bộ binh đóng ở An Lão nằm giữa Huế và Quảng Trị. Cuộc tấn công Tết Mậu Thân (1968) của Việt Cộng xảy ra vào cuối nhiệm kỳ thứ hai của anh, anh chiến đấu sát cánh một đơn vị Thủy quân Lục chiến VNCH để tái

chiếm Thành Nội Huế. Cuối năm 1968, anh về Mỹ, giải ngũ, đi học ngành kỹ sư kỹ nghệ, và hiện làm việc cho một công ty chế biến thực phẩm. Tôi nhìn thẳng vào mắt anh,

“Ba chục triệu dân miền Nam đã chịu ơn các anh sâu nặng. Gần 60 ngàn chiến binh đã nằm xuống; các anh đã đổ máu cho chúng tôi và cho chúng tôi sống trong tự do và no ấm thêm 20 năm. Nghĩa cử và hy sinh của các anh cao đẹp biết bao!”

“Tôi tưởng người Việt oán hận chúng tôi về những tàn phá, đổ nát, và chết chóc chứ,” mắt anh sáng lên.

“Ai cũng biết ông Hồ và Cộng sản miền Bắc hung ác hiếu chiến xua quân vào để chiếm trọn miền Nam. Người Mỹ giúp chúng tôi vì chúng tôi không đủ sức chống lại, và sau một thời hạn nào đó vì quyền lợi của nước Mỹ, các anh phải rút lui thôi. Dĩ nhiên cũng có một số người Việt kiếm cách đổ lỗi và oán hận Hoa kỳ đã ‘bỏ rơi bạn đồng minh,’ trong khi chính họ là những kẻ trốn chạy trước tiên.”

“Vậy mà bao năm nay tôi trần trở dần vật vì đã tham dự vào cuộc chiến đẫm máu ấy,” anh khẩn khoản, “Mời anh đến giải thích với bạn tôi. Bạn tôi ai nấy đều mắc phải PTSD và mong là khi nhận ra sự thực, sẽ gột rửa bớt ám ảnh và mặc cảm dồn nén trong lòng mà trở lại bình thường.”

PTSD (viết tắt của Post-Traumatic Stress Disorder) là hội chứng tâm thần xảy ra cho người đã trải qua hay chứng kiến các biến cố quá khổ đau. Anh Doug giới thiệu tôi với sáu, bảy cựu chiến binh ăn mặc lôi thôi lệch thếch, râu tóc bờm xờm, và chúng tôi vừa thảo luận vừa uống bia ăn thịt nướng ở sân sau nhà anh. Ban đầu họ thắc mắc nghi ngờ và gay gắt chất vấn, nhưng tôi cứ theo sự thực mà giải thích và trả lời. Khi chia tay, từng người đến bắt tay tôi,

“Cám ơn anh. Bây giờ, tôi bắt đầu thấy hãnh diện là cựu chiến binh Việt nam.”

“Không, chính tôi mới là người thọ ân các anh,” tôi nghiêm mặt đáp.

Cuộc chiến đấu chống Cộng âm thầm của tôi tiếp tục với những lần nói chuyện với các trường trung học và nhóm cựu chiến binh khác. *Tiếng lành đồn xa*, tôi được mời thuyết trình ở trường đại học cộng đồng, trường đại học điều dưỡng, bệnh viện Cựu Chiến binh tại North Dakota, và các buổi lễ nhà thờ sáng Chủ Nhật. Cuối tháng Giêng 1976, chi hội North Dakota của Veterans of Foreign Wars (VFW) nhóm họp đại hội thường niên tại Bismarck và mời tôi dự dạ tiệc kết thúc đại hội với tư cách diễn giả chính. VFW là hội những cựu chiến binh phục vụ trong các cuộc chiến tranh, hành quân, và viễn chinh trên lãnh thổ, hải phận, hay không phận ngoại quốc. Cử tọa gồm trên 300 người. Họ đứng dậy vỗ tay hoan hô khi tôi kết thúc bài diễn văn,

Cám ơn VFW cho tôi cơ hội phơi bày cho thế giới biết những khổ đau và áp bức trên quê hương Việt nam yêu dấu và tỏ lòng biết ơn sâu xa đối với những cựu chiến binh Việt nam.

Đêm hôm đó, tôi ngủ mơ thấy mình biến thành *Superman* bay về Việt nam giúp khôi phục đất nước. Sáng ra tỉnh dậy thấy mặt mình ướt sũng nước mắt.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 23 tháng Sáu, 2021

Lý Lễ của Trái Tim

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong bữa cơm chiều, tôi cười nửa miệng thuật lại mẩu chuyện mới nghe kể trên sở về một tình huống oái oăm,

Một thiếu phụ trung niên buồn rầu than thở, “Chồng tôi bước vào cuộc khủng hoảng tuổi trung niên. Anh bỏ tôi và các con để đi theo một người đàn ông.”

Không chú ý đến khía cạnh hài hước của chuyện “bỏ vợ theo trai,” Quỳnh Châu chăm chăm nhìn nghiêng vào mặt tôi rồi reo lên,

“Ha ha, chồng để tóc dài làm *hippie* và thò cái đuôi chuột sau ót kia. Mẹ nói người có đuôi chuột có đông em, kết giao rộng rãi, và rất bướng bỉnh. Đúng y chang!”

“Má cu Mạc hôm nay bị hồn ma bóng quế nào nhập vào người hay sao mà trở nghề làm thầy bói sáng,” tôi trêu nàng.

“Có gì đâu, em thấy tóc anh dài cần hớt tóc cho thợ có việc làm,” nàng cười hóm hỉnh.

Tôi tiếp tục đùa với Quỳnh Châu,

“Anh cần lấy hẹn với cô thợ hớt tóc. Không biết lúc nào cô ấy mới rảnh?”

“Chồng có thời khóa biểu của cố mà,” nàng cười khúc khích vì “cô ấy” chính là nàng, “Còn có một cô thợ hớt tóc nhà nghề, đẹp tuyệt vời, khéo tay hay miệng, và sẵn sàng o bế mái tóc còn . . . xanh của chồng. Có cần em hẹn giùm không?”

“Em muốn nói chị Mỹ?” tôi bỗng chột dạ hỏi lại.

“Dạ phải, *chỉ* lo cho anh còn hơn lo cho anh Mỹ, tội ghê! *Chỉ* cho em bộ kéo cắt và xén tóc chuyên nghiệp và dạy em cắt tóc cho anh đó,” nàng vô tình không thấy vẻ mặt nao nao của tôi.

Vợ chồng ông Mỹ đến định cư ở Bismarck trước chúng tôi và là hai người Việt đầu tiên tôi gặp ở thành phố này. Họ tình cờ gặp Quỳnh Châu ở Đại học Cộng đồng Bismarck khi đưa cậu con trai lớn đi ghi danh học chương trình tiền y khoa. Ông chồng trạc tứ tuần dáng béo tốt cục mịch, nói giọng Nam rỗ rảng, và làm *ca* đêm cho xưởng dây chuyền lắp ráp của hãng chế tạo máy cày. Ông phách lối hỗn xược khiến cho những người Việt khác ở đây hầu như ai cũng đã đòi đánh ông một vài lần.

Bà vợ – chị Mỹ – trông trẻ trung hơn chồng, khuôn mặt phúc hậu, và dáng người thon thon. Chị thân thiết với Quỳnh Châu và đối xử với nàng như chị với em. Chị chỉ dạy nàng từng li từng tí từ cách nấu ăn, đến nuôi con, may vá, mua sắm, v.v. Chị làm thợ uốn tóc, trong tuần nghỉ ngày thứ Năm, lại nhà tôi chơi cả ngày, và cùng Quỳnh Châu nấu đồ ăn cho tôi đi làm về ăn. Chị căn dặn Quỳnh Châu,

“Em rán nấu thật ngon cho *anh* ăn. Hồi đi học, *anh* ăn uống thất thường bữa có bữa không, tội lắm.”

Bốn năm sau, cậu con trai lớn tốt nghiệp Cử nhân Sinh học và gửi đơn xin học nhiều trường y khoa, nhưng không được trường nào nhận. Sau đó, ông bà Mỹ rời Bismarck lúc nào không hay.

Mùa hè năm 1985, tôi có dịp viếng thăm nam California, vào một siêu thị Á đông, và bỗng nghe ai gọi tên sau lưng. Tôi lưỡng cuống thấy chị Mỹ đi một mình và thấy chị xinh đẹp hơn bao giờ hết. Chị đưa mắt hỏi,

“Ừa, Châu đâu mà không thấy?”

“Châu ở nhà, tôi đi công tác ở bắc California rồi ghé xuống đây,” tôi bối rối trả lời.

“Anh *lúng túng như thợ vụng mất kim*, ngó *y hịch* như hai lần đầu tiên gặp *tui* – lần trước ở nhà Yên Đổ, và lần sau ở Bismarck,” chị cười chúm chím.

“Ông Mỹ khỏe không?” tôi dớn dác nhìn quanh.

“*Tui* không biết. *Tụi tui* đã chia tay, *anh đi đường anh, tôi đường tôi*,” chị thân mật nắm tay tôi, “Anh Mỹ ra đi và Châu không có đây, hai đứa mình không còn lý do gì để tiếp tục đóng vai người dựng kẻ lạ. *Ba Hoa* nhớ nhỏ này là Nguyệt Thu *nghen*.”

Phải, “chị Mỹ” tên là Nguyệt Thu và quen thân với tôi từ mùa thu 1966, thời gian khó khăn nhất đời tôi, một sinh viên chưa tròn 18 tuổi. Tôi mất học bổng du học Gia Nã Đại vì ngày học trung học nghịch ngợm phá phách khiến ông hiệu trưởng đem lòng thù vặt và báo cáo dối là học bạ giả. Vào kỳ thi cuối khóa đệ nhất niên kỹ sư điện, tôi lại bị giáo sư *trù*, cho điểm *zero* khiến phải ở lại lớp. Cha nổi giận cấm tôi về nhà và không cho mẹ vào Sài gòn thăm. Suốt mùa hè, tôi sống một mình trên căn gác trọ nóng hầm hập, tâm hồn bị đầu độc bởi triết lý “cuộc đời phi lý và buồn nôn” trong tiểu thuyết hiện sinh bọn sinh viên chúng tôi ngưỡng mộ một cách mù quáng, và hàng đêm tôi ray rứt tự hỏi nên tình nguyện đi lính hay kết liễu đời mình.

Đến mùa thu, tôi lạc lõng bước vào lớp học, bạn cũ đã lên lớp trên, và bạn mới nhìn tôi với đôi mắt khinh bỉ, không muốn dính dáng với đứa học *đúp* (do tiếng Pháp “double”). Rồi tôi vớ được thằng Thu; nó mới vào học lớp Công chánh, và chúng tôi học chung các môn khoa học cơ bản. Năm kia nó học đệ nhất (lớp 12) ở Ban Mê Thuật cùng với tôi và học rất kém, vậy mà nay trúng tuyển vào trường Công chánh! Sau giờ Hối bài (giờ học hàng tuần giáo sư ra tay sát hạch khả năng của sinh viên) đầu tiên, các bạn Công chánh cầm chắc thằng Thu đậu vào là nhờ tiền bạc đút lót hay thần thế “con ông cháu cha” nên không làm bạn với nó. Tôi và nó, hai thằng bạn cũ trước không chơi thân bây giờ đi đâu cũng có nhau.

Một hôm thằng Thu kêu tôi đến nhà nó chơi; đó là một biệt thự lớn trên đường Yên Đổ xe chạy một chiều. Tôi bấm chuông gọi cổng không thấy ai ra nên đứng gọi tên Thu ơ ơ. Một thiếu phụ độ hai mươi bảy, hai mươi tám tuổi, tóc xõa ngang vai, và dáng dấp thanh nhã ra mở cổng. Tôi đâm ra *lúng túng*,

“Dạ Thu có nhà không ạ?”

“Thu đứng trước mắt *Ba Hoa*, không thấy sao?” nàng vừa nói vừa cười, trong khi tôi ngơ ngác nhìn quanh không thấy ai khác.

“Nếu Thu bận việc hay đi vắng, hôm khác tôi trở lại vậy,” tôi nói *lúng búng*.

“Thu ra mở cửa là Nguyệt Thu, con gái. Cậu em Xuân Thu có chút việc ra ngoài, nhờ mình đón và mời *Ba Hoa* vào nhà,” nàng cười giải thích.

Lần đầu tiên chuyện trò tay đôi với một người đàn bà lịch thiệp và sang trọng, tôi khờ quá nên ngồi trong phòng khách mà thần trí lảng đãng tận đâu đâu. Nguyệt Thu khôn khéo và thân thiện gợi chuyện cho tôi nói, và khi Thu bận tôi về tới nhà, tôi đã thấy thoải mái và thích thú mời nàng ngồi nán lại.

Sau đó, tôi thường kiếm cớ đến nhà thằng Thu và lại mong nó không có nhà để gặp riêng Nguyệt Thu. Ngôi biệt thự của cha mẹ nàng, nhưng tôi chưa bao giờ gặp ông bà. Nàng ở đó với hai cậu con trai, đứa lớn chín tuổi và đứa nhỏ sáu tuổi. Nàng là người đầu tiên và duy nhất mà tôi không ngại ngùng trút hết nỗi niềm tâm sự. Nàng an ủi khuyên lơn và dẫn dắt tôi vượt qua những khó khăn và bế tắc trong tâm tư. Khoan dung và khuyến lể như một người mẹ, và âu yếm và ngọt ngào như một người tình.

Nhờ Nguyệt Thu, tôi dần dần phục hồi niềm vui ham sống, thiết tha hơn với bài vở, và đến kỳ thi cuối khóa, đậu hạng nhì lên đệ nhị niên. Ai cũng đoán trước được kết quả thi cử của thằng Thu: Không những nó hỏng không được lên lớp, mà còn không đủ điểm để được học lại nên bị *xoạc-ti lát* (“sortie laterale” tiếng Pháp là ra trường ngang), tức là bị đuổi học.



Buổi tối ngày có kết quả thi, tôi và thằng Thu đưa nhau ra bến xe (đường) Phan văn Hùm ở Ngã Sáu Sài Gòn, ngồi ghế thấp quán nhậu vỉa hè, và gọi khô mực uống bia Larue chai lớn. Lần đầu tiên tôi uống bia thả cửa, ly mảy ly tao và cụng ly như người lớn, và cũng là lần đầu tiên tôi say rượu. Hai thằng lảo đảo dìu nhau về nhà nó, ngủ chung giường trong phòng nó. Nửa đêm, tôi thức dậy đi tiểu rồi an nhiên về phòng ngủ tiếp. Chìm đắm trong hơi men, tôi chập chờn mơ thấy mình ôm hôn say đắm cô học trò dạy kèm thương yêu mà không dám ngỏ lời và được đáp ứng tận tình. Khoảng năm giờ sáng, tôi trở mình thức giấc và ngạc nhiên cùng tột thấy Nguyệt Thu nằm trong vòng tay mình. Nàng ngược mắt nhìn và dịu dàng mỉm cười,

“Nằm đây với Thu mà suốt buổi gọi mãi cô Châu, *Ba Hoa* thật chung tình.”

Tôi sợ hãi nhồm dậy nhìn quanh; thì ra hồi khuya tôi trở về nhầm phòng. Tôi nhảy xuống giường và trên đường về phòng thằng Thu, nhận ra mình đã phạm một tội tày trời khác: Căn phòng tôi tưởng là nhà vệ sinh thật ra là phòng chứa đồ cổ quý giá của cha thằng Thu. Tôi mặc vội quần áo và tất tả chạy bay ra đường; hết giờ giới nghiêm, xe cộ bắt đầu nhộn nhịp. Không dè hơn tám năm sau, tôi gặp lại Nguyệt Thu trên đất Mỹ – với ông Mỹ chồng nàng.

* * *

Tôi và Nguyệt Thu sang tiệm phở gần siêu thị để trò chuyện và ăn trưa. Nàng lấy giấy lau đĩa muống cho tôi, gọi thức ăn cho cả hai đứa, và săn sóc tôi như vợ lo cho chồng. Nàng đang làm chủ một tiệm uốn tóc lớn có sáu, bảy người thợ và sống một mình trong ngôi biệt thự nhỏ gần bãi biển ở Santa Monica. Nói về chồng cũ, nàng không tỏ một thoáng oán hờn,

“Anh Mỹ là con một trong một gia đình giàu có bậc nhất Sài Gòn, cha *ảnh* và ông già Thu là đôi bạn thân. Lúc tụi Thu còn nhỏ, hai ông già uống rượu với nhau và hứa chuyện lừa đôi của hai đứa. Năm *ảnh* vừa được mười tám tuổi, ông già *ảnh* giục làm đám cưới gấp, nói *cưới vợ*

phải cưới liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ dèm pha. Thu cũng tin vậy, nhưng sau này mới biết mình lầm.”

“Ông Mỹ có tật bệnh bẩm sinh nào đó hay sao?” tôi chồm tới hỏi.

“Từ hồi nhỏ *ảnh* đã tỏ ra là tình dục đồng giới, ông già biết vậy nên bắt *ảnh* lấy vợ sớm, hy vọng nhờ lập gia đình sinh con đẻ cái, *ảnh* sẽ thành bình thường như người khác. Nhưng chỉ qua được mấy năm đầu, thời gian mà Thu sinh ra hai thằng con lớn, rồi thôi. Sau ngày cha mẹ *ảnh* mất, *ảnh* gặp Quân Bảo là một ca sĩ trẻ tuổi đẹp trai mới vào nghề, bị ‘tiếng sét ái tình,’ và bỏ Thu và con đi theo chàng ta. Thu hết nước nói, đem hai con về sống với ba má.”

Nhớ lại ngày cũ, tôi thấy ân hận,

“Ngày đó Thu khổ sở như vậy mà tôi ích kỷ, chỉ lo than thở chuyện mình, và vô tình chõng chất thêm gánh nặng vào lòng Thu. Chắc Thu rầu lắm?”

“Không đâu. Nhờ *Ba Hoa* tâm sự mà Thu thấy nỗi khổ của mình dịu bớt, và những lời khuyên nủ *Ba Hoa*, Thu đem áp dụng lại cho chính mình để chống chọi với những đêm dài trằn trọc; càng ngày càng thấy bớt buồn phiền. Rồi mỗi tình cảm sâu đậm đối với *Ba Hoa* đến với Thu lúc nào không hay,” nàng long lanh nước mắt.

“Sao hai người tái hợp, *gương vỡ lại lành* lần đầu?” tôi hỏi để tránh né điều khó nghĩ.

“Khi tiền bạc của cha mẹ để lại cạn kiệt, *ảnh* bị Quân Bảo bỏ rơi vì không cung ứng nổi nếp sống xa hoa của chàng ta. *Ảnh* trở về với Thu, khóc lóc xin được tha thứ, và thề bán mạng sẽ sửa đổi ‘tính tình.’ Không đành để *ảnh* nghèo khổ và vì không muốn con mình thiếu tình thương của cha, Thu chấp nhận cho *ảnh* một cơ hội thứ hai. Kết quả là thằng út ra đời và gia đình tương đối yên ổn một thời gian, như *Ba Hoa* thấy ở Bismarck.”

Tôi còn thắc mắc cuối cùng,

“Thu dọn khỏi North Dakota lúc nào mà không ai hay? Sao hai người xa nhau lần nữa?”

“Đầu năm 1980, *ảnh* đột nhiên nghỉ việc và nấn nỉ Thu dọn về nam California nắng ấm có đông người Việt sinh sống. Về đây, sau khi nhà cửa và công ăn việc làm ổn định, *ảnh* rút hết tiền trong trương mục ngân hàng và dọn ra sống với Quân Bảo. Bấy giờ Thu mới biết chàng ca sĩ từ Việt nam vượt biên sang tới California cả năm trước.”

“Thằng cha Mỹ này thật không khá nổi!”

“Đầu sao, Thu không giận *ảnh*. *Ảnh* phụ rẫy Thu để theo đuổi tình yêu, người kia là đàn ông hay đàn bà không thành vấn đề. Khi yêu, người ta đặt người mình yêu lên trên hết. *Ba Hoa* nhớ không, ngày xưa hai đứa mình hay chia sẻ với nhau câu nói của Blaise Pascal (1623 – 1662), ‘*Trái tim có những lý lẽ mà lý trí không biết gì cả.*’ Riêng Thu, gần hai mươi năm qua ấp ủ một mối tình nồng thắm và cố hết sức mình để người Thu yêu được sung sướng và hạnh phúc.”

Chúng tôi chia tay nhau với nụ hôn phớt nhẹ. Nụ hôn thực sự đầu tiên và cũng là cuối cùng của một cuộc tình không thành sự thật.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 14 tháng Bảy, 2021

Thà Chịu Tiếng Lâm Đường

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tôi viết thư hàng tuần cho thằng Công; vợ chồng bạn tôi và hai cô con gái nhỏ sống ở Dallas thuộc tiểu bang Texas. Mỗi tối Chủ Nhật nó gọi điện thoại cho tôi cà kê dê ngỗng đủ thứ chuyện, từ chuyện cũ ở Việt nam đến việc đi học, đi làm, và sống trên đất Mỹ. Chúng tôi liên lạc thường xuyên và thân thiết đến nỗi thỉnh thoảng Quỳnh Châu gí tay vào trán tôi nói đùa,

“Đàn ông con trai gì mà viết thư cho nhau cứ như là đôi tình nhân . . . đực rựa. May mà em biết rành chồng và anh Công, nếu không con mụ sư tử Hà Đông này sẽ nổi ghen lên cho *ông dông* méo mặt luôn.”

Mười bốn năm trước, tôi và thằng Công ngồi cạnh nhau ở dãy bàn đầu lớp đệ tam (lớp 10) B3 trường Quốc Học Huế. Hai thằng đều học giỏi, nhất là giỏi toán, và giờ ra chơi nắm tay nhau đi dưới hàng cây cao trong sân trường luận anh hùng: Mấy thằng có tiếng học giỏi khác, cao tay lắm là cao thủ hạng ba. Không có hạng nhất hay hạng nhì vì, mặc dù hai đứa chúng tôi ngấm ngầm thi đua học *gạo*, không thể nói *mèo nào cắn mìn nào!* Buổi chiều sau giờ học, tôi theo nó lên chùa học đạo với thầy; nó say mê học hỏi Phật pháp, tôi ưa chất vấn thầy làm sao đạo Phật áp dụng vào đời.

Mùa hè năm 1963, gia đình tôi dọn vào Ban Mê Thuật ở với cha. Tôi và thằng Công viết thư cho nhau hàng tuần. Mở đầu thư bằng tiếng gọi triu mến, “*Công thương,*” tôi tường thuật sinh hoạt thường ngày ở thành phố Buôn Muôn Thuở Bụi Mù Trời và trong lớp nam nữ học chung, điều mà Huế không có. Nó kể lại những lần về làng đưa *con bõ* ra đụn cát ngồi bên nhau trò chuyện và lên chùa xin thầy cho thể phát quy y nhưng thầy không cho, biểu phải sống ngoài đời phục vụ thế gian. Tuy nhiên, phần chính của bức thư dày cộm là đề toán đưa ra để đố bạn và bài giải cho các bài toán đố trước, chẳng khác gì các nhà toán học Âu châu đầu thế kỷ thứ 18 trao đổi thư từ thách thức nhau giải toán.

Sau khi đậu Tú tài II, chúng tôi thi vào trường Cao đẳng Điện học vì theo lời thằng Công, “*trong các ngành học, kỹ sư điện là ngành dùng toán cao nhất,*” và hai thằng đều trúng tuyển. Ngay trong buổi học đầu tiên là giờ Giải tích, môn toán chính với thầy Thế, thằng Công đứng lên tranh luận với thầy về ý niệm căn bản trong chương đầu tiên của tập *cu* thầy cho, và tôi làm *tài hay* đứng ra bên vực nó khiến thầy nổi giận. Suốt mấy năm học với thầy, tôi học ngày học đêm học *chết bỏ* vì giờ Hỏi bài sát hạch hàng tuần nào cũng bị thầy chiếu cố tận tình với những bài toán khó nhất, trong lúc thằng Công tiếp tục lý luận tay đôi với thầy và được thầy nể nang. Thầy đã biên soạn và ấn hành cuốn *Giải tích Đệ nhị Niên*, cuốn sách Việt ngữ đầu tiên và duy nhất về toán áp dụng cao cấp và là niềm hãnh diện sâu xa của tác giả. Cuối năm học thứ hai, thầy gặp riêng nó,

“Tôi định tái bản cuốn *Giải tích* nếu hè này anh giúp tôi hiệu đính; chúng mình sẽ đứng tên chung.”

“Cám ơn thầy mời con cộng tác, nhưng con mắc diễn dịch kinh Pháp Hoa nên không thể nhận lời,” thằng Công trả lời không do dự.

Trong lúc thằng Công nghiên cứu đạo Phật, tôi và một thằng bạn thân khác là thằng Song nghiên ngẫm các tác phẩm triết lý và say sưa đọc tiểu thuyết hiện sinh. Trong những buổi tối nhâm nhi cà-phê bít tất tiệm Tàu gần nhà trọ tôi, ba ông cụ non gân cổ cãi nhau về chân lý cuộc đời như ba nhà triết gia thực sự.

Thằng Công dạy kèm ăn ở luôn trong nhà Bách Hoa, con đầu lòng của một gia đình giàu có và có thế lực. Mẹ nàng đã phỏng vấn nhiều sinh viên mới kén được thằng Công; nó được cơm bưng nước rót, cho ở riêng trong căn phòng khang trang, và được đối xử như con rể tương lai. Thằng Song nói nó tự nguyện đút đầu vào vòng dây thòng lọng nhưng của bà mẹ và *tham phú phụ bần* bỏ rơi *con bồ* cũ ngoài Huế. Bách Hoa có thể yêu nó, nhưng nàng lãng mạn mộng mơ, hay ghen tuông vô cớ, và thích ra oai chỉ huy sai khiến nó. Mỗi lần nghe nó phàn nàn, thằng Song chỉ cái cột nhà lớn giữa tiệm cười khà khà,

“Tối ngày mày ăn xong rờ l... con Bách Hoa, rồi con c... mày to bằng cái cột nhà, làm sao mày mặc quần?”

Sau khi thằng Công tốt nghiệp, đám cưới linh đình cử hành trước khi nó lên đường đi du học, học cao học điện toán ở trường Đại học Missouri-Rolla ở Rolla thuộc tiểu bang Missouri. Vài tháng sau, bà mẹ vợ gửi Bách Hoa sang sống với nó, và cô con gái đầu lòng sinh ra trước khi nó tốt nghiệp cao học. Sau đó, vợ chồng nó dọn về Dallas. Nó làm việc cho nha Nghiên cứu và Phát triển của công ty Texas Instruments, một hãng điện tử lớn vào bậc nhất thế giới, nhưng phần lớn thì giờ xách cặp đi học tiến sĩ ở Southern Methodist University là một đại học tư, nổi tiếng của Texas, và học phí rất cao.

* * *

Quyền Châu thường nhắc chuyện năm ngoái (1975): Hai tuần sau khi chúng tôi từ đảo Guam đến trại tỵ nạn Trại Pendleton, tôi nhận được bức thư dài của thằng Công kèm theo tờ giấy bạc một trăm đô la. Cầm trên tay món tiền đầu tiên có được trên đất Mỹ, tôi cảm động khôn xiết vì không những *một miếng khi đói bằng một gói khi no*, mà một trăm đô la là món tiền lớn đối với một sinh viên mới ra trường, vừa đi học vừa đi làm nuôi vợ con như bạn tôi. Phương chi nó còn phải lo cho gia đình người anh lớn và gia đình bà mẹ vợ đang ở trong trại tỵ nạn Đồn Chaffee chờ ngày ra Dallas định cư.

Trong các cuộc điện đàm, không phải lúc nào tôi cũng đồng ý với thằng Công. Thí dụ, lần nó kể kế hoạch xây chùa ở Dallas,

“*Tau* vay tiền nhà băng để mua nhà làm chùa. Sau này, Phật tử sẽ đóng góp để sửa sang thành nơi thờ phụng.”

“Sao mày phải đứng mũi chịu sào để vay tiền?”

“Phật tử ai cũng đã mua nhà và có *mortgage* phải trả góp hàng tháng. *Tau* chưa có nhà nên lãnh chuyện *nó*,” nó thản nhiên trả lời; “*mortgage*” là văn tự vay tiền để mua nhà, bao giờ trả góp hết nợ thì nhà mới về tay mình.

“Sao lạ vậy kia? Chưa có nhà thì lo mua nhà cho mình trước, lẽ nào nai lưng vác ngà voi, lãnh nợ cho thiên hạ?”

“Nếu ai cũng ích kỷ như *mi* thì khi *mô* mới có chùa để thờ Phật?”

Cuối tháng Mười, trước khi cúp điện thoại, thằng Công vờ như chợt nhớ ra,

“*Tau* mới thuê nhà khác. Từ *ni*, *mi* gửi thư cho *tau* về địa chỉ mới *nghe*.”

“Sao không mua nhà *quách*, làm *dân ABC* đi ở thuê hoài, khi nào mới có nhà mình?”

“*Tau* ra ở riêng một mình, Bách Hoa đã dọn đi Los Angeles bên California rồi,” giọng nó buồn tênh.

“Sao đến nỗi phải tới nước đó?” ước gì tôi biết nói điều gì để an ủi bạn, “Năm tới có ngày nghỉ phép, tao sẽ xuống thăm mày.”

Cuối tháng Năm năm sau, tôi lái xe đưa Quỳnh Châu và Mạc đi Texas nghỉ hè và ở lại nhà thằng Công. Hai cô con gái của nó, cô lớn bảy tuổi và cô nhỏ năm tuổi, đang ở thăm viếng (visitation) nó một tháng. Cứ cách một ngày, nó đưa hai cô bé sang thăm bà ngoại nhà gần đó, và hàng đêm gọi điện thoại viễn liên cho Bách Hoa để nàng nói chuyện với con. Nghe thằng Công “anh anh em em” ngọt xớt, khó ai có thể nghĩ rằng hai người đã xa nhau. Một buổi sáng, tôi nghe thằng Công và cô con gái nhỏ nói chuyện; đêm qua cô bé bị bệnh và sáng dậy rất cuống hòng,

“Ba ơi, con đau quá.”

“Con đau ở đâu?” thằng Công âu yếm hỏi.

“Con đau nơi cổ, đau lắm ba ơi,” cô bé tiếp tục khóc.

“Nghe ba nói đây. Cổ con đau, chứ không không phải con đau. Con mà nhớ điều *nó* thì con không còn đau nữa.”

Thằng Công đem triết lý *vô ngã* (không kể mình) của nhà Phật để thuyết phục cô bé năm tuổi cô không hề đau! Đọc tạp chí kỹ thuật về điện toán, tôi biết bạn tôi đang hoàn thiện một loại máy điện toán đặt tên là *Dataflow* (“Dòng dữ kiện”) và giới chuyên gia gọi là “*Công’s Computer*” (Máy Điện toán Công). Trên nguyên tắc, ta có thể ghép hàng ngàn hay hàng triệu *central processing unit* (CPU, là bộ phận hành xử trung ương để làm tính, trao đổi dữ kiện, và điều khiển các bộ phận khác của máy điện toán) với nhau để tạo thành một máy siêu điện toán. Nhưng chiếc máy siêu điện toán ấy sẽ không khác gì máy thường chỉ gồm một CPU nếu không có phát minh của thằng Công. Thí dụ, khi thực hiện phép tính đơn giản

$$X = A + B + C,$$

CPU trước hết phải cộng A và B, lấy kết quả tìm thấy cộng với C, và rồi đem kết quả cuối cùng gán cho X. CPU mỗi lúc chỉ có thể làm một việc; ba công việc nhỏ ấy phải làm tuần tự, việc trước xong mới đến việc sau. *Dataflow* là phương pháp tạo ra một chương trình điện toán để phân chia mỗi phép tính thành một số công việc nhỏ mà nhiều CPU khác nhau của máy siêu điện toán có thể thực hiện cùng một lúc.

Mùa hè 1978 kế tiếp, tôi lại xuống thăm thằng Công. Một tối tôi vừa nói chuyện vừa giúp nó duyệt lãm bài thuyết trình về *Dataflow* hôm sau nó trình bày với hội đồng quản trị Texas Instruments. Trong một công ty tư, hội đồng quản trị là ủy ban tối cao có quyền bổ nhiệm tổng giám đốc và có nhiệm vụ hoạch định đường lối điều hành và chính sách dài hạn của công ty. Tối hôm sau, không nghe nó đề cập tới cuộc họp ban ngày, tôi dọ hỏi,

“Hôm nay thuyết trình ra sao? Sao mày là kỹ sư nghiên cứu mà lại được vinh dự mời ra hội đồng quản trị?”

“Tạm tạm được,” nó uể oải trả lời, “*Bạn hẳn* trả tiền cho *tau* đi học PhD (tiến sĩ) cốt để dùng luận án *Dataflow* của *tau*. *Chừ bạn hẳn* cần biết chắc chắn dự án có khả thi hay không trước khi chấp thuận ngân sách để chế tạo và tung ra thị trường.”

“Rồi mà nói sao?”

“Dĩ nhiên là thực hiện được, nhưng *tau* đang bận chuyện riêng nên không có thì giờ phát triển hay đóng góp thêm. *Bạn hẳn* làm *chi* thì làm, *tau* không hứa hẹn *chi* hết.”

“Sao mà bỏ qua cơ hội bằng vàng như vậy?” tôi trợn mắt nhìn nó.

“*Tau* đang viết sách chứng tỏ Phật giáo không những là tôn giáo dân chủ hoàn hảo mà còn là triết lý vô cùng khoa học. Thì giờ *mô* mà lo chuyện bao đồng?”

Tôi lặng người nhưng cố vớt vát,

“Hay mà để ra vài ba ngày viết các chi tiết kỹ thuật về *Dataflow* ra cho tao?”

“Để làm *chi*?”

“Tao đi thuê luật sư lấy bằng sáng chế. Cầm bằng sáng chế trong tay là mình giàu to, *thằng* IBM không mua thì *thằng* Hewlett-Packard hay *thằng* khác cũng giành mua. Nó không chế để bán thì cũng mua cất giữ cho *thằng* khác khỏi chế. Sau đó, mày khỏi cần đi làm, tao có đủ tiền cho mày tu học.”

“Đừng xúi *tau* vướng vào Tam Chương – Tham Sân Si, ba điều trở ngại cho việc cởi bỏ oan nghiệt.”

“Chính mày mới là Sân Si – giận và ngu tối. Riêng về Tham thì đây không phải là tham lam lấy của người, *kéo nhà người khác về làm chuồng heo* như người Việt, mà ‘tối đa hóa lợi nhuận’ theo thuyết kinh tế của Adam Smith,” tôi nói lớn tiếng.

Adam Smith (1723 – 1790) là nhà kinh tế và triết gia người Tô Cách Lan được xem là cha đẻ của kinh tế học và chủ nghĩa tư bản. *Thằng* Công cười mỉa.

“Kinh tế tư bản khiến người giàu càng giàu hơn, kẻ nghèo càng nghèo thêm?”

“Mày làm rồi! Khi mọi người được hưởng lợi nhuận do công sức mình làm ra, cái Tham ấy là động lực khiến họ làm việc hăng say, cố gắng phát minh sản phẩm tân kỳ và hữu ích, và không ngừng cải tiến phương cách làm việc để có hiệu quả hơn và sản phẩm tốt và rẻ hơn. Nhờ đó, người nghèo cũng được hưởng lợi ích và mức sống họ cao hơn.”

Trở về đề nghị của mình, tôi cố gắng một lần cuối,

“Bỏ qua chuyện lợi danh, hoàn tất công trình nghiên cứu là đóng góp kiến thức mới cho nhân loại và giúp cải thiện đời sống của mọi người, giàu cũng như nghèo.”

“*Tau* không màng thế sự; *mi* là Phật tử làm đường, đừng ép *tau* tơ vương vào cõi trần tục,” *thằng* Công nói chắc như đinh đóng cột.

Tôi cảm phục *thằng* Công ở chỗ nó hết lòng tôn sùng đạo Phật, say mê Phật pháp, và không màng lợi danh. Nhưng tôi thà chịu tiếng Phật tử làm đường còn hơn lẩn tránh trách nhiệm đóng góp cho đời, cho Chúng sinh của nhà khoa học.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Bảy, 2021

Còn Đáng Mặt Đàn Ông

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mỗi tối thứ Sáu tôi và Quỳnh Châu dành trọn thì giờ cho nhau và cho Mạc sau cả tuần lễ đầu tắt mặt tối chạy đua với đồng hồ. Buổi chiều tôi đi làm *chuồn* về sớm và giúp nàng tắm rửa, mang quần áo đẹp, và sửa soạn cho Mạc đi chơi. Bắt đầu buổi tối “ra phố,” chúng tôi đi *kéo ghế*, tức là đi ăn tiệm. Vào tiệm ăn, rổ trẻ con của Mạc đặt nằm trên ghế và chiếm một chỗ như người lớn; tôi vừa ăn vừa đút thức ăn trẻ con mang từ nhà theo cho bé. Ăn xong, chúng tôi vào thương xá và đặt Mạc vào xe đẩy trẻ con đẩy đi loanh quanh xem hàng hóa bày bán đến khi bé buồn ngủ bắt đầu quấy.

Hôm nay bữa ăn chiều có thêm thằng Sang em kế tôi. Nó đã dọn nhà ra ở riêng, và thỉnh thoảng bị cha gọi điện thoại sai làm những việc mấy đứa nhỏ ở nhà không làm được (đúng hơn là thoái thác được). Có thêm thằng Sang, không khí trở nên náo hoạt hẳn lên. Nó kêu bia uống tí tí và gọi món ăn đắt tiền nhất trong thực đơn vì, “Lâu lâu mới được ăn *chùa* của anh *Ba Hoa*, phải ăn cho đáng đồng tiền bát gạo,” và huyền thiên kể chuyện khôi hài để chọc cười. Nó hỏi tôi,

“Anh còn nhớ thằng Xương thời mình *đi giang hồ* và ở lậu trong Đại học xá Minh Mạng không?”

“Cái anh chàng Xương chuyên chơi trò ở trần mặc quần xà lỏn đứng trước cửa đại học xá ngắm nữ sinh trường Fraternité (trường Bác Ái) đi học về ấy à? Bây giờ nó ở đâu?”

“Nó ở vùng nam California, mới liên lạc với *tui* hơn một tuần nay,” nó quay sang Quỳnh Châu, “Hồi đó *tui* chơi thân với *hắn* và nói mãi *hắn* chẳng thèm nghe nên một hôm *tui* tìm thêm hai đứa bạn khác, nhất định cho *hắn* một vố nhớ đời. Tụi *tui* đợi đến giờ . . . cao điểm, nghĩa là lúc các cô đi qua đông nhất, mới ra tay cưỡng bách *hắn* thoát y, nói nôm na là tuột quần *hắn*!”

Quỳnh Châu cười khúc khích,

“Làm gì mà phải cần đến ba tay vai u thịt bắp?”

“Lưng quần xà lỏn luôn dây thun nên kéo tuột xuống dễ ợt. Tuy nhiên, tụi *tui* tính chuyện chắc ăn: Hai đứa đứng hai bên cùng kéo xuống một lúc. Đánh mau, đánh mạnh, *hắn* không kịp trở tay,” thằng Sang rán nín cười.

“Còn người thứ ba?”

“Thằng đó rình sau lưng, thủ sẵn que củi, và đợi quần tụt xuống thì đút ngay que củi vào khoảng trống chính giữa. Thằng Xương lẹ tay cách mấy cũng không sao kéo quần lên kịp, đành phô trương ‘của quý’ cho các cô Fraternité chiêm ngưỡng.”

Tôi chọc nhớ ra và hỏi thằng Sang,

“Thằng Xương chơi với mày từ thuở nhà mình ở Tuy Hòa, nó là cháu gọi bác Hoàng chánh án bằng cậu em mẹ, phải không?”

“Đúng vậy,” nó giải thích với Quỳnh Châu, “Ông chánh án thân với ông già mình, và anh Sơn con đầu của ông ta là kỹ sư công chánh học cùng với anh *Ba Hoa*.”

“Mày đến không hẳn để thăm tụi tao mà còn thừa lệnh ông già?” tôi nghi ngờ hỏi nó.

“Anh đoán trúng chóc, *tui* tới để truyền ‘thánh chỉ’! Thằng Xương di tản sang đây với gia đình ông Hoàng, và nhờ *hắn* liên lạc được với *tui* mà ông chánh án biết số điện thoại của cha. Ông ta gọi năn nỉ ỉ ôi lạy lục cha nhờ anh tìm địa chỉ của anh Sơn bên Pháp. Cha đồng ý và ra lệnh cho anh làm việc đó. Đó, nhiệm vụ của *tui* tới đây là hết,” thằng Sang cười khi khi.

Cha và bác Hoàng cùng trang lứa và làm bạn với nhau từ ngày còn bé ngoài quê Quảng Bình. Lớn lên, cha vào quân đội, bác làm công chức. Bác có nhiều hoài bão và lần hồi tiến thân bằng đường học hành. Ban ngày đi làm, ban đêm cầm cú học, bác đậu tú tài, sau đó ghi tên học luật, nhờ người lấy *cua* về nhà học, và cuối cùng đậu bằng cử nhân luật và được bổ nhiệm làm chánh án tỉnh Phú Yên vài năm trước khi cha về cầm đầu tỉnh.

Năm đệ nhất niên kỹ sư điện, tôi học chung các môn khoa học cơ bản với thằng Sơn. Tuy mang tiếng “quê nhà” ở Tuy Hòa Phú Yên, mãi đến mùa hè hai năm sau tôi mới về thành phố duyên hải nhỏ bé hiền hòa ấy, không như thằng Sơn đã từng học trung học và quen biết nhiều nữ sinh ở đó. Nó đứng đắn đàng hoàng, ăn nói nhỏ nhẹ, cử chỉ dịu dàng như con gái, và mặt mày trắng trẻo đẹp trai; đúng là mẫu người lý tưởng của các thiếu nữ đương thì. Ngược lại, tôi *lắc ca lắc cắc*, đi đứng hành động ào ào, và nói năng bất cần đời, mở miệng sặc mùi triết lý hiện sinh “cuộc đời phi lý và buồn nôn” và “con người trong xã hội cần nổi loạn.”

Thằng Sơn thường được cha dùng làm mực thước để la mắng tôi. Mùa nghỉ hè đến, tôi nấn ná ở lại Sài Gòn chơi với bạn rồi đi xe đò lên Đà Lạt, xuống Nha Trang, và *ngao du sơn thủy* một vòng rồi mới về nhà. Thằng Sơn thì sau ngày bãi trường vội vàng bay về Tuy Hòa và được bác Hoàng xin cho một chân thông dịch viên làm hè trong căn cứ Không quân Hoa Kỳ bên phi trường Đông Tác, căn cứ không quân lớn thứ nhì ở miền Trung, chỉ sau Đà Nẵng. Bác khoe nó giỏi Anh văn và chăm chỉ làm việc phụ giúp lợi tức gia đình. Thế là tôi bị cha hành tội,

“Con người ta giỏi giã, nghỉ hè lo về đi làm kiếm tiền đưa cho cha. Còn con *tau* đem đồng tiền xương máu của *tau* đi chơi, chẳng thèm *đoái hoai đoái quở* tới cha mẹ em út.”

Cha hạch tội tôi chỉ đúng một nửa – tội đi chơi. Nhưng “đồng tiền xương máu” thì hoàn toàn sai, vì khoản tiền cha cho phép mẹ gửi vào cho tôi hàng tháng chỉ vừa đủ để trả tiền ăn ở nhà trọ. Mọi chi phí khác như tiền sách vở, cà-phê thuốc lá, xi-nê giải trí, v.v. đều do tôi dạy kèm tư gia và dạy trung học tư kiếm được. Tôi tức mình nhưng không dám cãi cha bèn qua phi trường Đông Tác xin làm thông dịch viên. Anh sĩ quan Mỹ phỏng vấn cảm phục khả năng nói tiếng Anh lưu loát và kiến thức rộng rãi của tôi bèn đề nghị tôi làm thông dịch viên cho các sĩ quan cao cấp của bộ chỉ huy căn cứ khi họ chính thức tiếp xúc với giới chức cao cấp phía Việt nam – tức là cha và các viên chức trực thuộc. Trước khi tôi được chấp thuận cho nhận việc, hồ sơ điều tra an ninh đi qua tay cha, và tôi bị cha chửi bới,

“Thằng con bất hiếu bất mục không biết bảo vệ danh dự gia đình, coi tên tuổi cha *hắn* như cục cứt. *Tau* làm đến chức cầm đầu một tỉnh như *ri* mà *hắn* cả gan gia tiếng ác nói cha *hắn* bắt đi làm sở Mỹ lấy tiền.”

Một lần khác, bác Hoàng hãnh diện kể rằng ở Sài Gòn thằng Sơn cặp bồ với con gái một vị tướng lãnh trong quân đội. Thế là vô cớ tôi bị cha buộc tội vu vơ,

“Con người ta đang hoang, *trai gái với con ông nọ ông tê* làm cho cha mẹ nở mặt nở mày. Còn con *tau* đi theo mấy thứ mèo đang chó đốm, không xứng đáng với địa vị của *tau*.”

Ít lâu sau, ông tướng thông gia tương lai của bác Hoàng bị giáng chức và buộc phải giải ngũ sau biến động chính trị ở miền Trung (giữa thập niên 1960), và sau khi tốt nghiệp kỹ sư công chánh, thằng Sơn được học bổng đi Ý học cao học. Ba năm sau, tôi có dịp gặp và kết thân với ông tướng (hồi hưu) và nhờ đó quen với Thanh Hiền bồ cũ của thằng Sơn. Trong mấy năm qua, nàng vò võ đợi trông người yêu học thành tài trở về, nhưng *chàng* bỏ trốn qua Pháp, xoay xở ở lại để khỏi về nước bị đi lính, và chấm dứt mọi thư từ liên lạc. Sau một thời gian, nàng nguôi ngoai, tôi giới thiệu nàng với thằng Hữu bạn cùng lớp với tôi. Thằng này và Thanh Hiền thành ý hợp tâm đầu rồi lấy nhau, và dĩ nhiên tôi làm phù rể cho bạn.

* * *

Tối Chủ Nhật, tôi điện thoại cho bác Hoàng hỏi cho rõ việc bác nhờ,

“Thưa bác, lần cuối bác liên lạc với thằng Sơn lúc nào?”

“Mùa hè sau Hiệp định Paris 1973. Lúc đó, *hắn* mới từ bên Ý qua Paris, viết thư nói đời sống bên Pháp rất khó khăn vì nạn thất nghiệp trầm trọng, kịch liệt đả kích chính phủ Việt nam Cộng hòa, và nói sẽ theo phe ‘*bên tê*.’ Bác giận run viết thư mắng *hắn* là đồ ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản, lần đầu tiên bác nặng lời với *hắn*. Sau đó, bác gái nhiều lần viết thư khuyên giải vỗ về, nhưng *hắn* biệt tăm biệt tích. Bác đã coi *hắn* và công lao mấy mươi năm dưỡng dục như *bỏ xó*.”

“Sao bây giờ bác muốn tìm nó?”

“Năm ngoái (1975) qua tới Mỹ, nơi đất khách quê người, bác gái đâm ra nhớ thằng con đầu lòng yêu thương nhất nhà và buồn rầu sinh bệnh rề rề hoài. Bác gửi thư về địa chỉ trước của thằng Sơn thì thư trả lại vì không có người nhận. Với lòng thương con bao la của người mẹ, bác gái chỉ cần biết chắc *hắn* còn sống và mạnh khỏe; còn nếu *hắn* cương quyết từ cha từ mẹ để theo Cộng sản, bác gái cũng chẳng màng.”

Tôi viết thư nhờ một người bạn học cũ là Tuệ hỏi tin tức thằng Sơn. Tuệ lúc trước học chương trình trung học Pháp ở Jean-Jacques Rousseau, thi vào trường Điện cùng năm với tôi và đậu đầu (tôi đậu thứ ba), học chung với thằng Sơn hai năm đầu tiên, ra trường kỹ sư điện đậu thủ khoa, và được học bổng của chính phủ Pháp sang Paris học tiến sĩ. Khoảng hai tuần sau, tôi nhận được thư trả lời của Tuệ, thư chứa một số chi tiết khiến tôi bàng hoàng.



Ngày thằng Sơn đi xe lửa sang Paris, xuống Ga Lyon ở Quận 12 – không tiền, không người quen. Nó hầu như không tin sự may mắn của mình khi thấy một thiếu phụ Pháp tóc vàng xinh đẹp tên

Nadine chờ đón ở sân ga. Bọn Việt Cộng ở Pháp và Cộng sản Pháp thường cho người chờ đón mấy kẻ lang thang cù bơ cù bất đói lạnh ở bến tàu và ga xe lửa, mang về cho ăn ở, và khuyến dụ theo chúng. Trước khi trở thành cán bộ Cộng sản, Nadine có một thời đứng đường bán thân nuôi miệng ở khu Pigalle nằm ở ranh giới Quận 9 và Quận 18 và được biết dưới tên Nadine “le trompette” (người thổi kèn) vì ngón làm tình bằng miệng điệu nghệ của nàng. Nàng đem lòng yêu thương chàng thanh niên da vàng đẹp trai và thông thái, và hai người sống chung trong căn *apartment* ở khu ngoại ô trung lưu Clichy-sous-Bois. Địa chỉ số 44 đại lộ Madrid ở khu ngoại ô giàu có Neuilly-sur-Seine nó dùng để gửi thư cho bác Hoàng lúc trước là của trụ sở Phái bộ Ngoại giao Việt Cộng.

Sau vài lần viết thư cho thằng Sơn về địa chỉ mới ở Clichy-sous-Bois mà không thấy trả lời, bác Hoàng quyết định bay sang Paris tìm nó hỏi cho ra lẽ. Bác đến căn *apartment* bấm chuông, Nadine ra mở cửa. Thằng Sơn ngồi trong phòng khách, không đứng dậy chào, và cũng chẳng nói chẳng rằng. Bác hỏi bằng tiếng Việt, nó trơ mặt không thèm trả lời. Bác la lớn bằng tiếng Pháp thì Nadine can thiệp,

“Ông và Sơn hai người hai bên chiến tuyến, không thể thỏa hiệp và không còn gì để nói. Nếu ông không lập tức ra khỏi đây, tôi sẽ gọi cảnh sát.”

Bác Hoàng tức giận đặng cay và trước khi bỏ đi, muốn chửi thằng Sơn một câu cho đã nư. Nhưng không biết chửi làm sao. Chửi tổ tiên nó là tự chửi ông bà mình. Chửi nó “mất dạy bất hiếu” là tự mắng mình không biết dạy con. Rốt cuộc bác nhìn thằng Sơn, chỉ tay vào mặt Nadine, và phun ra câu chửi tục rất . . . Quảng Bình,

“Con đằm *ni*, *hấn* bú c... *mi* cho *mi* sướng điên lên rồi quên cả cha mẹ ông bà.”

Sau ngày bác Hoàng đi Pháp về, biết thằng Sơn sống yên ổn, bác gái bớt phiền muộn và dần dần phục hồi sức khỏe. Khoảng ba tháng sau tôi nhận được thư Tuệ, trong đó “moi” (đọc là “moa”) và “toi” (đọc là “toa”) tiếng Pháp nghĩa là “tao/tôi” và “mày/anh,”

Báo tin cho tôi biết là Sơn đã qua đời. Moi đi dự đám tang và có dịp nói chuyện khá lâu với Nadine. Năm 1973, lần đầu tiên Sơn thử lửa đi Marseille công tác cho Việt Cộng với Nadine thì bị tai nạn xe hơi. Nadine không hề hấn gì, nhưng Sơn bị thương rất nặng phải nằm nhà thương khá lâu. Từ đó, Sơn bị bán thân bất toại, không thể tự di chuyển hay săn sóc mình, và mất trên 80 phần trăm khả năng nói. Sơn đã dặn Nadine giữ kín điều này cho đến khi Sơn chết.

Dù hèn nhát và phản bội, thằng Sơn cũng còn *đáng mặt đàn ông*: Thà mang tiếng bất hiếu bất nghĩa và chịu đau đớn, còn hơn để cha mẹ phải ưu phiền khổ đau vì mình mà chả đi đến đâu. Không đến nỗi quá tệ!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 11 tháng Tám, 2021

Người Mẹ Đi Ăn Mày

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Buổi chiều đi làm về mở cửa bước vào nhà, tôi rất đỗi ngạc nhiên khi thấy mẹ ngồi trên chiếc ghế *xa-lông* dài đút thức ăn cho Mạc, bé ngồi dựa ngửa trong rổ trẻ con đặt cạnh mẹ. Mẹ vừa đút vừa ờ à “nói chuyện” với Mạc, bé thích chí cười toe toét. Tôi rưng rưng nước mắt chào mẹ, mẹ cũng xúc động không kém và ra hiệu cho tôi lại gần,

“*Mi* làm *chi* mà mặt mày hốc hác như thằng cha chết đói lâu ngày *rứa*?”

“Con cũng vậy vậy thôi, có ốm đi chút nào đâu,” tôi lúng túng cãi.

“Nếu *ảnh* có ốm *dzô* là vì lo học cho theo kịp bạn trên *sở*, *chớ* ở nhà *ảnh* ăn uống đàng hoàng lắm,” Quỳnh Châu từ trong phòng bước ra đỡ lời mẹ và cười chúm chím, “Mặc dù con nấu nướng có hơi vụng về.”

Mẹ đã cãi lệnh cha đến thăm tôi. Tôi nằm trong “sổ đen” của cha; khi cha ghét ai thì ghét cay ghét đắng và bắt mọi người trong nhà phải ghét theo, nếu không sẽ khó lòng yên thân với cha. Quỳnh Châu giải thích cho tôi giùm mẹ,

“Mẹ đến xem *apartment* hai phòng ngủ mới của mình. Cuối tuần tới dì Xuân từ Houston thuộc tiểu bang Texas lên thăm mẹ và sẽ ngủ đây với tụi mình.”

“Dì Xuân hả? Thật không mẹ?” tôi muốn nhảy cẫng lên, “Mười mấy năm nay chưa gặp dì, con ngỡ dì kẹt ở Huế. Ngờ đâu dì *đi* được.”

“*Sức* mấy mà dì Xuân *mi* ở lại với Việt Cộng. Dì và dượng Nguyên qua đây năm ngoái (1975), ông già *mi* bắt liên lạc với dượng nửa năm rồi mà ghét mặt dì nên không thèm nói với *tau*. Hai tuần trước dì kêu điện thoại và nhất định lên đây thăm *tau*.”

“Con nhớ rồi. Cha ghét dì thậm tệ từ hồi nhà mình ở cửa Nhà Đờ Huế. Tại dì cầm đầu đội quân đánh ghen khi các ông bạn cha lén lút thuê nhà sống với vợ hầu trẻ đẹp và giỏi chiều chuộng hơn vợ nhà.”

Ngày đó mẹ kể dì là bạn đi buôn thời mẹ chưa lấy chồng; dì đẹp nhất đám, dạn dĩ, bạo miệng, và hay *nói hoang*, tức là nói tục về liên hệ gái trai. Tôi nhớ lần nghe dì kể vụ đánh ghen cho bác Cẩn gái. Bác trai đóng đồn ở Quảng Trị, không mấy khi về nhà, và bác gái đã dọ hỏi đích xác chỗ ở và giờ giấc sinh hoạt của kẻ cướp chồng. Dì Xuân ra quân thành hai tốp: tốp đầu gồm vai chính là bác Cẩn cùng với hai bà có thân hình *bồ lương tấn gió* (to lớn mạnh mẽ), và tốp tiếp ứng gồm hai bà khác cũng mạnh mẽ không kém. Trong khi hai tay *bồ lương* giữ tay chân “con *đĩ ngựa*” cho bác Cẩn đánh đập vào mặt và lấy kéo xỏn đầu (“*để hấn* dị dạng không còn rù quyển chồng mình”), dùng guốc cao gót nện vào chỗ kín (“*để hấn* hết trở *vành trong tám nghề* làm chồng mình mê mẩn đời”), và lột quần xé toang ra (“*cho hấn* ở lổ, phơi *bộ sậu* ra cho bàng quan thiên hạ *ngó* thấy”).

Hôm ấy, tốp tiếp ứng có dịp ra tay. Một anh hạ sĩ quan làm việc dưới quyền bác Cẩn trai tình cờ đi qua động lòng trắc ẩn bèn xông vào khuyên can và tách rời các bà đánh ghen ra. Hai bà đứng ngoài liền nhào tới tấn công *con kỳ đà cản mũi* và nhắm mục tiêu là . . . chỗ ấy của anh ta. Dì Xuân cười khà khà,

“Hai *mụ* đê *hấn* ra, nhằm chỗ *nớ* mà xĩa vô, dài thì *lôi* (nắm kéo ra), tròn thì bóp. Đau quá, *hấn* lạy lạy xin tha.”

Bốn đứa con dì là thằng Biên lớn hơn tôi hai tuổi, thằng Sơn thua tôi một tuổi, con Hà kế nó, và nhỏ nhất là bé Minh mới đi lẫm đẫm. Tôi chơi thân với thằng Biên và thằng Sơn và hay vấn kể dì khi bị mấy thằng lớn trong xóm bắt nạt. Lớn thêm vài tuổi, tôi thấy đằng sau khuôn mặt vui tươi và giọng nói cười cợt, dì mang ý chí mạnh mẽ không chịu khuất phục ai.

* * *

Trong hơn một tuần lễ tái ngộ, mẹ và dì Xuân quý trọng thời gian bên nhau như thể mai đây không còn gặp lại. Quỳnh Châu giữ nhiệm vụ đưa đón, buổi sáng đưa dì tới nhà mẹ, và buổi tối đón dì về *apartment* ngủ. Tôi có dịp nói chuyện với dì và ngạc nhiên khi biết quê dì là một làng gần Vinh, tỉnh lỵ của tỉnh Nghệ An,

“Mẹ và dì, hai người ở cách nhau hơn hai trăm cây số mà lại thân nhau như chị em, lạ thiệt!”

“Dì sinh ra trong một gia đình điền chủ tương đối khá giả và chỉ có một người anh là ông Chung. Ngày dì còn nhỏ, thầy tướng số đoán dì sẽ chịu gian nan khổ sở, phải đi ăn mày mà sống. *Bọ* (cha) dì gạn hỏi thêm thì thầy lắc đầu, ‘*Thiên cơ bất khả lậu* (máy trời không thể tiết lộ ra được). Chỉ có cách cho *hấn* đi buôn.’ Tin lời thầy, khi dì lớn lên, *bọ* và *vú* (mẹ) bắt dì đi buôn. Nhờ đó, dì gặp mẹ *mi* trên tàu lửa chạy ra vô Vinh và Đồng Hới Quảng Bình và kết bạn với chị.”

“*Anh em bạn cũ Lưu tồn; củ khoai chia bốn, cái . . . hờn chia hai,*” tôi cười hì hì nhắc lại câu ví tục của dì ngày trước về bạn bè.

“*Thằng Bé* quý yêu *ni* ăn nói tầm bậy tầm bạ, mẹ *mi* nghe được vả cho bể miệng,” dì cũng cười nhưng chỉ một thoáng sau, đổi sang nét mặt buồn rầu, “Sau đó, bất hạnh theo nhau đến với gia đình dì,” dì nhắm mắt nhớ lại những tai ách của một thời quá khứ. “*Thằng Bé*” là tên gọi ở nhà của tôi thuở bé.

Năm 1940, Đệ nhị Thế chiến xảy ra, quân đội Nhật tiến vào Việt nam và chiếm đóng Đông Dương bên cạnh chính quyền đô hộ của người Pháp. Sáng ngày 9 tháng Ba năm 1945, Nhật đánh úp Pháp, bộ máy cai trị của chế độ cũ sụp đổ, và quân phiệt Nhật đưa ra chủ nghĩa Đại Đông Á, “*Châu Á của người Á,*” để che dấu dã tâm tàn bạo của họ. Trong một chuyến chở khoai lang đi bán ở Hà Tĩnh cách xa Vinh chừng 50 cây số về phía nam, *bọ* dì Xuân bị lính Nhật chặn lại khám xét. Xe khoai bị phá hủy, viên sĩ quan Nhật tuốt kiếm vung lên chém đầu *bọ* vì “toan tiếp tế lương thực cho Việt Minh”; đầu *bọ* rời khỏi cổ nằm lăn lóc giữa đường.

Sự chiếm đóng của quân Nhật khiến dân chúng vô cùng đau khổ vì phải nộp thóc cho Nhật dùng và cho Pháp dự trữ chờ quân Đồng minh đổ bộ. Ruộng đất bị trưng dụng để trồng thầu dầu, đay, và gai cung ứng cho kỹ nghệ chiến tranh Nhật. Do đó, nạn đói năm Ất Dậu (1945) diễn ra, một nạn đói khốc liệt không tiền khoáng hậu: Hơn hai triệu người chết nằm la liệt khắp bờ biển, ven đường, và xó chợ từ miền Trung ra tới miền Bắc. Quá đói và gầy yếu, chị dâu dì Xuân là vợ ông Chung qua đời lúc sinh con. Khi cả gia đình không còn gì để ăn, dì đi với *vú* vào rừng tìm lá hay rễ cây cho gia đình ăn đỡ đói, nhưng mọi thứ đều đã bị người ta vét sạch. Hai mẹ con đi lạc vào một vườn bắp, chưa kịp hái trộm thì bị chủ vườn là một tên ác côn làm mật thám

cho Pháp bắt được vung roi da đánh không nương tay. Dì nhanh chân chạy thoát, nhưng vú quá yếu nằm chịu trận và bị đánh chết.

Nhật đi, Pháp trở lại, rồi Việt Minh tức là Cộng sản lên cầm quyền. Trong thời gian tranh tối tranh sáng, dì và ông Chung gầy dựng lại cơ nghiệp của cha mẹ và làm ăn khá phát đạt với sự trợ giúp của hai gia nhân trung tín: bà vú tên Viễn đã từng nuôi anh em dì nay trông nom mấy đứa con dì, và ông Quá giúp coi sóc ruộng nương và mùa màng. Dượng Nguyễn đã gia nhập quân đội và theo đơn vị đóng dấu ở trong Nam.

Đại họa đến khi bé Minh được ba tháng. Một buổi sáng đầu năm 1954, dì đang cho con ăn sáng thì trong sân có tiếng hô vang rân, “Đả đảo địa chủ cường hào!” Một đám người làng cầm gạch đá, dao rựa, và gậy gộc giận dữ xông vào nhà kéo ông Minh ra trói kè ra sau lưng. Rồi đến lượt dì bị trói kè, đoàn người cầm hờn hô to, “Tiêu diệt địa chủ gian ác!” Hai anh em dì bị điệu ra đình làng, trói vào hai chiếc cọc đóng ở giữa sân, và bắt quỳ gối đối diện với bảy, tám người dân làng nghèo khó vô học ngồi ngơ ngáo sau chiếc bàn gỗ dài. Dưới sự chỉ huy của hai cán bộ lạ mặt, đám đông đứng quanh sân hô khẩu hiệu và la hét lời nhục mạ được “học tập” từ trước.

Sau này dì biết đó là “tòa án nhân dân” của phong trào Cải cách Ruộng đất phát động để tiêu diệt “cường hào ác bá.” Ngày đầu tiên của “phiên tòa” không mấy thành công vì tuy cán bộ “động viên” đám đông hô khẩu hiệu và vài người đứng ra chửi bới tận mặt anh em dì, nhưng không ai trưng ra tội trạng gì. Đến lượt bị chỉ định lên “đấu tố,” bà Viễn và ông Quá liều lĩnh bào chữa cho anh em dì, nói họ là người tốt, giúp đỡ mọi người trong làng, và nhất là đã hết lòng ủng hộ và che chở “kháng chiến.” Cuối ngày, hai anh cán bộ tu nghỉu, tuyên bố tạm ngưng “xử,” điệu ông Minh đi nơi khác, và lôi dì sên sệt về nhà trói vào chuồng trâu ở góc vườn.

Đêm khuya, ông Quá lặng lẽ bò tới chuồng trâu mở trói cho dì. Ông cho biết ông Công đã bị đâm chết và bà Viễn đang đưa mấy đứa con dì ra cây đa đầu làng. Dì phải tức thì ra đó gặp và đưa con đi trốn, trốn càng xa càng tốt. Dì ẵm thằng út Minh, thằng Biên lớn nhất nắm tay con Hà, thằng Sơn đi một mình, và nắm mẹ con chạy một mạch đến gần sáng. Theo bản năng, dì chạy theo hướng nam về phía Quảng Bình; bên ngoài làng quê Nghệ An, trên đời này dì chỉ quen biết mỗi một mình mẹ.

Tiên đoán của ông thầy bói đã ứng nghiệm. Ban ngày dì dẫn bốn đứa con vào chợ trong các làng dọc theo Quốc lộ 1 xin ăn, ban đêm ngủ bờ ngủ bụi phía ngoài làng. Qua đến ngày thứ năm, dì tới một quán bán cháo lòng xin ăn. Mụ chủ quán không cho nhưng nhìn chăm chăm đứa lớn nhất là thằng Biên, “Nếu *mi* cho thằng nhỏ ở đây làm việc cho *tau* thì *hắn* sẽ có cơm ăn và đêm cho ngủ lại coi quán.” Thằng Biên năn nỉ dì bằng lòng và cuối ngày mang ra ngoài làng cho dì hai tô cháo lòng còn lại trong nồi không bán hết rồi trở lại quán. Nửa đêm, nằm sau bụi cây rậm, dì thức giấc vì ánh đuốc sáng rực và tiếng người ồn ào, “Con địa chủ không thể trốn đi xa, phải tìm cho ra *hắn* để xử tội.” Trời vừa sáng là dì đánh thức ba đứa con dậy và vội vã lên đường, không dám nán lại chờ thằng Biên. Dầu sao nó cũng đã có chỗ ăn chỗ ngủ đằng hoàng.

Hết tuần lễ thứ hai, đứa con gái là con Hà bị kiệt lực và phát sốt run bần bật. Dì rất đổi lo lắng, không có cách gì hơn là liều bị nhận ra và bắt lại, và hỏi thăm đường tới ngôi chùa gần nhất để

nhờ các vị sư chữa trị cho con. Ni cô trụ trì nhận ra dì và nhận giữ con Hà lại chữa bệnh, nhưng sợ bị liên lụy nên hối thúc dì rời chùa ngay lập tức.

Còn lại thằng Minh ẵm trên tay và thằng Sơn, thằng này mới sáu tuổi nhưng khôn ngoan như người lớn. Khoảng một tháng sau khi rời làng, một hôm dì vào nhà một gia đình nông dân xin chút cơm thừa cá cặn; vợ chồng chủ nhà không có con, thấy thằng Sơn mũm mĩm và ăn nói rành rọt, và ngỏ ý xin nó làm con nuôi. Nó không muốn xa mẹ, nhưng tự biết là gánh nặng cho dì nên giục dì nhận lời. Dì miễn cưỡng đồng ý với lời hứa “trong vòng một năm sẽ trở lại đón con.”

Dì ôm con đi ăn mày thêm hơn một tháng nữa mới tới được cổng nhà mẹ, thân tàn ma dại run lẩy bẩy. Mẹ đón dì với vòng tay mở rộng và nụ cười đầm nước mắt. Hôm sau, để dì ở nhà ăn uống tắm gội và nghỉ ngơi, mẹ tất tả vào phố thuê xe có tài xế và cậy người em họ của cha đi với dì đón ba đứa con lớn về. Lần này mọi việc suôn sẻ và mẹ con dì đoàn tụ, như thể được *trời che đất chở*. Trong chuyến đi này, dì hay tin bà Viễn đã thắt cổ tự tử trên cây đa đầu làng và ông Quá đã nhảy xuống sông Lam tự trầm. Họ để lại thư tuyệt mạng “hối lỗi đã phạm tội phản động, giúp đỡ tên địa chủ mang nợ máu nhân dân trốn thoát.” Nhưng dì biết bà Viễn không biết trèo cây, ông Quá bơi lội rất giỏi, và cả hai người đều không biết chữ.

Nghe dì Xuân kể chuyện năm xưa, tôi ghê mình mọc ốc, nước mắt trào ra trên má. Sao dì tôi khổ sở đến vậy hỡi Trời?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 25 tháng Tám, 2021

Thảm Kịch Gia Đình

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tối thứ Sáu là “đêm gia đình” của chúng tôi. Buổi chiều, khi sửa soạn cho Mạc đi ra ngoài, tôi và Quỳnh Châu thường phân vân không biết chọn đi ăn tối ở đâu; tiệm ăn hợp khẩu vị và vừa túi tiền thì nhiều và sà sà như nhau, không dễ gì lựa. Hai vợ chồng thường “đưa banh” qua lại, tôi hỏi câu đầu tiên,

“Hôm nay em muốn ăn gì, ở đâu?”

“Tùy chồng, anh cho đi đâu thì em đi đó,” Quỳnh Châu nhân nhượng.

“Thật không? Anh chọn chỗ không vừa ý thì không được than phiền đâu nhé,” tôi “dọa.”

“Ông dông nói lạ chưa? Hồi giờ vợ này than phiền hồi nào mà bị chồng ‘la’?”

Hôm ấy, đầu tháng Giêng năm 1977, trước khi tôi tung ra “quả banh” thường lệ, Quỳnh Châu mỉm cười chặn đầu,

“Bữa nay em tránh cho chồng một quyết định *nhớn* (lớn) vì đã biết mình đi ăn đâu rồi.”

“Thật vậy sao, *mụ* vợ ‘ngon lành’ của *nòng* (lòng) anh?” tôi cười nụ.

“Vợ anh ‘ngon lành’ cũng không thể bằng miếng bít-tết của *steak house* Long Horn ngon số một Bismarck. Còn ‘ngon’ hơn nữa là hồi chiều bác Kiệt gọi điện thoại mời mình đi ăn cơm tối. Biết *tấy* (ý muốn thầm kín) em, bác mời đi ăn Long Horn.”

“Steak house” là tiệm ăn mà món đặc biệt là thịt bít-tết, Quỳnh Châu thích ăn bít-tết nướng “rare,” bên ngoài hơi chín nhưng bên trong còn sống đỏ, và tôi chỉ dám *chơi* “medium-rare” là tái vừa vừa như ăn phở tái. Bác Kiệt là người Việt tỵ nạn giữ chức vụ cao nhất trong chính quyền tiểu bang. Năm 1958, bác sang North Dakota học ngành sư phạm rồi về nước dạy học và mở trường dạy Anh văn độc nhất ở Nha Trang. Tháng Tư năm 1975, bác và gia đình di tản và định cư tại San Jose ở bắc California. Một người bạn học cũ của bác làm tổng quản đốc nha Giáo dục Quận chúng North Dakota mời bác lên làm phụ tá tổng quản đốc đặc trách giáo huấn học sinh tỵ nạn.

Sống xa gia đình, bác Kiệt xem vợ chồng tôi và Mạc như người thân. Bác ăn nói khéo léo như một nhà ngoại giao, dịu dàng và niềm nở với mọi người, và nói tiếng Anh giỏi và hay hơn người Mỹ. Các thầy giáo trung tiểu học kính nể bác là bậc thầy và hay nhắc tới thành ngữ “water off a duck’s back” mà trong một bài thuyết giảng về giáo dục, bác dịch từ “nước đổ đầu vịt” để gọi đùa việc hoài công dạy dỗ các học sinh cứng đầu khó dạy, rầy la thế nào cũng không được.

Đợi đến cuối bữa cơm thịnh soạn, bác Kiệt mới tung ra “quả bom” bất ngờ,

“Hôm nay là bữa cuối, chắc còn lâu bác mới gặp lại anh chị.”

“Bác về California với bác gái, sao giờ mới cho tụi cháu biết?” tôi giật mình ngạc nhiên.

“Không phải thế. Mới đầu tuần này, mấy người bạn cũ gọi mời bác lên Hoa Thịnh Đốn làm việc cho một dự án rất quan trọng liên quan tới cộng đồng người Việt. Bác phải nhận lời,

dù phải bỏ ngang công việc đang làm. Ngoài anh chị, chỉ có ông *sếp* hiện tại của bác biết bác ra đi, anh chị giữ kín chuyện này giùm bác,” bác căn dặn.

Mùa hè năm sau (1978), bác Kiệt bắt chọt trở lại thăm vợ chồng tôi và cũng mời đi ăn tiệm Long Horn. Mặc đã hơn hai tuổi và biết ngồi một mình trên *high chair* là ghế cao cho trẻ con ngồi ăn. Sau bữa ăn, bác về *apartment* của chúng tôi uống cà-phê và tiếp tục hàn huyên. Bác nói lý do ra đi năm trước,

“Chắc anh chị đọc báo và nghe tin tức tòa án liên bang ở Hoa Thịnh Đốn xử cựu sinh viên Việt du học tại Hoa kỳ tên Dũng và nhân viên cao cấp bộ Ngoại giao tên Richard về tội ăn cắp và chuyển tài liệu mật của chính phủ Hoa kỳ cho Việt Cộng (‘VC’), và đại sứ Việt Cộng tại Liên hiệp quốc (‘LHQ’) tên Thơ bị trục xuất về nước?”

“Nhân chứng then chốt là một phụ nữ người Việt tên Ái Mỹ, phải không bác?” Quỳnh Châu reo lên.

“Cô ấy có lẽ lớn hơn anh một, hai tuổi,” bác nhìn tôi, “Do liên hệ gia đình và hoàn cảnh éo le, cô trở thành điệp viên cho sở Trung ương Tình báo CIA và cục Điều tra Liên bang FBI. Bác trông coi toán ngữ học dịch tài liệu Việt ngữ mà mấy tay gián điệp chuyền tay nhau,” bác Kiệt nhớ lại chi tiết vụ án và kể lại.

* * *

Ái Mỹ quê ở vùng Cần Thơ - Chương Thiện là con thứ tư trong một gia đình bảy người con: Anh lớn tên Ngô, hai chị song sinh kế tiếp rồi đến nàng, cậu em tên Thủy, và hai cô em gái nhỏ. Cha cô là ông Sáng hồi trẻ làm giáo viên tiểu học, tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Minh, và từng bị Pháp bắt giam tù. Bà Sáng rất yêu chồng, nhưng chống đối đường lối chính trị của ông khi thấy Việt Minh trở thành Cộng sản (“CS”) xảo trá và gian ác. Sau Hiệp định Genève 1954, ông chia tay vợ và sáu đứa con đưa Ngô ra bắc tập kết; lúc ấy Ái Mỹ lên chín. Tuy nhiên, ông trở lại miền Nam lẩn lút hoạt động trong tổ chức gọi là Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam (“MTDTGPMN”) rồi được cử làm đại sứ MTDTGPMN tại Nga Sô tới năm 1975. Ngô được gửi sang Nga Sô du học và trở thành chuyên viên hỏa tiễn điều khiển trong quân đội Cộng sản Bắc Việt (“CSBV”).

Một thân một mình với sáu đứa con dại, mẹ Ái Mỹ mở tiệm và trường dạy may để nuôi con. Sau vụ VC tấn công Tết Mậu Thân (1968), Thủy tình nguyện gia nhập Không quân Việt nam Cộng hòa, được gửi sang Hoa kỳ học lái phi cơ trực thăng, và bị tử nạn khi bay tập. Một chị song sinh lấy chồng Mỹ rồi theo chồng về nước, và chị song sinh kia cũng sang Hoa kỳ sống. Ở Sài gòn, Ái Mỹ làm việc tại câu lạc bộ Sĩ quan Độc thân Rex của quân đội Hoa kỳ, gặp gỡ và yêu thương Jayden là sĩ quan Hải quân, và sang Hoa kỳ thành hôn với anh. Đầu năm 1975, hai vợ chồng và cậu con trai sống ở Hạ Uy Di là nơi Jayden phục vụ. Còn lại bà mẹ và hai cô út ở Sài gòn.

Tháng Ba năm 1975, khi tình hình trở nên tồi tệ và báo chí Hoa kỳ tiên đoán miền Nam sẽ rơi vào tay CS, Jayden xin nghỉ phép 30 ngày lén về Sài gòn tìm cách đưa mẹ và em vợ ra khỏi Việt nam, mặc dù quân nhân Mỹ không được phép vào Việt nam nếu không có sự vụ lệnh. Trong lúc ở Sài gòn Jayden loay hoay không có lối thoát, ở Hạ Uy Di Ái Mỹ đánh liều gọi điện thoại cho vị tướng tư lệnh Hạm đội Hoa kỳ tại Thái bình dương, nêu rõ chức vụ của cha trong MTDTGPMN,

trình bày nguy cơ chồng và mẹ và hai em đang gặp, và xin cứu giúp. Để đền đáp, nàng hứa sẽ cộng tác với chính phủ Hoa kỳ nếu và khi cần đến. Nhờ vậy, Jayden được tòa Đại sứ Hoa kỳ ở Sài gòn cung cấp phương tiện trở về, và cuối tháng Tư bà mẹ và hai cô em được di tản bằng máy bay ra khỏi nước. Và Ái Mỹ trở thành điệp viên CIA.

Hơn hai tháng sau, nhân đọc bản tin trên tờ *Japan Times* cho biết đầu tháng Tám ông Sáng đại diện chính phủ MTDGPMN tham dự hội nghị quốc tế chống bom nguyên tử và khinh khí tại Đông Kinh, Ái Mỹ cùng đưa con trai năm tuổi bay sang Nhật gặp cha. Sau 21 năm xa cách, hai cha con vẫn thương yêu nhau, nhưng nàng không che dấu lòng thù ghét VC tàn bạo dã man và ông nhất quyết cho rằng Mỹ đã giết Thủy để trả thù ông. Ông buồn rầu,

"Ba không thích cái vĩ và không hề muốn thay đổi ý kiến của con."

Ông Sáng nhờ Ái Mỹ đưa mẹ sang Pháp để ông gặp và rước về Việt nam sống quãng đời còn lại bên ông. Nàng vâng lời chạy giầy tờ đưa mẹ sang Ba Lê gặp cha. Trong hơn một tuần bên nhau, ông bà Sáng cùng nhau nhắc lại những kỷ niệm êm đẹp ngày xưa. Khi nói chuyện *theo chàng về dinh*, bà cười cười hỏi,

"*Tui* về Sài gòn mấy thằng cán ngố nó làm gì *tui*, anh biết không?"

"Sao em dùng danh từ không đẹp để gì cả vậy?" ông chau mày nhưng gượng trả lời, "Em về thì mấy *anh* sẽ mời em lên nói chuyện, chắc là biểu đi học tập ít ngày."

"Trong Nam *tui* chỉ có danh từ đó để kêu họ. *Tui* khôn hơn *tui* cán ngố, không làm gì ác độc như anh Ba Duẩn của anh, và thương nước thương nòi hơn bác Hồ của anh, *tui* có tội gì và ai có quyền dạy *tui* học với tập?" bà nhìn thẳng vào mắt ông; "anh Ba Duẩn" là Lê Duẩn tổng bí thư của đảng CS quyền hành cao nhất nước.

"Em bỏ nước ra đi khi toàn dân chào mừng cách mạng, em lại cho con lấy chồng Mỹ," ông hạch tội bà.

Thế là ước mơ đoàn tụ của ông bà thành mây khói. Trong chuyến đi Ba Lê đó, Ái Mỹ có cơ hội gặp gỡ và thân cận với Phái bộ Ngoại giao MTDGPMN và tòa Đại sứ CSBV. Họ chiêu mộ nàng làm việc cho Hà nội bằng cách về Mỹ vận động dư luận quần chúng đòi chính phủ Hoa kỳ bồi thường chiến tranh và mong muốn Jayden "tiếp tay nhạc gia" bằng cách đánh cắp tài liệu chiến lược của Hải quân Hoa kỳ. Theo chỉ thị của CIA, Ái Mỹ và Jayden dọn nhà sang Hoa Thịnh Đốn, và nàng giữ vai trò điệp viên nhị trùng. Nàng cũng lên Nữ Ước thăm viếng ông Thơ ở LHQ là bạn cha nàng.

Dùng một công ty xuất nhập cảng đồ sứ làm bình phong, Ái Mỹ bay sang Ba Lê thường xuyên và được các viên chức VC đưa đi tham dự hoạt động của hội Người Việt Đoàn kết và những nhóm thân Cộng khác tại Pháp. Họ trao tài liệu cho nàng phổ biến ở Hoa kỳ và ra lệnh cho nàng tiếp xúc với các nhóm thân Cộng và điệp viên thuộc mạng lưới tình báo VC khắp Hoa kỳ.

Đến đây vai trò điệp viên của Ái Mỹ trở nên phức tạp. Theo luật pháp Hoa kỳ, CIA chỉ hoạt động ở ngoại quốc, nhiệm vụ phản gián ở quốc nội do FBI đảm trách, và hai cơ quan hoàn toàn độc lập với nhau. Nhất định hoàn thành sứ mạng chống Cộng, nàng cứng rắn yêu cầu giám đốc CIA và FBI đặc cách cho phép nàng làm việc cho cả hai cơ quan. Được chấp thuận, nàng trở thành kẻ đưa tin và chuyển tài liệu "đặc lực" cho VC, ở Hoa kỳ và từ Hoa kỳ sang Âu châu. Trước khi

chuyển tài liệu tới người nhận, Ái Mỹ giao cho CIA và FBI chụp hình; toán thông dịch của bác Kiệt cấp tốc dịch văn bản Việt ngữ ra Anh ngữ để ứng phó với việc bất ngờ.

Cựu sinh viên du học Dững có tên Mỹ Daniel là nhân viên tình báo VC quan trọng ở Hoa Thịnh Đốn. Cha anh từng là luật sư nổi tiếng ở Việt nam và thời Đệ nhị Cộng hòa ra ứng cử tổng thống. Nhờ Ái Mỹ chỉ lối, FBI bố trí bắt quả tang nhân viên cao cấp bộ Ngoại giao Richard trộm tài liệu mật giao tận tay Daniel. Đường dây nhận tài liệu gồm cả Đại sứ Thơ ở LHQ.

Tháng Sáu năm 1977, Jayden chuyển sang bộ Tư lệnh Hải quân Hoa kỳ ở Âu châu, và vợ chồng Ái Mỹ dọn nhà sang Luân Đôn. Đồng thời, FBI định truy tố Daniel và Richard ra tòa về tội vi phạm an ninh quốc gia và cần nàng làm nhân chứng then chốt để buộc tội. Mặc dù CIA không đồng ý vì như thế nàng sẽ phải xuất đầu lộ diện và họ sẽ mất đi một *asset* (điệp viên) quý báu, nàng quyết định làm nhân chứng với điều kiện FBI và CIA cho nàng cơ hội cuối cùng: giúp anh thoát khỏi Việt nam và thuyết phục cha từ nhiệm ra ngoại quốc sống với gia đình. CIA tặng 10,000 đô la cho Ngô tìm đường vượt biên.

Trong vai trò điệp viên, Ái Mỹ quen thân với ông Thơ và đại sứ VC tại Pháp. Lấy lý do mẹ đang đau nặng, nàng khẩn cầu hai người này can thiệp và đồng thời viết thư thỉnh nguyện lên Lê Duẩn và bộ trưởng ngoại giao VC xin cho ông Sáng được phép xuất ngoại gặp vợ ở Luân Đôn. Hai tuần trước lễ Giáng sinh, ông Sáng bay sang Luân đôn. Ông gượng vui với vợ và con cháu, nhưng rất dè dặt và sợ bị bắt cóc khi nàng khuyên ông hồi hưu sống với bà. Nỗ lực khuyên cha về với mẹ thất bại, khi chia tay nàng rụt rè hỏi cha,

“Nếu con công khai chống chính phủ Cộng sản, họ sẽ làm gì ba?”

“Con là con, ba là ba; ba không chịu trách nhiệm về hành động của con,” ông lạnh lùng trả lời.

Thảm kịch gia đình này là cuộc xung đột giữa ý thức hệ và tình thương. Nhưng lối thương yêu của người chồng và cha không thể nguỉ được. Ai đời bỏ luống vợ con *sống chết mặc bay* suốt 21 năm trời, khi gặp lại muốn đón vợ về chung sống thì lại đòi bà phải “đi học tập,” tức là ở tù để . . . hối tội. Mẹ, Việt Cộng có khác!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 15 tháng Chín, 2021

Tấm Gương Hiếu Thảo

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối tuần, tôi và Quỳnh Châu ẵm Mạc đi thăm và chào từ biệt bác Hòa vì gia đình bác sắp “xuôi về Nam” dọn xuống Houston thuộc tiểu bang Texas. Trước là đệ nhất tham vụ tòa Đại sứ Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) tại Trung hoa Dân quốc (Đài Loan), bác làm việc cho nha Chức nghiệp North Dakota giúp dân tỵ nạn tìm việc làm hơn hai năm qua và được cộng đồng tỵ nạn nhỏ bé Bismarck - Mandan kính nể và thường đến hỏi ý kiến. Bác hay than người Việt mình quá ư . . . hồn nhiên, gặp ai cũng hăm hờ hỏi cho kỳ được, “Làm một giờ mấy đồng?” hay “Một tháng lãnh bao nhiêu tiền?” không cần biết đó là điều cấm kỵ đối với người Mỹ. Nay kế ước làm việc hết hạn, bác tìm được cơ hội mới ở xứ cao bồi dựng biển “*Don’t mess with Texas*” (Đừng giỡn mặt với Texas/Đừng làm bẩn Texas) trên xa lộ để nhắc nhở du khách đừng xả rác.

Khi chúng tôi đến, bác Hòa đang có khách ở xa đến thăm. Người đàn ông ngồi trong phòng khách trạc ngũ tuần, vẻ mặt nghiêm trang, và được bác kính cẩn nghe chuyện. Chào hai người xong, chúng tôi rút qua phòng ăn, bác gái đang tiếp bà khách là vợ ông kia và cô con gái mười tám, mười chín tuổi tên Ngọc Cơ. Cô thiếu nữ xinh xắn nhìn chúng tôi nhưng không chào, tiếp tục cười nói huyên thiên, và kiêu hãnh kể lể về gia đình thượng lưu của cô.

Ông Bích, cha Ngọc Cơ, trước là sứ thần của bộ Ngoại giao VNCH. “Sứ thần” là ngạch công chức cao nhất của bộ Ngoại giao lương bổng và quyền lợi ngang hàng với đại sứ. Cô lớn lên trong thời gian ông phục vụ ở Trung Đông, học trường quốc tế dành cho con cái ngoại giao đoàn, và học bằng Anh ngữ nên cô tự hào mình nói tiếng Anh giỏi như người Anh – nghĩa là hơn xa dân tỵ nạn như tôi. Gia đình cô định cư ở Fargo là thành phố lớn nhất của North Dakota cách Bismarck 200 dặm Anh về hướng đông và mở tiệm ăn Việt nam lấy tên “Nine Dragons” (Cửu Long). Ông Bích dạy môn Bang giao Quốc tế ở North Dakota State University (NDSU) với tư cách giáo sư thỉnh giảng hay “adjunct professor” là giáo sư dạy giờ, được trả tiền theo từng tam hay lục cá nguyệt, và ngoài ra không giữ chức vụ gì ở đại học. Ngọc Cơ đang học năm đầu ngành quản trị xí nghiệp ở NDSU.

Khi bác Hòa gái vào nhà bếp lấy thêm bánh trái mời khách, bác trai đưa ông Bích sang giới thiệu,

“Anh *Ba Hoa* và cô Quỳnh Châu, đây là anh Bích bạn đồng sự lâu năm của tôi ở bộ Ngoại giao. Anh từng giữ chức vụ quan trọng ở ngoại quốc và gần đây nhất về Sài gòn làm phát ngôn viên của bộ.”

“Ngày đó cháu thường xem trực tiếp truyền hình các buổi họp báo hàng ngày của bác và anh Trực bạn cháu làm phát ngôn viên chính phủ,” theo thói quen, tôi mỉm cười nhận người quen và lấy cảm tình.

“Ông Trực đứng trên diễn đàn với tôi, nhưng chúng tôi không ngang hàng với nhau,” bộ mặt khó đăm đăm không bày tỏ một chút thiện cảm, ông thản nhiên *dội bát nước lạnh* vào mặt tôi.

Ông công chức già *sống lâu lên lão làng* này chắc hẳn đã bị anh Trục *chơi* cho đôi ba vố nhớ đời. Bạn tôi là người thẳng thắn, không nề nang ai, và thấy chuyện chướng tai gai mắt là *quạt* liền. Tôi vờ ngây thơ nói theo ông,

“Dạ, bác nói đúng. Bác là phát ngôn viên bộ Ngoại giao, làm sao sánh với anh Trục là phát ngôn viên chính phủ, đại diện cho tổng thống và chính phủ?”

“Hừ, tôi là nhà ngoại giao chuyên nghiệp, ông Trục chỉ là công chức thường mới vào làm cho phủ Tổng ủy Dân vận và Chiêu hồi rồi được bè đảng phe phái đưa đẩy nhau lên,” ông bực bội thấy rõ.

“Cháu hiểu rồi,” tôi được dịp cười to, “Thì ra bộ Ngoại giao đã cử làm người! Vì trong lúc anh Trục thao thao đối chọi với bọn ký giả ngoại quốc soi mói đặt vấn đề và tìm cách hạ nhục Việt nam Cộng hòa thì người phát ngôn viên ‘kia’ *được mặt* ngẩn tò te như đứa con nít lạc mẹ.”

“Hừ, các anh toàn là cá mè một lứa, miệng lưỡi xoén xoét như nhau,” ông tức giận hối thúc vợ và con gái ra về; tôi biết mình sẽ không bao giờ được ăn giảm giá ở tiệm Nine Dragons.

Thực ra anh Trục là anh của Bảo bạn thân của tôi thuở học trường kỹ sư; Bảo học Công chánh, tôi bên Điện. Ông cụ của hai người, bác Vân, là một nhà giáo đức độ; bác soạn sách giáo khoa bậc tiểu học, chủ trương tạp chí thiếu nhi, và sáng tác đủ loại văn thơ. Bác xem tôi như người nhà, mỗi dịp giỗ tết của gia đình đều gọi tôi tới dự, ngay cả sau khi Bảo tốt nghiệp, đi Nhật du học, và học cao học ở Học viện Kỹ thuật Đông Kinh là viện đại học lớn nhất của Nhật.

Mùa thu năm 1967, anh Trục ở Úc về sau chuyến du học không thành công, ban ngày anh đi học Đại học Văn khoa và dạy Anh văn ở trường Viên Hồng của hai ông Lê Bá Kông và Lê Bá Khanh, và ban đêm đi về khuya, anh sang ngủ nhà người bà con là nơi tôi ở trọ. Anh thích kể cho tôi nghe chuyện xứ Úc có những đàn đại thú chạy nhảy lảng quăng, hoạt động sinh viên trường Văn khoa chẳng hạn như đêm đầu tiên ca sĩ Khánh Ly đi chân đất hát nhạc Trịnh Công Sơn ở sân trường, và các cuộc thảo luận văn nghệ với bạn ở quán La Pagode (tức là quán “Cái Chùa”) nằm ở góc đường Lê Thánh Tôn và Tự Do là nơi gặp gỡ của giới ký giả và văn nghệ sĩ Sài Gòn. Hàng đêm hai thằng thức khuya bàn cãi đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, trở nên thân nhau, và thỉnh thoảng đi chơi chung.

Trong vụ Việt Cộng tấn công Tết Mậu Thân (1968), anh Trục và các bạn trong Tổng hội Sinh viên Sài Gòn xung phong ra trận tuyến ở vùng Chợ Lớn, bắc loa kêu gọi cán binh Cộng sản buông súng đầu hàng trở về với chính nghĩa quốc gia. Phần lớn là những cậu bé mười bốn, mười lăm tuổi, họ bị cưỡng bách phải chiếm cứ và tử thủ trên cao ốc hay trong nhà dân chúng. Có lẽ kinh nghiệm chiêu hồi đó đưa anh vào đường tham chính; sau khi tốt nghiệp cử nhân Anh văn, anh làm việc cho phủ Tổng ủy Dân vận và Chiêu hồi và trở thành phát ngôn viên chính phủ VNCH.

Trong nhiệm vụ quan trọng này, anh được dịp thi thố tài năng khiến ông Bích đứng bên cạnh thành cái bóng mờ ngơ ngáo. Tận dụng kiến thức rộng rãi, khả năng nói tiếng Anh lưu loát, và tài ứng đối trôi chảy, anh hãnh diện bên vức chính sách của VNCH trước dư luận thế giới. Tháng Sáu năm 1969, khi một phóng viên ngoại quốc yêu cầu bình luận về cái “quốc gia” gọi là “Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt nam,” anh hùng hồn biện luận,

Quốc gia là một thực thể pháp lý gồm ba yếu tố: lãnh thổ, dân chúng, và chính phủ; bất cứ sinh viên trường luật năm thứ nhất nào cũng biết. Cái gọi là “Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam” đó không có lãnh thổ, không có dân chúng, và chính phủ lèo tèo dăm ba kẻ hữu danh vô thực, làm sao gọi là “quốc gia” được?

Năm 1974, anh chuyển sang làm việc tại tòa Đại sứ VNCH tại Anh, và tháng Sáu năm 1975 cùng gia đình sang tỵ nạn ở Toronto, Gia Nã Đại.

* * *

Bác Vân có sáu người con. Con đầu là bà chị lớn, rồi đến anh Trực và Bảo, một em trai và một em gái kế tiếp, và cậu út Đăng là sinh viên trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Minh Đức. Tôi kính yêu bác nhất ở chỗ bác là người cha lý tưởng, chăm lo cho con từng li từng tí, theo dõi nhu cầu của mỗi đứa ở từng lứa tuổi và cung ứng thích hợp, và cố gắng tạo điều kiện cho con thành công trên đường học vấn. Giá mà cha quan tâm đến tôi bằng một phần trăm bác Vân lo cho con bác, tôi cũng đủ mãn nguyện suốt đời, sung sướng không biết để đâu cho hết.

Hơn nữa, bác Vân là người con có hiếu. Gia đình bác di cư từ ngoài Bắc vào gồm cả cụ nội (mẹ bác) và cụ ngoại (mẹ bác gái). Hai cụ ở trong nhà và được bác tận tình chăm sóc. Cụ nội mắt lòa không trông thấy gì, nhưng lúc nào cũng khăn khăn vấn tóc quanh đầu nghiêm chỉnh. Cụ ngoại dáng đi hơi gù nhưng mắt còn tinh tường và hay cười với miệng móm mém nhai trầu. Trông thấy hai cụ âu yếm gọi bác Vân là “anh giáo” và cách bác cung kính đối xử với hai cụ, tôi nghĩ các gương hiếu thảo trong *Nhị Thập Tứ Hiếu* của Lý Văn Phức (1785 - 1844) học thời trung học có lẽ chỉ ngang hàng với bác là cùng.

Năm 1974, hầu hết các con bác Vân đã ở ngoài quốc. Anh Trực và vợ con ở Luân Đôn, vợ chồng Bảo du học ở Đông Kinh, hai người em kế du học ở Gia Nã Đại từ một số năm trước, và chỉ còn lại Đăng và bà chị lớn ở Sài Gòn. Chị lập gia đình với một bác sĩ quân y và có ba đứa con. Tháng Tư năm 1975, khi các cơ quan Hoa Kỳ di tản nhân viên người Việt bằng máy bay, anh chị dàn xếp cho gia đình mình và Đăng bay ra khỏi nước, nhưng hai bác quyết định ở lại chờ xem tình hình và chỉ ra đi vào giờ phút cuối. Một phần vì không thể di tản hai cụ già yếu đi đứng khó khăn, một phần tiếc nuối cơ nghiệp gầy dựng suốt 21 năm qua.

“Giờ phút cuối” đến sáng ngày 30 tháng Tư với lời tuyên bố đầu hàng vô điều kiện của vị tổng thống lâm thời, bác Vân hoảng hốt dìu bác gái chạy ra bến tàu Sài Gòn. Khấp thương khấp chỉ còn lại mỗi một thương thuyền Viễn Đông, hai bác chen vào làn sóng người leo lên tàu. Một giờ chiều, Viễn Đông nhổ neo rời bến, nhưng chưa ra khỏi sông Sài Gòn thì bị trục trặc máy móc rồi mắc cạn. Nhờ chiếc tàu giồng (dùng để kéo xà-lan trong sông) và tàu Hải quân giúp đỡ, Viễn Đông được kéo ra khỏi cạn và sáng hôm sau ra tới cửa biển Vũng Tàu.

Mười tiếng đồng hồ sau khi Viễn Đông rời bến, máy tàu và máy đèn đều tê liệt, nước tràn vào phòng máy, và thuyền trưởng gửi tín hiệu SOS trên băng tần báo hiệu lâm nguy quốc tế. Trưa ngày mùng 2 tháng Năm, nước tràn vào khoang và tàu chìm từ từ. May thay, cứu tinh xuất hiện – tàu vận tải Đan Mạch Clara Maersk đáp lại tiếng kêu cầu cứu – trước khi Viễn Đông và gần bốn ngàn người tỵ nạn vùi thân dưới đáy biển. Clara Maersk đánh điện xin đưa hải khách được

cứu vớt lên Hương Cảng, nhưng chính quyền địa phương từ chối. Sau hai ngày nằm lo lắng trên tàu, người tỵ nạn được Nữ hoàng Elizabeth Đệ nhị nước Anh lúc ấy đang kinh lý Hương Cảng đặc cách cho phép nhập cảnh.

Sau chuyến đi hải hùng, bác Vân viết thư từ trại tỵ nạn Cửu Long báo tin cho các con biết đã ra khỏi nước an toàn và sau đó xin nhập cư Gia Nã Đại. Gia đình bác lại sum họp ở Toronto. Anh Trực từ Anh sang, Bảo từ Nhật sang, hai người con đã ở Gia Nã Đại từ trước, và Đăng di tản bằng máy bay sang Mỹ trước rồi mới đến Toronto. Gia đình chị lớn định cư ở Hoa kỳ.

Sống ở Gia Nã Đại, bác Vân luôn lo lắng và nhớ nhung hai bà mẹ già cực khổ đau yếu ở Sài Gòn, không một phút nguôi ngoai. Ngay sau khi ổn định nơi ăn chốn ở, bác liên tiếp làm đơn thỉnh cầu Thủ tướng Pierre Trudeau can thiệp để Việt Cộng cho phép hai cụ được xuất ngoại và xin bộ Nhân lực và Di trú cấp chiếu khán cho hai cụ nhập cư Gia Nã Đại. Khi mọi cách gửi đơn thỉnh nguyện theo thủ tục thông thường cạn kiệt mà không đi tới đâu, bác Vân quyết định “xuống đường.” Toàn gia tộc và bằng hữu kéo nhau lên thủ đô Ottawa biểu tình, ủng hộ hai bác ngồi xe lăn tuyệt thực ở công trường trước văn phòng thủ tướng; văn phòng này nằm trong tòa nhà nhìn sang ngọn đồi quốc hội. Anh Trực là phát ngôn viên bày tỏ nguyện vọng gia đình đến các cơ quan truyền thông khắp nước.

Cuộc biểu tình của bác Vân thành công. Cuối ngày, đại diện thủ tướng ra nhận thỉnh nguyện thư và hứa sẽ giải quyết thỏa đáng. Hai cụ được phép xuất ngoại và nhập cư theo chương trình đoàn tụ gia đình cho người tỵ nạn Việt nam vừa được chính phủ Gia Nã Đại thành lập. Hà nội chấp thuận chương trình này với cả hai tay, không phải vì nhân đạo mà vì, để đánh đổi, Gia Nã Đại đề nghị kế hoạch viện trợ kinh tế đáng kể.

Bác Vân tiếp tục phụng dưỡng mẹ già cho đến khi hai cụ nằm xuống. *Tấm gương hiếu thảo như câu ca dao*

*Đem về phụng dưỡng mẹ cha,
Muôn đời tiếng hiếu người ta còn truyền.*

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 29 tháng Chín, 2021

Như Trong Niềm Nhớ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Biết tôi là người “rẻ tiền” tức là *kẹo kéo* hay hà tiện, Quỳnh Châu giật thót người khi tôi đề nghị đi ăn tiệm *steak house* Long Horn có món bò bít-tết ngon số một và “chém” cũng rất . . . đẹp.

Nàng cười nửa miệng,

“Hôm nay chồng định làm ‘công tử Bạc Liêu,’ bộ kiếm ra mấy cái *coupon* của Long Horn hả?” “*Coupon*” là phiếu mua hàng giảm giá mà cửa hàng hay tiệm ăn phân phát để khuyến mãi.

“Trời ơi là Trời,” tôi vờ than thở, “Lâu lâu *tui* mới có can đảm mở hầu bao đãi cô vợ dễ thương ăn ngon một bữa mà lại bị chế nhạo; thiệt mất mặt anh hùng!”

“Thôi em biết rồi. Chiều Chủ Nhật tới anh đi họp xa, em và cu Mạc ở nhà lui cui đến ba ngày nên chồng thương chồng đền bù thiệt hại,” nàng cười thật tươi.

Gần nửa năm nay tôi được Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU) cử vào nhóm Đặc nhiệm Khảo cứu Hệ thống Truyền Điện gọi tắt là TSTF thuộc Tổ hợp Điện lực Vùng Trung-Lục địa gọi tắt là MAPP mà MDU là hội viên. TSTF gồm kỹ sư do sáu công ty hội viên đề cử vào, có nhiệm vụ khảo cứu tìm khuyết điểm có thể gây ra cúp điện hàng loạt và rộng lớn, và đề nghị phương cách cứu vãn. Tuy là người ít kinh nghiệm trong ngành điện lực nhất trong nhóm, nhờ kiến thức sâu rộng về lý thuyết mạch điện, tôi được các bạn kính nể và tôn trọng ý kiến.

Cứ khoảng hai tháng TSTF nhóm họp một lần tại trụ sở MAPP ở trung tâm thành phố Minneapolis thuộc tiểu bang Minnesota cách Bismarck hơn một tiếng đồng hồ bay. Tôi bay xuống Minneapolis chiều hôm trước, vào khách sạn, và đi ăn tối với các bạn trong nhóm. Sau hai ngày rưỡi thảo luận về cuộc khảo cứu, trưa ngày thứ ba ăn cơm trưa chung với TSTF xong, tôi kêu xe ra phi trường bay về; Quỳnh Châu lái xe ra phi trường đón. Nhưng lần này giờ giấc chuyển về thay đổi, tôi đợi ăn uống xong mới báo cho nàng biết,

“Chiều thứ Tư em khởi ra phi trường đón anh. Sau khi ăn cơm trưa, anh ra phi trường nhưng không bay về ngay mà gặp lại một người bạn cũ, ăn cơm tối với bạn, và về bằng chuyến bay khuya rồi sẽ kêu tắc-xi về nhà.”

“Anh lo cho công việc trước, mẹ con em dễ mà,” nàng vô tư trấn an tôi.

“Người bạn cũ là Bội Hằng anh gặp lần cuối trước Tết Canh Thân (1970), sau đó biệt vô âm tín cho đến sáng nay,” tôi thu nhặt chuyện xưa năm sâu trong ký ức và kể cho nàng nghe.

Ngày tôi học đệ tam (lớp 10) trường Quốc Học Huế, Bội Hằng là cô bạn hàng xóm lớn hơn tôi một tuổi và học đệ tứ (lớp 9) trường Đồng Khánh. Nàng là con thứ hai của bác Luân, kể chị Bội Ngọc là người yêu của anh Quang. Cuộc hôn nhân tương lai của anh chị, mẹ và bác gái đã y ước với nhau. Tôi và Bội Hằng lớn lên kề bên nhau, gần gũi gắn bó, tình cảm nảy nở tự nhiên, và đầu óc thơ ngây của hai đứa tin rằng mình sẽ sống bên nhau suốt đời.

Bác Luân là công chức làm Đại diện Hành chánh ở Nam Đông trên vùng thượng du cách Huế chừng 50 cây số về hướng tây nam. Trong tuần bác ở Nam Đông làm việc và cuối tuần về Huế với gia đình. Đôi khi bận công việc bác không về thì bác gái hay hai chị em Bội Hằng lên đó nấu

nướng và dọn dẹp phòng ốc cho bác. Chiều thứ Sáu sau Tết Quý Mão (1963), bác Luân cho người đón hai cô con gái lên Nam Đông ở lại cuối tuần. Đùng một cái, tối thứ Bảy, Việt Cộng tấn công văn phòng hành chánh và đồn lính canh phòng, bác Luân bị sát hại, và hai chị em bị bắt đi mất tích. Cả vũ trụ sụp đổ trong lòng tôi.

Bảy năm sau, đột nhiên vào một buổi sáng cuối năm âm lịch trước Tết Kỷ Dậu (1970), tôi “gặp” lại Bội Hằng. Là sinh viên đệ tứ niên trường Cao đẳng Điện học, tôi đi với vài người bạn đến trường nữ trung học Gia Long xin vào các lớp đệ nhị và đệ nhất (lớp 11 và 12) bán đặc san luân của sinh viên trường Điện và mời các cô dự buổi văn nghệ tất niên sắp tới của chúng tôi. Đến lớp cuối cùng, tôi bàng hoàng khi chợt thấy nét mặt duyên dáng, đôi mắt đen láy, và mái tóc xõa ngang vai của Bội Hằng ở dãy bàn cuối. Tôi lặng lẽ đứng trước cổng học sinh ra vào đợi nàng ra, nhưng đến chiều vẫn không thấy bóng dáng của nàng.

Tối hôm ấy, tôi tới nhà cậu Há em chú bác của mẹ hỏi ý kiến. Trước ở Huế, cậu mới đưa gia đình vào Sài Gòn vài năm trước để nhận chức vụ quan trọng trong bộ Thông tin và Chiêu hồi. Cậu suy đoán Bội Hằng là đặc công Việt Cộng gài nằm vùng trong giới học sinh và hứa sẽ trình vụ này cho bác Cử bạn cha xử trí. Bác là sĩ quan cấp tướng giữ một chức vụ quan trọng nhất của bộ Nội vụ.

Buổi văn nghệ của chúng tôi thành công trên mức dự đoán. Cuối buổi, tôi nhận được thư đưa tay mang nét chữ nắn nót mềm mại quen thuộc của Bội Hằng hẹn gặp ở nhà hàng Quốc Tế trên lầu hai thương xá Tam Đa ở đại lộ Lê Lợi. Đến ngày giờ hẹn, Bội Hằng chờ tôi ở chiếc bàn ở góc trong cùng,

“Mấy năm qua mình nhớ nhà và nhớ *Ba Hoa* lắm, nhưng không thể liên lạc với bất cứ ai. Mình bị ép buộc làm những điều ác đức mà đành nhắm mắt tuân theo để giữ tính mạng. Ngẫu nhiên mình gặp *Ba Hoa* như gặp cứu tinh.”

“*Răng* Bội Hằng không ra đầu thú? Chính phủ có chương trình chiêu hồi.”

“Mình biết quá nhiều chuyện của họ; chỉ cần một chút nghi ngờ, họ giết mình để bịt miệng liền. Mình cần phe bên *ni* bảo vệ khi ra quy phục. *Ba Hoa* xin cậu Há giúp đỡ mình giùm, cậu cầm đầu phần việc chiêu hồi *nó*.”

Cậu Há chấp thuận lời yêu cầu, Bội Hằng ra đầu thú và được tiếp nhận an toàn. Sau đó cậu cho biết,

“Nhờ con *nó* cung cấp tin tức, bên *mình* tóm trọn ổ mạng lưới đặc công Việt Cộng và chặn đứng kế hoạch khủng bố đại quy mô của tụi *hắn*. Nếu không, hàng trăm dân lành sẽ bị thiệt mạng trong mấy ngày tết.”

“*Chừ* Bội Hằng ở chỗ *mô*?” tôi lo lắng hỏi.

“Anh Cử ra lệnh, để được hưởng quy chế hồi chánh viên và khỏi bị truy cứu những tội ác trong quá khứ, *hắn* phải cam kết không tìm cách gặp hay liên lạc với *mi*. *Hắn* sẽ được tự do với tên tuổi, căn cước, và đời sống mới.”

Đó là ở Sài Gòn tám năm về trước. Sáng nay ở sở, trong lúc đang sửa soạn cho chuyến đi họp xa, tôi nhận được cú điện thoại bất ngờ, thật bất ngờ,

“*Ba Hoa* ơi, mình là Bội Hằng đây . . .”

“Bội Hằng đang ở đâu? Lâu nay làm gì?” tôi run run hỏi.

“Minh sẽ có thì giờ nói chuyện với nhau nhiều nếu thứ Tư tới họp xong, *Ba Hoa* ra phi trường như thường lệ và lên phòng hội 3A trên lầu gặp mình; phòng hội giữ chỗ dưới tên Bernadette.”

* * *

Tôi vừa bước vào phòng hội, Bội Hằng nhào tới ôm chặt lấy tôi, mặt đầm nước mắt. Nàng lấy khăn chấm nước mắt rồi giới thiệu với tôi một người Mỹ trung niên ăn mặc chỉnh tề tên là Alvin. Sau đôi ba câu chào hỏi xã giao, Alvin vào đề,

“Chúng tôi làm việc cho cơ quan an ninh liên bang. Bernadette biết rõ về anh và nói anh là người tài năng và đáng tin cậy nhất trong tổ hợp MAPP.”

“Có lẽ tôi không làm được gì hữu ích cho các ông đâu,” tôi dè dặt nói.

“Anh hãy nghe tôi nói hết, sau đó trả lời cũng không muộn,” ông đưa tay ngăn tôi và trình bày vấn đề họ phải đương đầu.

Do cuộc khủng hoảng năng lượng đầu thập niên 1970, các công ty điện lực thi nhau xây nhà máy phát điện chạy bằng than non ở North Dakota để xuất cảng điện qua các tiểu bang khác. Than non là loại than đá màu nâu nằm trên mặt đất, dễ khai thác, rẻ tiền, nhưng khi đốt phát ra nhiệt lượng thấp. Để tải điện từ nhà máy đến nơi tiêu thụ, người ta xây dây truyền điện có điện thế rất cao chằng chịt trong vùng hoạt động của tổ hợp MAPP, trong đó có đường dây một chiều (hay direct current, DC) điện thế 800 kV (kilovolt, tức là một ngàn volt); đó là điện thế một chiều cao nhất thế giới hiện nay.

Nông dân chủ đất cực lực phản đối những đường dây truyền điện đó, nhưng bị tòa án bắt buộc phải bán đường đất cho đường dây đi qua. Theo hiến pháp Hoa kỳ, chính phủ hay công ty tư có quyền trưng mua đất đai – gọi là “*eminent domain*” – để thực hiện lợi ích chung, miễn là đền bù thỏa đáng. Chủ đất phản kháng bằng cách ngăn cản công tác xây cất bằng võ lực và phá hoại khi đường dây xây xong. Thí dụ, trong hai năm đầu tiên đường dây truyền điện DC 800 kV hoạt động, chủ đất kéo sập 14 trụ điện và bắn vỡ hơn 10,000 sứ cách điện. Bắn hư sứ cách điện là cách phá hoại đơn giản nhưng hiệu nghiệm nhất. Một khi sứ cách điện bị thiệt hại, dù rất nhỏ, hệ thống bảo vệ sẽ tự động ngắt điện, và đường dây không còn hoạt động.

Ông Alvin cất cao giọng,

“Chủ đất tổ chức thành nhóm, phối hợp việc phá hoại, và cố làm gián đoạn nguồn cung cấp điện cho miền Trung Tây Hoa kỳ. Chúng tôi sợ rằng các thể lực ngoại bang sẽ lợi dụng thúc đẩy cuộc tấn công lên bề thế rộng lớn hơn và làm tê liệt nền kinh tế quốc gia.”

“Tôi là kỹ sư kế hoạch và nhóm TSTF có nhiệm vụ khảo cứu kỹ thuật chứ không liên quan đến các tổ chức phá hoại,” tôi thờ ơ nhún vai.

“Nhưng chúng tôi biết anh là người vạch ra phương pháp nhận diện các nút tới hạn (critical node) mà nếu ‘gỡ ra’ sẽ làm cho hệ thống điện của tổ hợp MAPP và các hệ thống lân cận sụp đổ hoàn toàn. Biến cố đó sẽ là một tai họa lớn lao vì phục hồi điện đầy đủ cho dân chúng có thể mất đến vài ba tháng.” “Gỡ ra” (take out) là bắn phá sao cho các đường dây nối vào nút không còn hoạt động.

“Ông có bằng chứng gì cho thấy sự kiện đó có thể xảy ra?” tôi hỏi gặng.

“Gần đây các nhóm phản kháng rỉ tai nhau kể sách của một người nào đó,
Cho tôi ba chiếc trực thăng, sáu người bắn giỏi, và một buổi chiều hè thật nóng nực, tôi sẽ ‘gỡ ra’ tất cả các nút tới hạn. Trong vòng nửa ngày, nước Mỹ sẽ trở về cuối thế kỷ thứ 18, lúc thế giới chưa có điện.”

Tôi lặng người đi. Chính tai tôi đã nghe lời khoe khoang ấy từ miệng anh Thomas, kỹ sư của tổ hợp MAPP giữ nhiệm vụ thư ký cho nhóm TSTF. Gia đình anh làm ruộng ở bắc Minnesota; anh thích săn bắn và có tiếng là tay thiện xạ. Tôi suy nghĩ một lát rồi chép miệng,

“Ngăn ngừa phá hoại là nhiệm vụ của nhân viên công lực. Cao tay lắm, tôi chỉ có thể giúp các ông bằng cách báo trước ngày giờ và địa điểm mà nếu vạn nhất, ai đó dám thực hiện việc không thể làm.”

“Vậy thì còn gì bằng, *Ba Hoa*. Anh làm ơn liên lạc thẳng với tôi,” Alvin đưa cho tôi tấm danh thiếp.

“Thứ nhất, các ông sẽ biết trước danh sách và địa điểm các nút tới hạn ngay sau khi có kết quả khảo cứu sơ khởi, không cần đợi phúc trình chính thức của MAPP. Thứ hai, các nút được nhận diện chỉ thực sự trở thành ‘tới hạn’ vào thời điểm mức tiêu thụ điện lên cao nhất, tức là lúc máy điều hòa không khí chạy *xả giàn* vào ngày nóng nhất trong năm. Chúng tôi dự đoán và chuẩn bị cho giờ ‘cao điểm’ trước khoảng một tuần lễ, hy vọng các ông sẽ có đủ thì giờ ứng phó.”

Buổi họp kết thúc và Alvin ra đi, chỉ còn lại tôi và Bội Hằng. Nàng nắm tay tôi thủ thỉ,

“Sau ngày mình hồi chánh, bác Cẩn của *Ba Hoa* giới thiệu mình làm việc cho sở Trung ương Tình báo Hoa kỳ (CIA) thu thập tin tức các nhóm Việt Cộng nằm vùng. Sang đây, mình tiếp tục theo dõi bọn gián điệp Cộng sản trà trộn trong các cộng đồng tỵ nạn. Ông Alvin là nhân viên cục Điều tra Liên bang (FBI), mình chỉ hợp tác trong việc mời *Ba Hoa* đến gặp họ.”

“Làm sao Bội Hằng biết *tui* mà liên lạc?”

“Hồi đó đến giờ, có lúc nào mà mình không biết tin tức của *Ba Hoa*? Khi mô mình cũng sung sướng thấy người mình yêu thương sống trong hạnh phúc. Khi xưa khi xưa, *Ba Hoa* chép cho mình câu nói của triết gia Gottfried Wilhelm Leibniz, ‘*Yêu chính là tìm hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của kẻ khác.*’ Nhớ không?”

Chúng tôi để hành lý ở phi trường, ra ngoài vào thương xá đi lang thang, sống lại kỷ niệm của một thời niên thiếu, và tạm quên nỗi cay đắng của quãng đời vừa qua. Bội Hằng hiền hòa và dễ thương *như trong niềm nhớ*.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 13 tháng Mười, 2021

Người Bơi tới Thiên Đường

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Hơn hai năm nay, dân tỵ nạn người Việt sinh sống ở Hoa kỳ với tư cách “parolee” là ngoại kiều tạm dung, được phép làm việc, và nhận trợ cấp của chính phủ. Ngày 28 tháng Mười 1977, Quốc hội Hoa kỳ thông qua đạo luật cho phép “tạo hồ sơ đăng bạ ngoại kiều thường trú” cho dân tỵ nạn Đông Dương. Nhưng phải gần một năm sau luật mới được áp dụng cho đám dân tỵ nạn *tơ lơ mơ* về pháp lý. Một hôm cuối tháng Tám 1978, ông Nielsen mục sư trưởng của nhà thờ Ba ngôi Lutheran bảo trợ gia đình tôi gọi tôi ở sở; ông vui vẻ nói đùa như mọi ngày,

“Có một tin vui và một tin buồn, anh muốn nghe tin nào trước?”

“Dạ bác nói tin vui trước,” biết ý ông, tôi cười xòa.

“Tin vui là thứ Sáu tới anh sẽ được nghỉ làm mà vẫn lãnh lương. Tôi vừa nói chuyện với sếp lớn của anh là ông phó tổng giám đốc công ty.”

“Bác không cần làm vậy; nếu nhà thờ cần, cháu có thể xin nghỉ làm. Vậy tin buồn là gì?”

“Anh phải làm thông dịch viên cho sở Di trú và Nhập tịch (INS),” ông cười giòn giã, “Nhà thờ Ba ngôi đứng ra mời nhân viên INS từ Saint Paul tới đây để phỏng vấn và chấp thuận cho người tỵ nạn vào ngoại kiều thường trú.”

Saint Paul, nơi đặt văn phòng INS gần nhất, là thủ phủ tiểu bang Minnesota. Đến ngày hẹn, tôi đến sớm để được phỏng vấn trước rồi thông dịch cho những người Việt khác. Trong nhóm dân tỵ nạn có vài người Miên và Lào và ba anh em trai người Tàu, tôi không thể thông dịch cho họ nên chỉ ngồi nghe lóm lý lịch. Mấy người Miên và Lào nói tiếng Anh lồm bồm, và người anh lớn người Tàu nói tiếng Anh trôi chảy với giọng Hương Cảng có âm Tàu. Tên anh là Wo Ching Shiu (viết theo lối Mỹ họ ở đằng sau), anh sinh cùng năm với tôi, và hai người em trai cùng tuổi với Lâm và Trọng em tôi.

Từ đó, tôi quen với Wo. Anh mới mở nhà hàng Tàu đầu tiên ở Bismarck lấy tên “Golden Dragon” (Kim Long), làm đầu bếp chính, và thuê một số người Việt làm bồi bàn trả tiền mặt. Tôi và Quỳnh Châu thường đến ăn nhà hàng anh, và khi với khách, anh ra ngồi nói chuyện. Dùng vốn liếng chữ Hán *ăn đong* còn sót lại từ thời sinh viên hay *bò lên* Đại học Văn khoa học *ké* lớp Việt Hán, tôi biết tên anh là Tiêu Thanh Vũ (viết theo lối Á đông họ Tiêu [Shiu] đi trước), nhưng anh khoái tên Mỹ “Peter Shiu” hơn. Nói về họ “Tiêu,” tôi nhắc đến Tiêu Phong hay Kiều Phong là một trong ba nhân vật chính trong *Lục Mạch Thần Kiếm* của Kim Dung, hai người kia là Đoàn Dự và Hư Trúc. Peter ngưỡng mộ Tiêu Phong và xem ông là anh hùng xuất chúng nhất trong các bộ tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung; do đó, tôi gọi anh là “Tiêu Đại hiệp” đọc theo tiếng Việt gần giống như cách phát âm tiếng Quảng Đông.

Tiêu Thanh Vũ sinh năm 1947, hai năm trước khi Trung Cộng cầm quyền ở Hoa lục, và lớn lên ở Quảng Châu thủ phủ tỉnh Quảng Đông. Từ nhỏ đến lớn anh sống dưới chính sách bạo tàn của Mao Trạch Đông, một tay đồ tể khát máu hàng đầu của nhân loại. Trước tiên, ông Mao phát động phong trào “cải cách ruộng đất,” tiêu diệt “địa chủ,” và cướp đoạt đất đai và tài sản của họ. Mục tiêu của ông là triệt hạ 10 phần trăm dân số, nhưng đến năm 1953, hết sạch “địa chủ”

nên ông đành bằng lòng với mức năm phần trăm. Dân số Hoa lục bấy giờ 580 triệu, và chỉ gần . . . 30 triệu người bị mất mạng mất của và gia đình tan nát.

Ngón đòn trời long đất lở kế tiếp của ông nông phu họ Mao chuyên ngủ với gái tân để hút tinh túy đặng sống lâu là kế hoạch ngũ niên 1958 - 1962 gọi là *đại dục tiến*, tức là “bước nhảy vọt lớn.” Ông ngây ngô tin rằng chỉ cần khai thác sức lao động của 660 triệu nông dân (năm 1958), Trung Cộng sẽ đạt tới địa vị cường quốc kinh tế mà không cần kiến thức kỹ thuật, tài nguyên, hạ tầng cơ sở, hay các thứ mà bọn “tư bản giã chết” cần dùng để phát triển kinh tế. Thí dụ, ông ra lệnh cho mỗi nhà phải lập một lò luyện kim tí hon ở sân sau, dùng than củi cây gỗ mót trong vườn ngoài đồng để nấu chảy đồng sắt hay kim loại vơ vét trong nhà ngoài ngõ, và luyện thành khối kim loại nộp cho chính phủ. *Đại dục tiến* làm đình trệ mọi sản xuất nông nghiệp và gây ra nạn đói 1959 - 1961 khủng khiếp nhất trong lịch sử. Dân Hoa lục chết đói đếm không xuể, ước lượng đến 60 triệu, chưa kể ít nhất là một chục triệu người bị sát hại về tội “phản động, phá hoại” vì không thi hành đúng đường lối của đảng, bất hợp tác, không sản xuất đủ tiêu chuẩn, v.v.

Vì sự thất bại ê chề này, dân chúng oán khổ cùng cực, và ông Mao bị bọn đàn em chỉ trích. Ông bèn đề ra phong trào *bách hoa vận động* với khẩu hiệu "*Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng*" khuyến khích mọi người phê bình và vạch ra sai lầm của đảng. Trong khi mọi người *tề phóng* (“đua nở”), hăng hái phát tiết nổi uất hận trong lòng, ông và bộ hạ cẩn thận ghi nhớ, không bỏ sót một ai: Ngón đòn “trăm hoa” là cái bẫy nhằm moi ra cho bằng hết những kẻ bất mãn hay chống đối. Để củng cố quyền lực và tiêu diệt các “thành phần xét lại” là những kẻ bất đồng ý kiến, ông khởi xướng cuộc “cách mạng văn hóa” quỷ khốc thần sầu kéo dài đến khi ông mất năm 1976, trông cậy hoàn toàn vào các nhóm Hồng Vệ binh gồm sinh viên và dân quân tôn sùng ông như thần thánh và chỉ nghe theo lệnh ông.

Hồng Vệ binh thao túng và đảo lộn xã hội Hoa lục từ trên xuống dưới, lục soát mọi cơ sở văn hóa và tôn giáo, và phá hủy vô số di tích lịch sử. Không những bắt giam hoặc lưu đày các viên chức cao cấp, chúng còn bức hại, sỉ nhục công khai, cầm tù, tra tấn, bắt lao động khổ sai, tịch thu tài sản, và xử tử hoặc ép phải tự tử những người chúng cho là “phần tử cánh hữu.” Dân Hoa lục phải tôn thờ, học thuộc lòng, và tuân hành cuốn *Hồng Bảo thư* là cuốn sách nhỏ màu đỏ trích dẫn những câu nói phát ra từ . . . miệng thối của ông Mao. Ông Trời con của 930 triệu dân (năm 1976) vẫn giữ thói quen thời trai trẻ làm ruộng ở tỉnh Hồ Nam, buổi sáng uống nước trà và nhai bã trà súc miệng, không thèm biết tới cái bàn chải đánh răng – sản phẩm của bọn “đế quốc tư bản.”

“Cách mạng văn hóa” gây ra bạo động, hỗn loạn, và tổn thất không thể vãn hồi nên được mệnh danh “mười năm hỗn loạn” hay “mười năm thảm họa.” Tổng cộng trên 20 triệu người bị giết, tự sát, hay chịu thương tật, khoảng 50 triệu người bị đưa về nông thôn lao động cưỡng bách bách trong nhiều năm, và hầu hết dân chúng thường xuyên đói ăn. Hàng chục triệu thanh niên trí thức thành thị bị gửi đi lao động ở thôn quê trong phong trào “tiến về nông thôn.” Trong 27 năm bạo chúa Mao ngự trị ở *Trung Nam Hải*, mạng người dân không bằng cả giun dế. “*Trung Nam Hải*” là tòa cung điện nguy nga của Hoàng thành Bắc Kinh dùng làm trụ sở trung ương của đảng và chính phủ Trung Cộng.

Bên cạnh địa ngục Hoa lục và phía nam tỉnh Quảng Đông là bán đảo Hương Cảng nhỏ bé thuộc địa của Anh. Biên giới thiên nhiên giữa Hoa lục và Hương Cảng là sông Thâm Quyến bề ngang nơi hẹp nhất không quá hai thước, từ bên này nhảy một bước là sang tới quốc gia kia. Con sông chảy qua một eo đất hẹp giữa hai vùng biển: Phía tây là vịnh Đại Bàng, và phía đông là vịnh Hậu Hải. Dân Hương Cảng sống no đủ sung túc và hưởng tự do dưới hệ thống luật pháp của Anh nên bán đảo này là vùng đất hứa mà dân Hoa Lục ước mơ đặt chân tới. Từ lúc ông Mao lên ngôi chủ tịch đến ngày nay (1978), có hơn một triệu người liều mạng trốn đi bằng cách bơi sang Hương Cảng, nhưng không tới một nửa tới được bờ tự do.

Đáng sợ nhất khi bơi qua biển là bọn công an biên phòng Trung Cộng đêm ngày tuần tiễu bằng tàu nhỏ và trang bị đầy đủ súng ống và chó săn tìm người. Do đó người tìm tự do chỉ liều nhào xuống biển bơi đi vào ban đêm. Họ bơi liên tục sáu đến mười tiếng đồng hồ, vượt qua tám đến mười cây số trên mặt biển, và mất mạng dễ dàng do bị kiệt lực, dòng nước ngầm cuốn đi, hay cá mập tấn công. Ít người bơi qua vịnh Hậu Hải vì làng chài Lưu Phù Sơn ở bờ nam nuôi hàu trên những tảng đá dưới đáy biển, bãi nuôi hàu chạy ra tận ngoài khơi. Khi đến gần, nếu không cực kỳ cẩn thận, có thể bị cạnh hàu sắc như dao cắt ngang tay chân như chơi.

Lên đến bờ nam là tới thiên đường. Dân địa phương chờ đón những kẻ vượt thoát với vòng tay mở rộng, giúp họ lẩn tránh cảnh sát Hương Cảng, và đưa họ hội nhập vào cuộc sống mới trên bán đảo đông đúc này. Dù bị cảnh sát bắt cũng không có gì đáng sợ: Chính quyền Hương Cảng không trả họ về Hoa lục mà đưa về làng quê làm việc chân tay giúp phát triển nền kinh tế thị trường (tự do) của Hương Cảng. Họ sẽ được tự do, được trả lương tương xứng với việc làm, và nhất là không phải đối trá với mình và mọi người chung quanh để giữ tính mạng.



Vũ là con đầu lòng trong một gia đình năm người con: hai em gái kế tiếp và hai em trai cuối cùng. Từ nhỏ, Vũ học giỏi có tiếng, từ tiểu học đến trung học luôn luôn đứng đầu lớp. Năm 1966, anh học năm thứ nhất đại học và mong trở thành khoa học gia hay kỹ sư. Nhưng rồi cuộc “cách mạng văn hóa” khởi động, Vũ và bạn bè bị gửi đi lao động ở nông trường tập thể cách xa Quảng Châu chừng 100 cây số. Sau năm năm cày ruộng và “học tập” được cho trở về, Vũ tập luyện bơi lội và trù liệu kế hoạch ra đi. Làng Thẩm Quyến ở bờ bắc nhìn sang Hương Cảng không xa Quảng Châu mấy.

Phải mất bốn năm trời và ba chuyến “đi biển” Vũ mới đi thoát. Chuyến thứ nhất, Vũ đi với hai người bạn học cũ. Đến nửa đường, khoảng giữa vịnh Đại Bàng, thì bị tàu biên phòng bắt lại và giam tù bảy tháng. Ra tù, anh lại chuẩn bị chuyến đi tới. Lần thứ hai, anh đi với người yêu và cô em gái kế. Trước khi ra khỏi hải phận Trung Cộng trên vịnh Đại Bàng, anh bị tàu tuần tiễu phát

giác và quyết định bơi một mình qua hướng khác để đánh lạc hướng công an và cho người yêu và em gái có cơ hội thoát thân. Anh bị bắt lại và bị giam tù một năm, người yêu anh may mắn đến bờ nam, nhưng cô em kiệt lực xuôi tay vùi thân dưới đáy biển. Chuyển cuối cùng, Vũ và hai người em trai mạo hiểm bơi qua vịnh Hậu Hải có bãi nuôi hào. Trước khi tới khu vực nguy hiểm, họ may mắn được ghe nhỏ của dân chài Lưu Phù Sơn đi thu hoạch hào cứu lên và đưa vào bờ. Hôm ấy là đêm mùng bốn tháng Năm 1975.

Đó cũng là ngày gần bốn ngàn người Việt di tản bằng tàu Viễn Đông được Nữ hoàng Elizabeth Đệ nhị nước Anh đang kinh lý Hương Cảng đặc cách cho phép nhập cảnh với tư cách “hải khách được cứu vớt.” Tàu Viễn Đông rời bến cảng Sài Gòn chiều ngày 30 tháng Tư, hôm sau bị hỏng máy và chìm từ từ trên biển Đông, và được tàu vận tải Đan Mạch vớt. Nhờ đặc ân của Nữ hoàng, ba anh em Vũ được chính thức nhập cảnh và đưa vào trại tỵ nạn Cửu Long tạm trú như dân tỵ nạn Việt nam.

* * *

Sau khi trở thành ngoại kiều thường trú, Peter bay về Hương Cảng làm đám cưới với người yêu rồi làm thủ tục xin cho vợ nhập cư Hoa kỳ; một đêm năm năm trước hai người tưởng đã vĩnh viễn mất nhau. Trong thành phố Bismarck này, gia đình anh làm chủ ba nhà hàng: Golden Dragon bán thức ăn Quảng Đông chính hiệu, nhà hàng có thực đơn vừa Mỹ vừa Tàu, và nhà hàng *stir fry* (xào) theo lối Mông Cổ xào thịt và rau cải trước mặt thực khách, trên lò nướng hình tròn lớn đặt giữa phòng. Mỗi lần gặp anh, tôi lại xuýt xoa khen,

“‘Tiêu Đại hiệp’ tài giỏi số một! Anh kinh doanh giỏi và làm chủ nhân ông, còn tôi suốt đời đi làm công cho người Mỹ.”

“Anh làm rồi, *Ba Hoa*. Giấc mơ trọn đời của tôi là làm kỹ sư như anh, anh may mắn hơn tôi nhiều,” anh buồn bã lắc đầu.

Tôi chưa bao giờ mất tự do hay bị loài quỷ đỏ đày đọa cùng tận như Peter và 930 triệu dân Hoa lục. Xem ra, tôi may mắn hơn họ một tỉ lần.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 27 tháng Mười, 2021

Trời Cao Đất Dày

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ mùa xuân 1978, các bạn trong sở tôi thường lo lắng bàn bạc các vấn đề kinh tế và chính trị đương thời: lạm phát *phi mã*, nhân công thất nghiệp trầm trọng, năng lượng khan hiếm, và chính phủ Hoa kỳ yếu kém về đối nội cũng như đối ngoại. Sang mùa hè, nạn khủng hoảng năng lượng trở nên không chịu được: Không những giá xăng tăng vùn vụt mà xăng dầu khan hiếm, các tiểu bang ra lệnh hạn chế lượng xăng mỗi người lái xe hơi có thể đổ. Một buổi sáng cuối mùa hè, tôi xuống câu lạc bộ ở lầu hai nghỉ giải lao và nghe bạn không tiếc lời đả kích vị tổng thống đương nhiệm thiếu khả năng lèo lái quốc gia như thường lệ. Từ bàn bên, anh bạn đồng sự cũ Gary ở sở Truyền Điện bước sang đặt tay lên vai tôi,

“Ba Hoa, anh có lấy *Bismarck Tribune* dài hạn không?” *Bismarck Tribune* là báo hàng ngày phát hành vào buổi sáng và giao tận nhà cho độc giả mua dài hạn.

“Có chứ. Hồi sáng tôi ra ngoài lấy báo đem vào nhà, nhưng chưa có thì giờ đọc. Hôm nay có tin tức gì lạ không?” tôi hỏi, hơi ngạc nhiên.

“Barb vợ tôi dậy sớm đọc báo, thấy bài báo có thể anh muốn đọc, và cắt ra biểu tôi đưa cho anh,” Gary chìa ra cái bìa giấy gấp màu va-ni.

Về bàn giấy tôi mở bìa giấy gấp lấy bài báo ra và thấy ngay hình chụp một cô bé chừng tám, chín tuổi đứng ngơ ngác trên bãi biển một hoang đảo nào đó ở Thái bình dương, em vừa được chiếc tàu buôn Na Uy tình cờ đi qua cứu ra. Người ta đoán em là người Việt nam, tên Chi hay Lan, nhưng tôi nghĩ tên ghép Chi Lan thì đúng hơn. Hình như Chi Lan theo gia đình dùng ghe nhỏ ra khỏi Việt nam, ghe lạc đường trôi giạt trên biển cả rồi bị đắm, và trong khi mọi người khác đều chết chìm mất xác, em được sóng biển đánh tấp lên đảo. Ăn sống nghêu sò trên bãi và uống nước của con suối gần đó để sống, em hầu như mất trí, không nhớ tên họ cha mẹ, và không biết đã sống trên đảo bao lâu.

Tôi ngậm ngùi xót xa với thảm cảnh đồng bào mình liều mình bỏ nước ra đi bằng đường biển sau ngày Việt Cộng chiếm miền Nam. Suốt hơn ba năm qua, chúng đã dờ dặt mọi trò dã man để cướp bóc và đày đọa dân chúng. Bắt đổi tiền Việt nam Cộng hòa lấy tiền mới; mỗi gia đình chỉ được đổi một số tiền nhỏ, còn lại bao nhiêu kể như mất bỏ. “Đánh tư sản mại bản,” tức là tra khảo, hành hạ, và tịch thu tài sản những người chúng cho là giàu có. Lùa trên một triệu cựu quân nhân và công chức vào trại tù “cải tạo.” Ép hàng triệu người dân đi về vùng “kinh tế mới” đèo heo hút gió không có phương kế sanh nhai ngoài câu khẩu hiệu “*Với sức người sỏi đá cũng thành cơm.*” Sống lầm than trong cái nhà tù khổng lồ, những ai khả dĩ còn chút khả năng tài chánh không thể không tìm cách “vượt biên” (chữ mới sau năm 1975) theo chân hơn 140,000 đồng bào di tản năm 1975 hiện sống tự do và sung túc ở các nước tây phương.

Úc ghi nhận chiếc tàu đầu tiên đến Úc ngày 26 tháng Tư năm 1976. Tháng Bảy, Hà nội không còn ngần ngại lộ rõ bộ mặt thật là kẻ xâm lăng miền Nam, dẹp bỏ tấn tuồng chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam, và công bố “thống nhất nước nhà về mặt nhà nước.” Màn “thống nhất” này khiến dân chúng miền Nam càng hoảng sợ và đẩy mạnh làn sóng *vượt biên*

lên cao. Cuối năm 1977, có trên 15,000 người Việt sang tỵ nạn tại các nước Đông nam Á – Mã Lai Á, Thái Lan, Phi Luật Tân, Tân Gia Ba, Nam Dương, và Hương Cảng; báo chí thế giới gọi họ là “boat people,” hay “thuyền nhân.”

Sau cuộc hành trình hải hùng trên đại dương, *thuyền nhân* đến được bờ tự do kể cho thế giới nghe kinh nghiệm đau thương ghê rợn họ trải qua. Thí dụ như chuyện cha mẹ chia nhau những mảnh thức ăn vụn rơi rớt từ miệng mấy đứa con và chia nhau từng giọt nước vắt từ tấm vải hứng nước mưa để đánh lừa cơn đói. Hay chuyện người sống ăn thịt người chết để tiếp tục sống còn và hy vọng được cứu vớt. Hay chuyện hải tặc Thái Lan và Mã Lai Á lên thuyền cướp giật, hãm hiếp phụ nữ, và bắt cóc đàn bà trẻ em mang đi. Đó là chưa kể chuyện thuyền cũ nát, máy hư, đi lạc đường, hay bị phong ba bão táp đe dọa. Không ai biết bao nhiêu người đã vùi thân dưới đáy biển.

Đến năm 1978, số người ra đi gia tăng gấp bội khi Việt Cộng bắt thanh thiếu niên từ 17 tuổi trở lên đi “nghĩa vụ quân sự,” huấn luyện sơ sài, và gửi sang chiến trường Cam Bốt, và sau đó tranh chấp biên giới đánh nhau dữ dội với Trung Cộng. Vào cuối năm, có trên 62,000 *thuyền nhân* tại các nước Đông nam Á. Làn sóng tỵ nạn ào ạt khiến các nước trong vùng tuyên bố không nhận thêm người tỵ nạn Việt nam và xua đuổi những đợt đến sau.



Hôm ấy là ngày Chủ Nhật đầu tiên của tháng Mười Hai. Buổi sáng, tôi thung dung nhằm nhai tách cà-phê và đọc *Bismarck Tribune*, số báo Chủ Nhật dày gần sáu chục trang, và khi đến trang 8 thất kinh la lớn vì bản tin và tấm hình do thông tấn xã Associated Press (AP) gửi đi từ thủ đô Mã Lai Á,

KUALA LUMPUR. Malaysia. Dec. 2 (AP) — Hôm nay, một chiếc thuyền chở đầy ắp người tỵ nạn Việt nam chìm trong cơn biển động sau khi chính quyền Mã Lai Á từ chối không cho họ lên bờ, và có đến 143 người chết đuối, cảnh sát cho biết. Tai họa này đã tăng số người chết như thế trong hai ngày nay lên đến 330 người.

Tấm hình chụp chiếc thuyền đang chìm ngoài khơi cho thấy những kẻ khốn cùng đang tuyệt vọng chống chọi với tử thần. Trong tuần lễ gần đây, khi thuyền chở người tỵ nạn Việt nam (không phải người Việt gốc Hoa) đến bờ, cảnh sát và dân chài Mã Lai Á xúm lại kéo thuyền ra hải phận quốc tế đuổi đi, họ sống chết ra sao không cần biết. Thương quá đồng bào tôi!

Tôi khóc thầm suốt cả ngày. Tối hôm ấy chúng tôi có khách đến dùng cơm tối là vợ chồng bà Jane trong họ đạo nhà thờ Ba ngôi Lutheran; bà là bạn dạy học của Quỳnh Châu ở Đại học Cộng đồng Bismarck. Trong bữa ăn, tôi dần lòng không đề cập tới chuyện đau lòng của mình, nhưng rồi chồng bà Jane cũng gợi ra,

“Anh đã đọc bài báo trên *Bismarck Tribune* hôm nay chưa?”

“Tôi đọc sáng nay rồi,” tôi trả lời trong tiếng nấc, “Toàn thể thế giới nhắm mắt làm ngơ khi hàng trăm người bị hành hình công khai trên mặt biển. Từ hôm nay, tôi mất tin tưởng vào các đảng thiêng liêng như Phật hay Chúa. Các ngài không hề hiện hữu, vì nếu có, các ngài đã không để cảnh dã man đó xảy ra.”

“Tôi chân thành chia sẻ nỗi đau buồn của anh chị. Là tín đồ Cơ Đốc, chúng tôi tin khi Chúa để cho chuyện gì xảy, người đều có mục đích,” bà Jane xen vào an ủi, “Sáng nay, trong bài giảng ở nhà thờ, Mục sư Nielsen kêu gọi họ đạo gọi điện thoại hay viết thư cho dân biểu và thượng nghị sĩ của mình và yêu cầu họ buộc chính phủ Hoa Kỳ phải can thiệp và giúp đỡ để chấm dứt những đau thương của người tỵ nạn.”

* * *

Mùa thu năm sau (1979), tôi bay xuống Houston thuộc tiểu bang Texas dự hội nghị về hệ thống điện và ở lại cuối tuần thăm thẳng Lục là bạn học cùng lớp ở Ban Mê Thuột. Nó mời bạn bè quanh vùng đến ăn nhậu và gặp tôi. Tôi hơi sửng sốt khi thấy Xuân Hiền xuất hiện, nàng đến một mình. Nụ cười khả ái của nàng nhắc lại quãng đời trung học vụng dại của tôi ở xứ *Buôn Mê Thuột*.

Ngày đó, tôi học đệ nhất (lớp 12) và có điểm phức được Hoàng Nga, cô nữ sinh đệ tam (lớp 10) ăn nói nhỏ nhẹ dịu dàng, đem lòng yêu thương. Mối tình đầu của tôi không được cha chấp nhận vì cha nàng là một hạ sĩ quan cấp bậc thấp. Cha dọa sẽ kiếm cách trừng phạt ông, nếu tôi không cắt đứt liên hệ với nàng. Chưa biết làm cách nào để bày tỏ với nàng thì tình cờ tôi biết được Xuân Huyền, con đầu lòng một sĩ quan cao cấp bạn cha, đã được bác ấy hứa gả cho anh Thân là sĩ quan tùy viên của bác, nhưng nàng chưa hay. Tôi bèn rủ nàng đi chơi để Hoàng Nga trông thấy và giận không thèm nhìn mặt tôi. Do dịp này, tôi quen thân với cô em Xuân Huyền là Xuân Hiền và được cô bé 13 tuổi ấy bày tỏ cảm tình thiết tha.

Năm năm sau, Xuân Hiền về Sài Gòn học khóa huấn luyện ngân hàng và tìm gặp tôi; khi đó tôi *đi bụi đời* ở lậu trong Đại học xá Minh Mạng. Trong tám tuần lễ, tối nào hai đứa cũng đi ăn quán cơm bình dân gần đại học xá với nhau và chuyện trò đến khuya. Nhưng chúng tôi có duyên mà không nợ; mãn khóa học nàng về lại Ban Mê Thuột và lên xe hoa. Chồng nàng là một sĩ quan phi công trực thăng hào hoa phong nhã học sau tôi một lớp. Nhờ vậy, cuối tháng Tư 1975, anh dùng trực thăng di tản gia đình ra Đệ thất Hạm đội Hoa Kỳ ngoài khơi.

Trong bữa cơm, Xuân Hiền giành ngồi cạnh tôi, gấp thức ăn vào chén, và săn sóc tôi như thuở ăn cơm bình dân Sài Gòn. Bị bọn đàn ông chọc gheo, nàng nửa đùa nửa thực, “*Tui thương ảnh* từ 15 năm trước, chớ đâu phải đến giờ *tui* mới thương!” Tôi ngượng ngùng lái sang thăm hỏi cô bạn cũ Xuân Huyền,

“Bây giờ gia đình Huyền ra sao?”

“Năm 1975, anh Thân và chị Huyền em có hai thằng con lớn và đứa con gái út. Việt Cộng vào, *anh* trốn ở nhà không trình diện ‘học tập cải tạo’ và tìm đường *vượt biên*. Sau gần hai năm, *anh* và thằng con trai lớn lúc đó 11 tuổi đi thoát và đến trại tiếp nhận Songkhla ở Thái Lan.” Songkhla nằm trên vịnh Thái Lan và gần biên giới Mã Lai Á.

“Anh Thân là lính kiểng của bác trai mà giỏi vậy à?” tôi vốn không mấy tâm phục anh Thân.

“*Anh* liên lạc được với các sĩ quan cố vấn chịu ơn cứu mạng của ba em hồi trước, họ hết lòng can thiệp, và nhân viên tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Thái Lan đến Songkhla phỏng vấn và cấp chiếu khán cho cha con *anh* vào Mỹ. *Anh* may mắn thoát đi suôn sẻ, nhưng chị Huyền và hai đứa nhỏ lãnh hết mọi tai họa trên đời,” Xuân Hiền kể lại cuộc vượt thoát của chị, giọng nói thê lương.

Sau khi định cư ở Los Angeles thuộc tiểu bang California, anh Thân nhắn tin về Sài Gòn giục vợ mang con ra đi. Xuân Huyền phải đi đến bốn lần. Hai lần đầu, nàng bị kẻ tổ chức lường gạt lấy vàng nhưng không có tàu đi, *tiền mất tật mang* trắng tay trở về nhà. Lần thứ ba nàng bị công an bắt lại, và nhờ có con nhỏ và còn một ít vàng đưa hối lộ nên không bị tù. Lần thứ tư, mẹ con nàng mới lên thuyền thoát được ra biển. Giữa biển Đông, con thuyền gặp bão trôi lạc đường rồi hư máy và lên đèn vô vọng trên biển cả. Sang tuần lễ thứ ba, thuyền hết sạch bất cứ thứ gì có thể ăn được, người lớn thành xác không hồn, và trẻ em đói lú nằm yên không nhúc nhích. Hai đứa con Xuân Huyền nhiễm bệnh nặng, lên cơn sốt, và nằm mê man sắp chết.

Trong hoàn cảnh đói cùng cực, đám chỉ huy thuyền – mấy người đàn ông lực lưỡng và có võ khí – đưa ra giải pháp dùng các cô cậu bé còn đồng trinh làm thức ăn cứu cả thuyền. Những kẻ mạnh ấy bày trò bốc thăm và chọn vật hy sinh là hai đứa con Xuân Huyền, người thiếu phụ thể cô sức yếu không còn đủ sức đứng lên một mình. Hai cháu bé đang hấp hối, không biết lia đời lúc nào, nhưng hơn một trăm người đói lả trên thuyền không thể chờ đợi. Hơn nữa, họ mê tín dị đoan, không muốn ăn thịt người chết mà phải giết “con thịt” còn sống. Thế là quyết định hành hình được thi hành nhanh chóng.

Nghe Xuân Hiền kể đến đây, các bạn tôi bùng lên la lớn,

“Trời ơi là Trời . . .”

“Chúng kiến hai đứa con bị đập đầu giã chết, chị Huyền phát điên lên toan nhảy xuống biển tự trầm, nhưng được mấy bà bạn đồng hành ôm giữ lại. Chị nhất định nhịn đói, dù chết chứ không ăn thịt con mình,” Xuân Hiền khóc òa và nói qua nước mắt, “Trớ trêu thay, ngay hôm sau, con thuyền được tàu thiện nguyện quốc tế cứu vớt và đưa tới trại tỵ nạn Galang.” Trại tỵ nạn này nằm trên đảo Galang thuộc quần đảo Riau của Nam Dương.

Mắt tôi nhòa lệ. Tôi khóc thành tiếng. Tay tôi tìm bàn tay Xuân Hiền, “Người mình khổ *chi* mà khổ lạ khổ lòng, khổ hết nước nói, *trời cao đất dày* có thấu chăng?”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 17 tháng Mười Một, 2021

Như Truyện Kiếm Hiệp

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mồng 1 Tết Kỷ Mùi nhằm ngày Chủ Nhật cuối cùng của tháng Giêng 1979 và là cái tết tha hương thứ tư của tôi. Chiều thứ Sáu, trước khi chia tay nghỉ cuối tuần, các bạn trong sở đến bắt tay tôi chúc mừng, “Happy New Year!” Tôi ngạc nhiên khi anh bạn Dennis hẹn gặp lại sáng thứ Ba,

“Tết Việt nam nhằm ngày Chủ Nhật, thứ Hai tôi đi làm như thường mà.”

“Anh không biết người Mỹ có lệ nghỉ lễ ‘bắc cầu’ à? Lễ thứ Bảy thì nghỉ thứ Sáu, lễ Chủ Nhật thì nghỉ thứ Hai. Thứ Hai anh cứ nghỉ mà không cần lấy *vacation*. Anh làm thêm ngoài giờ ngày này sang tháng nọ, bao nhiêu là *comp time* mà chưa thấy dùng bao giờ,” Dennis giải thích; “*comp time*” hay “*compensatory time*” (giờ đền bù) là thời gian cho nghỉ để bù lại giờ làm việc thêm mà không được trả lương phụ trội.

“Thứ Hai mọi người đi làm việc, tôi ở nhà làm gì?” tôi tình thật trả lời.

“Cái anh cựu giáo sư đại học này,” anh cười ha hả, “Bộ anh không biết dân North Dakota có câu châm ngôn ‘*Một ngày đi câu xấu vẫn khoái hơn một ngày làm việc tốt,*’ hay sao?”

Được lời như cời tấc lòng, tôi nghỉ “bắc cầu” ở nhà chơi giỡn với Mạc và *luyện chưởng*. “Truyện chưởng” là loại tiểu thuyết kiếm hiệp phát xuất từ Hương Cảng, bản dịch xuất hiện trên báo hàng ngày ở Sài Gòn từ năm 1960, và “luyện chưởng” là đọc truyện hay xem phim “chưởng” một cách say mê. Tôi vừa được bạn gửi tặng bộ *Tiểu Ngạo Giang Hồ* của Kim Dung do Hàn Giang Nhạn dịch làm quà tết, bộ truyện quen thuộc bắt đầu với hai câu thơ,

*Gió xuân đầm ấm, ngàn liễu xanh tươi,
Hoa phở sắc thắm, hương nức lòng người.*

Từ năm 1976, nhà Đại Nam tại Glendale ở nam California có sáng kiến mượn sách cũ in trước năm 1975, in lại theo kỹ thuật chụp nguyên bản, và bán với giá phải chăng. Nhờ đó, tôi dần dần có lại nhiều tác phẩm ưa thích ngày trước. Mạc đã gần ba tuổi, tính tuổi ta hôm nay bé lên bốn, mới biết nói (tiếng Việt) và nói huyền thuyên, và rất thích nghe chuyện. Tôi kể sơ lược cho bé nghe về Lệnh Hồ Xung, nhân vật chính trong bộ truyện đang đọc. Chàng ta thông minh tuyệt vời, có sở trường sử dụng kiếm thuật, tính tình phóng khoáng, và nhất là hết lòng vì bạn và không nề nang ai. Quỳnh Châu cười tủm tỉm,

“Con tìm đâu xa, Lệnh Hồ Xung của má ngồi trước mặt con đó.”

“Nhưng ba không biết đánh kiếm,” bé phản đối.

“Ba ‘giỏi’ hơn người đánh kiếm trong truyện nữa,” nàng giữ nụ cười trên môi.

“Má là Nhậm Doanh Doanh của ba, Mạc biết không?” tôi xen vào.

“Phải rồi, ba là Lệnh Hồ Xung, má là Nhậm Doanh Doanh,” Mạc reo lên nhưng bỗng ngưng ngác, “Vậy Mạc là ai?”

“Trong truyện chưa có con. Mai mốt con lớn, con viết truyện, và con muốn làm người nào thì làm,” Quỳnh Châu xoa đầu bé.

Ở Hoa kỳ, nhiều người Việt không cho con cái nói tiếng Việt ở nhà vì sợ “làm hư tiếng Anh” của chúng. Tôi quan niệm ngược lại. Khoảng năm 1970 - 1971, tôi đọc một nghiên cứu về việc dạy

ngôn ngữ của Thụy Sĩ, một quốc gia dùng bốn thứ tiếng chính thức là Đức, Pháp, Ý, và Romansh, cộng thêm tiếng Anh là ngôn ngữ thương mại. Romansh là ngôn ngữ dùng ở tổng Grisons nằm về phía đông Liên bang Thụy Sĩ, liên bang gồm 23 tổng. Nghiên cứu cho thấy dạy học sinh nhiều thứ tiếng cùng một lúc sẽ giúp các em có ý tưởng dồi dào hơn, diễn đạt khéo léo hơn, và tiến bộ nhanh hơn trong các ngôn ngữ đang học. Do đó, tôi tin theo lời khuyên của Bảo Vân, nhà mô phạm soạn sách giáo khoa tiểu học nổi tiếng,

*Chỉ sợ đàn con quên Việt ngữ,
Đừng lo lũ trẻ kém Anh văn.*

Sau ngày sinh nhật thứ tư của Mạc, mỗi tối tôi đều dạy bé học tiếng Việt. Bé lần lượt học các sách sơ cấp của Bảo Vân – *Văn Việt Ngữ I và II, Tập Đọc I và II, và Việt Nam Thường Thức* – và sau đó đến sách Quốc văn dành cho các lớp cao hơn. Bé biết đọc và viết tiếng Việt trước khi tới tuổi đi học, và sau đó ở trường, Mạc xuất sắc vượt hẳn bạn Mỹ về Anh văn. Cuối năm học lớp 9, Mạc dự thi viết luận văn toàn tiểu bang, đứng hạng nhất, và lãnh phần thưởng danh dự của thống đốc. Các buổi học tiếng Việt hàng đêm chấm dứt cuối năm Mạc học lớp 11, khi Mạc học hết bộ *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim và hiểu thông suốt “Hịch Tướng Sĩ” của Hưng đạo vương và “Bình Ngô Đại Cáo” của Nguyễn Trãi.

Thời Mạc mới cấp sách tới trường, Trung tâm Mỹ Vân (hay My Van Films) tại San Jose ở bắc California nhập cảng các bộ phim kiểm hiệp đã phát hành từng kỳ trên đài truyền hình Hương Cảng, chuyển âm sang Việt ngữ bằng cách thuê La Thoại Tân, Túy Hồng, và vài nghệ sĩ khác nói lời đối thoại và hát lời ca, và phát hành phim dưới dạng băng VHS (video home system) để đáp ứng thị hiếu của các gia đình Việt nam. Ở nơi đông người Việt, tiệm cho thuê phim mọc lên nhan nhản. Mẹ là một trong những người ghiền *luyện chưởng*, và khi biết Mạc cũng mê kiếm hiệp, mua thêm một máy VCR (videocassette recorder) để vừa phát vừa thu, sang ra băng mới cho cháu nội cưng, và phân trần với Quỳnh Châu, “Để cho thằng nhỏ học tiếng Việt cho giỏi như thằng cha *hấn*.” Thế là Mạc có nguyên một kho băng VHS *phim chưởng* và suốt ngày nghe ngao bài ca trong bộ phim *Anh Hùng Xạ Điêu*,

*Cùng bước khắp chốn giang hồ phiêu bồng
Xin cùng bên nhau sót chia
Dù cay đắng anh vẫn không hề xuôi lòng
Mong cùng em kết tình thắm duyên.*

Mạc tốt nghiệp trung học *summa cum laude* (hạng tối ưu) và được nhận vào Học viện Kỹ thuật Massachusetts (MIT) tại Cambridge thuộc tiểu bang Massachusetts. Mạc học vật lý lý thuyết với ước mơ theo chân Albert Einstein (1879 - 1955). Là trường đại học khoa học và kỹ thuật nổi tiếng nhất thế giới, MIT nhận thấy rằng trong cuộc đời làm việc, trung bình mỗi người Mỹ đổi nghề năm lần, và để chuẩn bị cho sinh viên sau này thích ứng với sự thay đổi nghề nghiệp bất thần, đòi hỏi họ phải lấy số tín chỉ nhiệm ý ngoài ngành học chính bằng một phần ba chương trình học. Trong trường hợp Mạc, nhiệm ý là các môn khoa học nhân văn và xã hội.

Vậy là chú “Lệnh Hồ Xung con” (tên Quỳnh Châu gọi đùa Mạc) hả hê chọn môn nhiệm ý liên quan tới *truyện chưởng*. Trước hết là các lớp đọc, phê bình, và viết truyện kiếm hiệp; nhờ đó, Mạc giới thiệu cho tôi đọc truyện kiếm hiệp bằng Anh ngữ, đặc sắc nhất là bộ *The Wheel of*

Time (Guồng máy thời gian) của Robert Jordan (1948 - 2007) gồm 14 cuốn, về số lượng chữ mỗi cuốn ngang hàng với một bộ truyện của Kim Dung. Tiếp theo là các lớp dạy tiếng Quan thoại và lịch sử Trung Hoa. Cuối cùng, hướng về quê hương của ba má, Mạc muốn nghiên cứu sâu rộng lịch sử Việt Nam, nhưng MIT không có lớp dạy phải gửi Mạc sang Đại học Harvard học với một bà giáo sư người Việt; MIT và Harvard nằm cạnh nhau trên bờ sông Charles. Mạc sùng mộ vua Quang Trung, yêu thích triều Tây Sơn, và nhờ bà giáo sư giúp tìm kiếm mọi sử liệu về thời kỳ này. Cuối hè năm thứ ba ở MIT, Mạc hoàn tất bản thảo cuốn truyện kiếm hiệp đầu tay bằng Anh ngữ lấy bối cảnh thời Tây Sơn.

Sau khi tốt nghiệp MIT, Mạc làm việc cho một công ty cố vấn tài chính và quản trị quốc tế có văn phòng ở thủ đô các nước lớn. Mạc được trọng dụng, lãnh lương rất cao, và được gửi đi công tác khắp nơi trên thế giới, kể cả Việt Nam. Cuộc sống bận rộn nay đây mai đó bên cạnh chiếc va-li khiến Mạc mệt mỏi ngán ngấm. Làm việc ba năm, khi để dành đủ tiền, Mạc xin nghỉ việc để thực hiện giấc mơ *đi giang hồ* như trong truyện kiếm hiệp.

Đầu tiên là chuyến đi Hoa lục “theo dấu” Kim Dung; ông viết truyện giả tưởng, nhưng địa danh và biến cố lịch sử đều có thực. Với chiếc ba-lô trên vai, Mạc di chuyển bằng xe lửa và đi bộ để thăm viếng những địa danh đáng chú ý nhất trong truyện Kim Dung như Dương Châu (quê của Vi Tiểu Bảo trong *Lộc Định Kỳ*), thành Đại lý (quê của Đoàn Dự trong *Lục Mạch Thần Kiếm*), đảo Đào Hoa (nhà của Hoàng Dược Sư trong *Anh Hùng Xạ Điêu*), v.v. Trên chuyến xe lửa tới chân núi Mã Tích gần thành Vô Tích, địa điểm của quán rượu Tùng Hạc Lâu (nơi Kiều Phong và Đoàn Dự trong *Lục Mạch Thần Kiếm* gặp nhau lần đầu), Mạc kết bạn với một anh Tàu trẻ tuổi cũng mê kiếm hiệp như Mạc. Hai đứa lên núi Mã Tích ngủ đêm và hôm sau xuống núi, cùng nhau đến “Tùng Hạc Lâu” uống “rượu” (bia) thi, giống như nhân vật trong truyện, và nhắc chuyện Đoàn Dự tửu lượng yếu, vô tình vận dụng Lục mạch Thần kiếm khiến rượu rỉ theo ngón tay trở ra ngoài, và uống rượu không thua kém Kiều Phong.

Mạc trở lại Việt Nam vài lần, ra Bình Định là quê quán nhà Tây Sơn, gặp hậu duệ còn sót lại của họ, và tham khảo gia phả và thu thập sử liệu liên quan đến triều đại này. Điều Mạc băn khoăn là không ai biết gốc gác của hai danh tướng Tây Sơn là đôi vợ chồng Trần Quang Diệu (“TQD,” 1760 - 1802) và Bùi thị Xuân (“BTX,” 1752 - 1802). Các sử gia phỏng đoán họ cùng quê Bình Định với vua Quang Trung, nhưng không ai đoan chắc. Mạc gọi điện thoại hỏi bà giáo sư Harvard, và sau một thời gian tìm tòi, bà không thể trả lời nhưng cho biết Bảo tàng Viện Quốc gia trong khuôn viên Thảo cầm viên Sài Gòn có bản vi-phim chụp hình tấm bia ghi dữ kiện liên quan tới quê quán của TQD.

Mạc vào bảo tàng viện lục tìm bản vi-phim, nhờ người đọc chữ Nôm trên bia, và suy ra quê quán TQD là làng An Hải huyện Diên Phước tỉnh Quảng Nam. Mạc ra Quảng Nam và sau khi hỏi thăm và xin phép bầy cơ quan hành chánh (tỉnh, huyện, làng, phường, xã, v.v.), gặp được cháu đời thứ tám của TQD là ông Nguyễn Văn Thanh nay đã 70 tuổi. Bỗng nhiên có một thanh niên từ Mỹ về muốn tìm hiểu lai lịch tổ tiên mình, ông Thanh cảm động, tụ họp con cháu nấu cơm khoản đãi, đem gia phả ra trình bày, và khóc ròng thuật lại khổ ải dòng họ Trần trải qua.

TQD và BTX thất thế bị quân Gia Long bắt sống. Sau 24 năm dài bị rượt giết và chiến đấu gian khổ – thể cùng lực kiệt, thiếu thốn đói khát, thoát hiểm nhiều phen, trốn sang Xiêm hai lần, và thậm chí gửi con trai cả sang Pháp làm con tin để cầu viện – nhà vua căm hận nhà Tây Sơn cực độ. Để trả thù, vua cho đào mả ba anh em nhà Tây Sơn lấy đầu lâu dùng làm *bô* (tiếng Pháp “pot”) đi tiểu và rấp tâm trút hết căm hờn lên đầu hai kẻ thù không đợi trời chung hiện sống trên đời. Nhưng là người thâm trầm sâu sắc, vua muốn tỏ với quần thần ta đây là bậc quân tử độ lượng nên giả cách chiêu hàng hai kẻ sa cơ mà biết chắc họ sẽ không bao giờ khuất phục. Thật vậy, TQD khảng khái,

Tôi trung không thờ hai chúa, nay ta bị bắt thì chịu chết mà thôi!

Vua Gia Long được thể nổi trợn lòi đình truyền đem ra xử tội. Nếu xưa nay hình phạt nặng nhất là *tru di tam tộc* (giết ba họ: cha, mẹ, và vợ) thì với TQD, vua ra lệnh *tru di cửu tộc* (giết thêm sáu họ: bà nội, bà ngoại, bà ngoại vợ, bà cố nội, bà cố ngoại, và bà cố ngoại vợ). Nếu bên Trung hoa xử *lãng trì* là lóc từng miếng thịt cho phạm nhân đau đớn chết từ từ thì vua truyền lột da cho ông ngắc ngoải lâu chết hơn. Nếu trước đây phạt *tứ mã phân thân* dùng bốn con ngựa cột vào tứ chi của phạm nhân phi ra bốn hướng để xé thân thể thành năm mảnh thì với BTX, vua xử bà chịu *voi giày ngựa xé*, nghĩa là dùng thêm voi để quật và dạp nát thân xác trước khi giục ngựa chạy phan thân.

Một tỳ tướng họ Nguyễn liêu bị *toàn gia tru lục*, đem đưa con út bốn tuổi của TQD đi trốn, và ẩn dật nuôi dưỡng giọt máu duy nhất của chủ tướng lớn lên mà không bị triều đình khám phá. Đến đời Tự Đức, vua thông minh, học giỏi, tính tình ôn hòa, và sau khi xét lại vụ án, hạ chiếu ân xá cho TQD và BTX. Ghi nhớ ơn cứu tử và dưỡng dục của ân nhân, người con út từ bé mang họ Nguyễn, bấy giờ đã lục tuần, bèn lập ra tập tục “*sanh vi Nguyễn, tử vi Trần*” truyền lệnh cho con cháu,

Sống thì mang họ Nguyễn, chết mới đổi ra họ Trần.

Thí dụ ông Nguyễn Văn Thanh, khi chết mộ bia sẽ khắc tên “Trần Văn Thanh.” Câu chuyện lịch sử này sao nghe ly kỳ *như truyện kiếm hiệp* của Kim Dung vậy kìa?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 8 tháng Mười Hai, 2021

Bừng Con Mắt Dậy

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Bốn năm sau khi rời trại tỵ nạn Trại Pendleton, mùa thu năm nay (1979), tôi trở lại nam California lần đầu tiên để dự khóa học ngắn về kỹ thuật điện toán tổ chức tại khách sạn Hilton ở Los Angeles. Chiều thứ Sáu, khóa học kết thúc, tôi xách va-li bước ra *lobby* (căn phòng lớn dùng làm phòng khách của khách sạn) và thấy Ngân bạn tôi ngồi đợi. Ngày Sài Gòn, Ngân học Đại học Khoa học, đỗ cử nhân hóa học, và mở trường dạy luyện thi tú tài và thi tuyển vào đại học chuyên khoa. Ngân cười tươi,

“Hôm nay vợ và hai con em tao trở tài nấu nướng đái mày với thằng Bào. ‘Thằng khi’ đó vừa từ Galang qua đây tuần trước.” Trại tỵ nạn Galang do Liên hiệp quốc điều hành nằm trên đảo Galang thuộc quần đảo Riau của Nam Dương.

“Thằng Bào luật sư ăn nói khéo léo và giỏi xoay xở, tao biết thế nào nó cũng thoát ra khỏi Việt nam; bây giờ kêu là ‘vượt biên.’ Có vợ con nó không?”

“Tại thiếu *địa* (tiền), đúng hơn là thiếu vàng, *mua chỗ* nên chỉ mình nó đi; vợ và đứa con trai ba tuổi ở lại.”

Bào đưa cả hai tay ôm chặt tay tôi. Khuôn mặt hốc hác và thân hình còm cõi, nhưng tiếng cười giòn giã và giọng nói oang oang của người bạn cũ vẫn như trước,

“*Ba Hoa* ơi hồi *Ba Hoa*! Thế còn chị ‘Chích Chèo’ đâu?”

“Bà xã để ở nhà, công theo làm gì cho bận bịu chân tay,” tôi quay sang các bạn khác, “Bà con ơi, thằng này là thầy kiện *mồm loa mép giải*, nhưng ăn nói đâu ra đó, không *một tấc lên tới trời* như bọn Việt Cộng đâu. Bào à, mày kể tiếp chuyện *vượt biên* cho tao nghe kẻo với.”

“Tôi ra đi cùng với 41 người khác trên chiếc thuyền dài 16 mét có 15 phụ nữ từ 13, 14 tuổi đến khoảng tứ tuần và năm trẻ em dưới 12 tuổi. Vừa ra tới ngoài khơi là nguy khốn bắt đầu: Thuyền gặp bão dữ, hư máy, và trôi vô định. Rồi chiếc thuyền chở đầy hải tặc Thái quần xà-rông xuất hiện, thằng nào cũng có vũ khí. Chúng bắt già trẻ lớn bé cởi hết áo quần đứng trần như nhộng để lục xét tìm vàng, ra lệnh cho đàn ông ở lại thuyền, và lừa phụ nữ còn trẻ lên thuyền chúng và cưỡng hiếp năm ngày liền trước khi thả chúng tôi đi,” Bào rưng rưng nước mắt thuật lại khổ nạn tiếp theo của đám “thuyền nhân.”

Ba ngày sau lại gặp toán hải tặc khác. Thuyền không còn gì đáng giá để cướp, đàn ông bị đánh đập túi bụi, và ai có răng vàng đều bị đè ra cạy nhổ lấy vàng. Phụ nữ lại bị bắt sang thuyền hải tặc và hiếp dâm như trước, lần này chúng bắt cả trẻ em mang theo. Một ngày sau, toán hải tặc thứ ba xuất hiện và đòi chia “chiến lợi phẩm.” Hai toán găm gù đánh nhau, và hai hôm sau, tất cả bọn chúng đột ngột biến mất trong đêm tối cùng với đàn bà và trẻ em đã bị bắt.

Nỗi tuyệt vọng của những *thuyền nhân* còn lại lên tới mức tột cùng khi họ thấy một chấm đen ở chân trời lớn dần tiến lại gần thuyền. Hải tặc lần thứ tư, chỉ có nước chết! Nhưng khi chiếc thuyền kia lại gần, họ thấy những người thân yêu đang trở về. Khi nhận ra mình bị bắt đem đi và sẽ không bao giờ gặp lại người thân, các phụ nữ đã can trường phản đối và đòi nhảy xuống biển tự trầm. Bọn man rợ chịu nhường bước và chở họ trả về.

Bào cầm lon bia uống một hơi, mắt nhắm nghiền như để xua đuổi nỗi kinh hoàng,

“Con thuyền lại lênh bênh trôi. Không có thức ăn trong nhiều ngày và nước uống rất hạn chế, mọi người thoi thóp nằm yên một chỗ và bắt đầu nghĩ tới chuyện ăn thịt người để sống. May có một chiếc tàu buôn Anh chạy qua, dừng lại cho thức ăn và nước uống, giúp sửa máy thuyền, cung cấp dầu, và chỉ đường chạy tới Galang.”

“Phù...ù...ù, rốt cuộc mày đến bờ tự do,” tôi thở ra một tiếng dài.

“Trong trại, túp lều tao ở nằm cạnh lều một gia đình người Nam năm người, lớn tuổi nhất là ông Trương khoảng ngũ tuần, chừng chạc, và rất kín đáo. Không người nào hé môi lộ ra tông tích gốc gác của mình.”

“Nhưng *sức mảy* mà qua mặt đôi mắt tinh như cú vọ của mày,” tôi mỉm cười.

“Làm ngành luật, tao nhận ra ông Trương là bộ trưởng bộ Tư pháp của cái phường tuồng gọi là chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam,” Bào gật đầu.

* * *

Trương là con thứ hai trong một gia đình Nam kỳ quý phái dưới thời Pháp thuộc có sáu cậu con trai. Mỗi cậu có riêng một *a má* là chị vú người Tàu đưa đón đi học và hầu hạ việc ăn mặc, tắm rửa, ngủ nghỉ, v.v. Mỗi cậu có riêng thầy dạy kèm các môn học chính ở trường và thầy dạy âm nhạc, mỗi cậu học một loại nhạc khí riêng. Ngoài ngôi nhà chính ba tầng trên đường d'Espagne (Lê Thánh Tôn bây giờ) giữa trung tâm Sài Gòn, cha mẹ Trương có đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một (Bình Dương), nhà in tại Sài Gòn, nhà nghỉ mát ở Đà Lạt, và biệt thự mùa đông ở Cap Saint-Jacques (Vũng Tàu). Cha Trương là giáo sư trung học dạy ở trường Chasseloup Laubat (sau này gọi là Jean-Jacques Rousseau), nhưng dạy lấy tiếng chữ tiền lương chỉ là phụ.

Anh em Trương học trường dành cho trẻ em Pháp. Lúc đầu bị bạn học người Pháp gọi nhạo là *nhaque* (đọc là “nhác-cờ,” do chữ “nhà quê”) hay *mite* (đọc là “mít-tờ,” cách nói tắt khinh miệt của chữ “annamite” người Pháp dùng chỉ người Việt), cậu Ba Trương thấy khó chịu, nhưng rồi cũng quen và nhập tâm bài học lịch sử vỡ lòng, “*Tổ tiên ta là người Gaulois.*” Năm Trương 13 tuổi, cha cậu quyết định,

“Lớn lên con sẽ làm dược sĩ. Anh con làm bác sĩ, em kế con chủ nhà băng, và ba em sau kỹ sư.”

Tháng Ba năm 1946, trước khi Trương lên đường sang Pháp du học, cha Trương làm lễ đính hôn cho cậu và ý trung nhân là con gái của một bác sĩ và điền chủ giàu có ở Bến Tre và cũng là bạn thân của ông. Sang Paris, Trương được nhận vào ở trong đại học xá sinh viên Đông dương. Cùng thời điểm đó, Hồ Chí Minh ăn dầm ở Paris chờ thương thảo về đề nghị cho Việt Minh (Việt nam) độc lập trong Liên hiệp Pháp, hội nghị diễn ra tại Fontainebleau cách Paris chừng 60 km về hướng đông nam. Nhờ vậy, Trương gặp ông Hồ hai lần. Lần đầu, ông cho mời cả nhóm sinh viên Việt nam trong đại học xá đến họp chung và lần sau chỉ mời hai đại diện sinh viên người Nam đến “dùng trà với bác Hồ”; Trương là một trong hai sinh viên được đề cử đi. Với dáng điệu và cử chỉ của một chính trị gia xảo hoạt bậc nhất thế giới, ông Hồ hớp hồn chàng sinh viên 23 tuổi bằng những khẩu hiệu nghe rất kêu như

Không có gì quý hơn độc lập-tự do.

Chúng ta phải chống giặc ngoại xâm, chống giặc đói, chống giặc dốt. v.v.

Hội nghị Fontainebleau tan vỡ, nhưng lần gặp gỡ ông Hồ đã thay đổi toàn diện ước vọng về tương lai của Trương. Trương bỏ ngành dược, học chính trị học ở Học viện Khoa học Chính trị, một *grande école* người Pháp gọi là “Sciences Po,” và cùng một số sinh viên Việt nam đi biểu tình và vận động ủng hộ cuộc chiến đấu chống Pháp của Việt Minh. Cha Trương giận dữ khi được tin Trương không tuân lời về việc học hành và dính dáng vào chuyện chính trị, nhưng quyết định dùng *một ngọt* để khuyến dụ: Ông sui gia (tương lai) đưa cô vị hôn thê của Trương sang Paris, dắt hai người đi du lịch một vòng quanh Pháp, Ý, và Thụy sĩ, và trở về làm lễ cưới theo nghi thức hành chánh tại quận đường Quận 12, đồng thời với lễ gia tiên của hai gia đình cử hành tại Sài gòn.

Kế sách của hai người cha đưa lại kết quả trái ngược. Không những Trương không đổi ý hướng mà còn dẫn dắt vợ vào con đường của mình. Khi hội Người Việt Đoàn kết cử vợ Trương dâng hoa cho vợ tổng thư ký đảng Cộng sản Pháp, bà này cũng là ủy viên trung ương đảng, hai ông già hết chịu đựng nổi bèn ra lệnh cho vợ chồng Trương phải về nước. Trương cương quyết ở lại và để vợ về một mình, lúc ấy cô mới 20 tuổi và mang thai sáu tháng. Hai ông già quyết liệt hơn, cắt đứt tiền bạc cấp dưỡng, và buộc cô vợ trẻ ký giấy ly dị. Lần đầu tiên trong đời, Trương phải tự kiếm sống, rửa chén và gọt khoai cho nhà bếp đại học xá.

Năm 1951, Trương tốt nghiệp cao học chính trị học và ghi danh học luật ở Đại học Paris. Cuối năm, Trương bất ngờ nhận được thư cha gọi về Sài gòn giúp ông gầy dựng lại cơ sở kinh doanh bị chiến tranh tàn phá để giúp anh và các em tiếp tục việc học. Để tránh lệnh động viên của chính phủ Quốc gia Việt nam, Trương xin đi dạy ở Châu Đốc và được bổ làm giáo sư chính ngạch rồi kết hôn với em gái bạn đồng nghiệp. Vợ Trương sinh con gái đặt tên Loan. Để tránh lệnh trưng binh khẩn cấp vì chiến tranh lan rộng, Trương xin gia nhập Hải quân và được nhận vào trường Tiếp liệu Hải quân Pháp ở Toulon. Sau khi Hiệp định Genève được ký kết, Trương tốt nghiệp sĩ quan và xin giải ngũ.

Trương về nước với chí hướng quyết liệt chống đối phe Quốc gia là chính phủ Việt nam Cộng hòa (“VNCH”). Nhờ bằng cấp cao, liên hệ bạn bè thời Chasseloup Laubat, và thế lực gia đình, Trương được trọng dụng làm tổng thanh tra Việt nam Kỹ thương Ngân hàng và sau đó tổng giám đốc Công ty Đường Việt nam, một công ty hàng quốc gia. Trong lúc Trương ngẫm câu kết với các tổ chức Cộng sản trong bóng tối, con gái là Loan lại học cùng lớp với con gái Tổng thống Nguyễn văn Thiệu, thường vào dinh Độc lập ăn cơm tối và ngủ lại đêm, và được ông bà Thiệu yêu thương như con.

Tháng Sáu năm 1966, hành tung bị bại lộ, Trương bị cơ quan an ninh VNCH bắt giữ. Nhờ Việt Cộng bí mật điều đình với tòa Đại sứ Hoa kỳ, Trương và hai tù nhân chính trị khác được trao đổi với ba quân nhân Mỹ bị Việt Cộng bắt. Thế là Trương *ra bung* hoạt động hẳn cho phe Cộng sản. Sau khi Trương bị bắt, ông Thiệu dịu dàng kéo Loan ra một bên,

“Con yên tâm, ba con với *tonton* là kẻ đối nghịch. Nhưng con là con cháu nhà này, chuyện kia không ăn nhằm gì cả.”

“Tonton” tiếng Pháp là “chú/bác/cậu” khi xưng hô thân mật. Sau đó, bà Thiệu bảo trợ cho Loan đi Hoa kỳ du học. Ngày 8 tháng Sáu năm 1969, Hà nội đưa ra trình làng con múa rối đặt tên là

chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam (“CMLTCHMN”) để mà mắt thế giới, và Trương được phong chức bộ trưởng bộ Tư pháp cho đủ lệ bộ.

Mãi đến sáu năm sau, trong cuộc diễn binh mừng chiến thắng chiếm trọn miền Nam của Việt Cộng, Trương mới mở mắt nhận ra thực chất của CMLTCHMN. Trên khán đài dựng lên trước dinh Độc lập (mới đổi tên thành Thống nhất), chủ tịch đoàn gồm lãnh tụ ngoài Bắc vào và những nhân vật quan trọng khác đứng duyệt khán các đơn vị quân đội diễn hành. Bộ binh, chiến xa, pháo binh và hỏa tiễn phòng không, v.v. với cờ đỏ sao vàng miền Bắc lần lượt đi qua. Gần tàn buổi lễ mà không thấy các “đại đơn vị” và lá cờ hai màu xanh đỏ của CMLTCHMN đâu cả, Trương nghiêng vai hỏi Tướng Văn Tiến Dũng chỉ huy quân đội đứng bên cạnh,

“Các Sư đoàn 1, 3, 5, 7, và 9 của tui đâu?”

“Máy thứ đó hả?” ông tướng đưa mắt nhìn Trương và không dẫn đo, “Quân đội thống nhất rồi,” rồi quay đầu nhìn xuống đường với khoé môi trề xuống tỏ vẻ khinh miệt.

Khi vở kịch CMLTCHMN đến lúc hạ màn, Trương ra Hà nội dự lễ phê chuẩn văn kiện “thống nhất nước nhà về mặt nhà nước” chính thức chấm dứt tấn tuồng lừa đảo này. Trong buổi tiếp tân, có người vỗ vai, Trương quay lại thấy Trường Chinh chủ tịch Quốc hội miền Bắc; ông ta trừng mắt hỏi xách mé,

“Đồng chí là ai mà trông quen quen?”

Trương ngớ người bối rối. Mới bảy tháng trước, ngay tại sảnh đường này, chính đồng chí lãnh đạo này đã ôm hôn chào mừng líu lo và chiêu đãi rộn ràng Trương và toàn bộ CMLTCHMN. Trương ấp a ấp úng,

“Tui là bộ trưởng bộ Tư pháp miền Nam.”

“Thế à?” mắt Trường Chinh sáng lên khoái trá, “Đồng chí tên gì, bây giờ làm gì?”

Trương tỉnh mộng hoàn toàn, cưới cô vợ mới, và cậy nhờ người em cột chèo trù hoạch vượt biên. Cuối tháng Tám năm 1978, vợ chồng Trương theo gia đình người em đó lên ghe đánh cá đi từ Long Xuyên đến trại tỵ nạn Galang. Sáu tháng sau, sang Pháp định cư và sống đời lưu vong. Ba mươi năm “làm cách mạng” của Trương rốt cuộc chỉ là

Giấc Nam Kha khéo bất bình,

Bừng con mắt dậy thấy mình . . . thuyền nhân.

(Theo Cung Oán Ngâm Khúc)

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 22 tháng Mười Hai, 2021

Đời Cô Lệ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Nhân đi dự một khóa học ngắn tại Los Angeles ở nam California, chiều thứ Sáu tôi về nhà bạn là Ngân ở lại ngày thứ Bảy rồi sáng Chủ Nhật bay về sớm. Sau một đêm ăn nhậu và tán dóc với bạn bè, sáng thứ Bảy tôi thức dậy trễ. Tôi đi ra nhà bếp thấy Ngân đang pha cà-phê và vợ Ngân là Trinh nấu đồ ăn sáng; nàng đơn đả,

“Mời anh dùng điểm tâm rồi đi đâu nhà tôi đưa đi. Nhưng nói trước, anh mà đi thăm cô bồ cũ nào thì tôi mách chị đó.”

“Em đừng lo,” Ngân cười hi hi, “Bồ bịch của thằng này toàn là bạn cô *Chín dưới đờ* đi bốn chân, vợ nó không thèm ghen đâu!” “*Chín dưới đờ*” nói lái là “chó dưới đình.”

“Tao tính nhờ mày đưa lên Los Angeles thăm anh Bảng,” tôi vờ không nghe thấy lời chọc ghẹo của Ngân.

“Mày gọi điện thoại xem anh ấy có nhà không. Chứ lái xe gần 50 dặm Anh đường kẹt xe như nêm cối mà tới nơi không gặp thì uống công toi.”

Anh Bảng từng là giáo sư trung học có uy tín ở Sài Gòn và thường khuyến khích và chỉ dẫn tôi ngày tôi là sinh viên tập thể đi dạy giờ tại các trường trung học tư. Năm 1975, tôi đã gặp lại anh ở trại tạm trú Orote Point trên đảo Guam và trại tỵ nạn Trại Pendleton ở nam California. Tôi gọi đến nhà anh; điện thoại bận phát ra tiếng “tít tít” liên tục. Mười lăm phút sau, tôi gọi lần thứ hai; điện thoại lại bận. Trong hơn hai tiếng đồng hồ, cứ khoảng 15 phút tôi gọi một lần, nhưng điện thoại vẫn bận – cho đến gần hết buổi sáng. Cực chẳng đã tôi quay số “0” (zero) gọi tổng đài; cô điện thoại viên xưng tên công ty điện thoại và hỏi,

“Pacific Bell, thưa ông cần chuyện gì?”

“Trong gần ba tiếng đồng hồ, tôi gọi số (213) 123-4567 mà điện thoại bận liên tục. Đây là một cú gọi khẩn cấp, có thể nào cô ngưng cuộc điện đàm hiện thời và cho tôi xen vào một phút không?” tôi khẩn khoản nhờ.

“Tôi sẽ cố gắng,” cô tỏ ra thông cảm.

Cô điện thoại viên ngắt ngang cuộc nói chuyện của anh Bảng, nói lời yêu cầu của tôi, và đồng thời để tôi và anh Bảng nghe được tiếng của nhau. Anh Bảng đồng ý, chào từ giã một người đàn bà nào đó, và được nối với tôi. Tôi nói vắn tắt,

“Em ở North Dakota xuống và chỉ ở đây ngày hôm nay. Anh có nhà thì em đến thăm.”

“*Ba Hoa* thì lúc nào cũng *welcome*. Hôm nay tôi ở nhà, cậu đến giờ nào cũng được.”

Anh Bảng bắt tay tôi với nụ cười khoan dung, tôi xuýt xoa,

“Em xin lỗi vì đã làm anh bỏ dở cuộc nói chuyện với cô bạn.”

“Không sao! Cô Lệ có lẽ nhỏ hơn cậu một hay hai tuổi, chả phải là bạn tôi. Cả tuần nay, ngày nào cô ấy cũng gọi điện thoại viễn liên từ San Diego lên kể lể cuộc đời *năm chìm bảy nổi sáu lênh đênh* cho tôi nghe.”

“Hà hà . . .” tôi bật cười, “Ông giáo sư *ngon lành* của em bây giờ mở văn phòng gỡ rối tơ lòng cho các bà các cô hay sao?”

“Cô ấy muốn nhờ tôi giúp viết cuốn tự truyện. Tôi chưa nhận lời, nhưng thấy chuyện đời của nàng Kiều này rất đáng viết thành tiểu thuyết. Để tôi kể cậu nghe.”

* * *

Lệ là con út của một gia đình nông dân làng Kỳ La gần Đà Nẵng tỉnh Quảng Nam có sáu người con. Cha mẹ Lệ làm lưng cực khổ, sùng đạo Phật, và dạy con cái ở hiền gặp lành và thương yêu nhau. Chiến tranh đã biến làng Kỳ La thành *một cổ hai tròng*: Ban ngày lính Quốc gia (“QG”) về làng “bảo vệ an ninh”; ban đêm Việt Cộng (“VC”) xuất hiện, lừa dân làng đi “học tập,” và ấn định công tác chống lại QG.

Năm lên mười, Lệ bị giao nhiệm vụ làm “giao liên” canh chừng lính QG để thông báo cho du kích xã kịp thời trốn thoát. Công tác suôn sẻ mấy năm liền, nhưng chường mặt mãi, Lệ không khỏi bị lính QG nghi ngờ và một ngày nọ đưa về đồn tra vấn. Đã học tập kỹ càng nên trong suốt tuần lễ bị câu lưu, Lệ nhất định nói mình đứng ngoài đường chơi với bạn chứ không biết gì cả. Nhờ anh rể là chồng chị Ba (con thứ nhì trong gia đình) làm cảnh sát ở Đà Nẵng bảo lãnh, Lệ được thả về. Nhưng đó là lúc cuộc đời cô bắt đầu biến thành địa ngục

Đám VC không thể tin rằng Lệ đã không cung khai. Ngay tối hôm đó, họ gọi cô đi họp. Buổi họp “kiểm thảo phê bình” lập tức biến thành “tòa án nhân dân” xử tội “phản động” và “làm gián điệp cho địch” của Lệ, tuyên án tử hình, và giao nhiệm vụ thi hành bản án cho hai du kích xã thường tiếp xúc với cô. Đưa Lệ vào rừng, tên trưởng toán động lòng dâm dục, ra lệnh cho cô bé 13 tuổi cởi quần, và ra tay hãm hiếp. Gần sáng, Lệ bị giải tới giam giữ ở nhà một cảm tình viên VC gần đó. Đêm sau, tên du kích cấp dưới đến một mình, đưa Lệ vào rừng nhưng không giết mà theo chân thương cấp đề cô xuống hãm hiếp, và sau khi thỏa mãn, thả cô đi với điều kiện cô phải ra khỏi làng và không trở về.

Ra Đà Nẵng, Lệ được chị Ba tìm cho một chân giúp việc cho một gia đình năm con, hai vợ chồng đi làm, và ông chồng trên tứ tuần. Cùng lúc với khi ông chủ ló mòi *dê xồm* tìm cách nài ép, Lệ hay tin mẹ đang *chết lên chết xuống* với đám VC ở làng quê. Sau khi Lệ ra đi, VC bắt mẹ cô làm “giao liên” thay thế; bốn bà khác cũng được giao nhiệm vụ tương tự. Một ngày kia, lính QG về làng tảo thanh, mẹ Lệ trông thấy la lên báo tin, nhưng hai tên du kích xã (đã hiếp dâm cô) trốn thoát không kịp bị bắn chết. Thế là năm bà bị xử tội, bốn bà kia bị hành quyết tại chỗ, và mẹ Lệ bị quản thúc tại gia và cấm tiếp xúc với bất cứ ai trong làng. Cô lén về làng thuyết phục mẹ ra đi, và hai mẹ con vào Sài Gòn tha phương cầu thực.

Trong khi hai mẹ con lang thang kiếm việc làm ở đô thành đông đúc náo nhiệt, Lệ bị đau bụng không dứt, ăn vào bao nhiêu mửa ra bấy nhiêu, và được mách tới bệnh viện Bình dân điều trị miễn phí. Bác sĩ tận tâm chữa trị bệnh loét bao tử của Lệ, và các y tá thương tình giúp đỡ hai mẹ con tìm chỗ làm. Họ giới thiệu tới một gia đình thương gia giàu có có hai đứa con nhỏ và cha mẹ bà vợ ở chung trong căn nhà lầu năm tầng. Lệ giúp việc cho vợ chồng ông chủ, và mẹ cô săn sóc ông bà cụ.

Cuộc sống hàng ngày yên ổn, Lệ đem lòng yêu thầm ông chủ đẹp trai, nghiêm nghị, và đối xử hòa nhã với người làm trong nhà. Bà chủ bị bệnh tim không thể gần gũi chồng. Dần dần, ông chủ nhận ra tình ý vụng về của cô người làm và ban đêm lẻn vào phòng cô, và hậu quả là Lệ có thai. Bà chủ biết được gọi mẹ con Lệ ra đuổi việc, bắt phải trở về Đà Nẵng, và hứa sẽ gửi tiền cấp dưỡng hàng tháng cho đến sau khi Lệ sinh nở.

Trở lại Đà Nẵng, mới 16 tuổi, không nhà không cửa, không việc làm, và mang thai, Lệ xin ở nhờ nhà chị Hai (con đầu lòng trong gia đình) và thằng bồ lính Mỹ vũ phu hay đánh đập chị. Năm 1954, chị vừa lấy chồng thì anh này ra bắc tập kết; sau đó chị bỏ làng vào Sài Gòn và năm trước (1964), khi lính Mỹ tham chiến tràn ngập Đà Nẵng, trở về thành phố này đi bán *ba* (bar). Cha Lệ vẫn ở Kỳ La, vốn không bằng lòng với nếp sống của chị Hai, nay biết Lệ chữa hoang, liền từ đưa con út yêu thương. Sau khi Lệ sinh con trai đặt tên Hùng, ông tha thứ cho cô rồi khùng hoảng tinh thần uống a-xít (acid) tự tử.

Để kiếm tiền nuôi mẹ và Hùng, trong hai năm liền, hàng ngày Lệ lặn la trước cổng căn cứ quân sự Hoa Kỳ gần Đà Nẵng bán chợ đen đồ lưu niệm và đôi khi cần sa cho lính Mỹ. Một hôm, biết Lệ không phải là gái làng chơi, ông *MP* (Military Police hay Quân cảnh Hoa Kỳ) già quen với cô gọi "làm mối" cô với hai anh lính Thủy quân Lục chiến Mỹ trẻ măng muốn nếm mùi đời trước khi về nước; hai người lính đang chờ xe buýt ra phi trường. Ban đầu ông *MP* đưa ra 100 đô la, Lệ không bằng lòng; ông lấy thêm tiền và từ từ nâng giá lên, Lệ vẫn một mực lắc đầu. Nhưng khi tới 400 trăm đô la, một món tiền đủ cho gia đình sống dư dật ít ra là một năm, cô chụp xấp đô la xanh cất vào bọc và chỉ tay vào anh lính thấp hơn, "*You go bum bum*" ("*go bum bum*" là tiếng Anh bời chỉ việc mua dâm). Hai người xuống chiếc hầm trú ẩn làm bằng bao cát gần đó, và sau vài phút lẩn trốn, anh lính xọc xạch không tới nửa phút là xong. Lệ nằm đợi hồi lâu mà không thấy anh lính kia xuống bèn đi lên, ông *MP* cho biết anh ta sợ trẻ chuyển bay và đi rồi.

Lăn lộn trong cảnh đời ngang trái, Lệ tâm niệm phải rời khỏi đất nước chiến tranh khốn khổ. Trong hoàn cảnh của cô, con đường duy nhất là liên hệ tình dục rồi thành hôn với người Mỹ. Ban đầu, một quân nhân Mỹ do bạn chị Hai giới thiệu đưa Lệ vào làm y công ở Dân y viện Đà Nẵng, công việc thực sự đầu tiên của cô. Bệnh viện này có một số nhân viên y tế Hải quân Hoa Kỳ làm việc trong chương trình dân vận của quân đội Hoa Kỳ. Tại đây, Lệ bắt bồ và sống với Red, một anh lính cứu thương Hải quân cô độc không thích giao thiệp với bạn bè. Red chỉ dạy Lệ thay đổi cách ăn mặc và trang điểm cho nhan sắc đẹp đẽ và biểu diễn việc nhà thương đi bán *ba*. Cô nghe lời nghỉ việc, nhưng bỏ Red vì không chịu làm gái nhảy *à-go-go* (nhảy cời trường) như anh ta đòi hỏi.

Trong khi làm việc ở sòng bài Kim Chee House do người Đại Hàn làm chủ, Lệ được Jim là người Mỹ lai Tàu (mẹ Trung hoa) theo đuổi; anh ta là thợ máy dân sự sửa phi cơ trực thăng cho Lục quân Hoa Kỳ. Jim dụ Lệ bỏ việc và thuê nhà sống chung với anh ta. Trong mấy tháng kế tiếp, Lệ cảm thấy cuộc sống "lừa dối" đẹp như một bài thơ. Cho đến khi Jim trở nên ghen tuông, nghi ngờ Lệ có bồ khác, và uống rượu say sưa đánh đập cô. Cuối cùng, sau đêm bị Jim bóp cổ xuýt chết, Lệ đi báo *MP*; Jim bị bắt và trục xuất về nước.

Rồi Lê xoay sở xin làm trong Câu lạc bộ Lính Hải quân Hoa kỳ gần căn cứ Hải quân Mỹ Khê. Một hôm, Lê đợi xe buýt đi làm thì một trung úy Không quân Mỹ rất lịch sự nói tiếng Anh âm Texas nhào tới làm quen. Paul mới đến Đà Nẵng phục vụ nhiệm kỳ đầu tiên trong một đơn vị không tác chiến. Sau vài tháng tình tự ân ái, Lê rủ Paul về sống với cô và được Paul chiều chuộng như bà hoàng. Một thời gian sau, Paul trở giọng than phiền trong khi làm việc ở câu lạc bộ, cô tỏ ra quá lẳng lơ với lính Mỹ. Một buổi sáng, Paul đấm đúối hôn Lê chia tay đi làm rồi đi luôn không trở lại.

Cuối cùng, đầu năm 1969, một cô gái bán *ba* bạn chị Hai giới thiệu Lê với một người Mỹ dân sự già ăn mặc sang trọng rất muốn có bồ người Việt. Ed độc thân và làm giám thị cho công ty xây cất khổng lồ RMK-BRJ, nhà thầu độc nhất của quân đội Hoa kỳ tại Việt nam. Lúc đầu Lê từ chối làm “bạn” với Ed, nhưng ông dai dẳng ngồi xe xích lô đi theo về nhà khiến cô xiêu lòng, “*Chồng già vợ trẻ là tiên trên đời,*” và làm tình với ông. Ed mua thức ăn và đồ dùng mắt tiền trong PX (Post Exchange hay Quân tiếp vụ Hoa kỳ) tặng Lê, tìm mọi cách làm cô vui lòng, và sau cùng cầu hôn và hứa đưa mẹ con cô sang Hoa kỳ sinh sống. Tuy rất ái ngại về sự sai biệt tuổi tác – Ed đã 65 tuổi – cô thiếu nữ chưa tròn 20 đồng ý sống chung với ông. Bốn tháng sau, Lê được bác sĩ cho biết đã có thai và hai ngày sau đó, thành hôn với Ed theo nghi thức hành chánh.

Vài tháng sau ngày Lê sinh cậu bé Tommy, Ed mẫn hạn hợp đồng làm việc và bay về San Diego trước để sửa soạn nhà cửa đón rước vợ con. Tháng Ba năm 1971, Lê đưa hai con Hùng và Tommy sang đoàn tụ với chồng. Thực hiện được ước mơ ra khỏi Việt nam, nhưng Lê không được hạnh phúc lâu. Hai năm sau, Ed qua đời vì bệnh suyễn; Lê thành quả phụ khi chưa tròn 24 tuổi.

Tuổi đời nhỏ hơn tôi, người thiếu phụ này đã trải qua bao nhiêu đảo lộn đất trời. *Đời cô Lê,* truân chiêm có khác chi nàng Kiều của Nguyễn Du?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 12 tháng Giêng, 2022

Nhìn Quá Khứ, Đoán Vị Lai

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Buổi tối cuối cùng của chuyến viếng thăm nam California ngắn ngủi, ở nhà Ngân, tôi hoan hỉ gặp lại đám bạn cũ, và chúng tôi cùng nhau ăn nhậu và nhắc lại chuyện “hồi đó ở Sài Gòn.” Tối nay có vợ chồng thằng Túc lái xe từ San Diego lên; tôi chơi với thằng Túc ngày *đi giang hồ* vào Đại học xá Minh Mạng. Nó học y khoa có tiếng học giỏi nhưng cũng nổi tiếng nghịch ngợm với nhiều trò đùa tinh quái. Thí dụ vào Cơ thể Học viện của Đại học Y khoa mượn cái đầu lâu hay bộ xương người, đem về phòng nói là để học bài, nhưng thật ra để dọa mấy đứa yếu bóng vía như tôi, và cắt bộ phận sinh dục đàn ông của xác chết lén bỏ vào ví tay nữ sinh viên cùng lớp để làm trò cười.

Ngoạn mục nhất là những tối cuối tuần thằng Túc làm đầu têu kéo một, hai đứa bạn vào Chợ Lớn ăn đám cưới *chùa* (không được mời) ở mấy nhà hàng tiệc cưới. Một hôm tôi theo nó đi ăn cưới ở nhà hàng Đồng Khánh, và hai thằng ngồi cùng bàn (thời mười người) với ông cụ giáo sư toán đạo mạo và hai cô con gái học Trưng Vương xinh đẹp và hoạt bát. Tôi hầu chuyện tương đắc với cụ, cô chị Vân Cẩm vừa nhỏ nhẹ ăn vừa im lặng nghe chuyện, và nhà y sĩ tương lai thường ngày bật thiệp và nhanh nhẩu nhưng hôm nay đờ đẫn nhìn cô em Vân Hương cười nói vô tư. Nhờ cuộc hội ngộ này, mấy năm sau Vân Hương trở thành bà Bác sĩ Túc. Đám cưới hai người, tôi đi bên họ nhà gái và từ đó đến nay mới gặp lại cặp vợ chồng này.

Có thằng Túc là căn phòng khách vui nhộn hẳn lên. Nó bô bô kể lại “chiến tích” *cu* (do tiếng Pháp “faire la cour” là tán tỉnh hay ve vãn) cô vợ *xinh tươi như trăng rằm*. (Tôi chưa bao giờ có dịp thổ lộ với nó là tôi đã cùng dạy trường tư và quen thân với ông cụ và hôm ấy được cụ là bác chú rủ mời đi ăn cưới hẳn hoi.) Thằng Túc khoan khoái chỉ mặt tôi,

“Tôi chịu thằng quái này, mới quen một cách *ma giáo* như thế mà cuối buổi cả gan xin phép cụ cho con gái đi uống cà-phê Đa La sau sân vận động Cộng hòa với tụi tôi. Cụ đồng ý và dặn về sớm mới chết chứ! Nhờ *hoàn thuốc liều* của nó mà cô ấy trở thành mẹ ba đứa con tôi.”

“Có gì khác nhau nếu không hỏi xin và xin mà không được?” tôi thản nhiên nhún vai.

“Cám ơn anh đã làm ông tơ cho em và anh Túc nên duyên vợ chồng,” Vân Hương từ nhà bếp bước lên vin vào tay tôi, “Nhưng em có điều thắc mắc, cho em hỏi nhé?”

“Cô hỏi thì được, nhưng trả lời hay không thì anh không hứa,” tôi trả lời lửng lơ.

“Nghe ông cụ khen anh giỏi toán, chị Vân Cẩm đang học ban A (Vạn vật) nài nỉ cụ cho đổi sang ban B (Khoa học Toán) để anh vui lòng. Anh biết chị em rất mến anh chứ?”

“Cô hỏi khó quá,” tôi lúng búng than.

Thấy Ngân từ ngoài sân đi vào, tôi vội vàng chớp lấy cơ hội để lảng sang chuyện khác. Biết tính Ngân hay *lè phè*, tôi hỏi đùa,

“Mày bị bà Trinh sai vặt lia lịa mà không hề than phiền; đồ ăn nhanh McDonald’s hay nắng California làm mày tiến bộ ra?”

“Bà Trinh quý mày vì mày là phù rể độc nhất của đám cưới tụi tao nên luôn miệng nhắc nhở, ‘Mấy năm mới gặp lại anh *Ba Hoa*, anh phải chịu khó chiều bạn.’ Chứ nếu không *sức mấy* ‘ông’ chạy lăng xăng cho mày!”

“Mới ngày nào gặp lại mày trong Trại Pendleton khi mày đi lấy nước sôi khuấy sữa cho con gái đầu lòng bốn tháng. Bây giờ đã hơn bốn năm! Không chừng khi mình gặp lại lần tới, con gái mày đã đi lấy chồng,” tôi than thở.

“Tao đã nói với mày nhiều lần: Vợ chồng con cái mày cứ việc chất hết lên xe, ‘xuôi về nam’ sống gần bạn bè như thời Sài Gòn. Ở xứ Mỹ này, tao không thấy ai chết đói, và chỉ nghe nói người ta chết lạnh. Mày sống trên North Dakota lạnh giá, tính chết cóng chết già trên đó hay sao?”

Lời nói của Ngân thật hữu lý, nhất là trong không khí buổi họp mặt này. Các bạn khác cũng xúm lại, mỗi người khuyên một câu. Tôi xiêu lòng và nghĩ tới cách thuyết phục Quỳnh Châu dọn nhà về nam California. Bốn giờ sáng, Ngân lái xe đưa tôi lên phi trường Quốc tế Los Angeles (LAX), trên xa lộ chúng tôi bị kẹt xe hơn hai tiếng đồng hồ, và đến nơi tôi là hành khách cuối cùng lên máy bay. Bốn giờ sáng Chủ Nhật mà xa lộ kẹt xe, liệu tôi có thích hợp nổi với nơi đô hội này, dù thời tiết ấm áp và bạn bè đông?

* * *

Trong phiên họp sáng thứ Hai của ban tham mưu Tổng nha Kỹ thuật Điện, ông Wally phó tổng giám đốc thông báo điều mà có lẽ ai cũng đã biết trong tuần lễ tôi đi vắng: *Sếp* của tôi là ông Howard giám đốc nha Điều hành Hệ thống Điện (“ĐHHTĐ”) thăng tới về hưu, và Gerrie kỹ sư thâm niên nhất của nha được cử lên thay thế. Thực ra Gerrie đã nhận nhiệm vụ mới vì ông Howard nghỉ phép cho đến ngày chính thức về hưu. Tôi và Gerrie tuổi sà sà như nhau, mấy năm qua làm việc sát cánh với nhau, và biết rõ khả năng và tính tình của nhau. Buổi chiều, anh *sếp* mới gọi tôi vào văn phòng để phân công và chia xẻ phần vụ trước của anh. Anh nhìn thẳng vào mắt tôi, giọng tha thiết,

“Howard về hưu là cơ hội cho bọn trẻ chúng mình thay đổi chuyện quanh đây. Nhiều năm nay, vì không đủ khả năng chuyên môn, hàng năm công ty phải thuê hãng Cố vấn Quản trị Stone & Webster thực hiện việc ‘tiên đoán mức tiêu thụ điện’ (load forecasting) của khách hàng. Tuần trước, lúc anh đi Los Angeles, Wally bàn với tôi là đã đến lúc chúng ta tự làm lấy *trong nhà*. Anh nghĩ sao?”

“Anh muốn tôi làm gì?” bị hỏi bất ngờ, tôi hơi luống cuống.

“Chúng tôi thấy khắp công ty anh là người có khả năng nhất để đảm nhận công tác đó. Anh sẽ có nguyên một năm để hoàn tất ‘kết quả tiên đoán’ (forecasts) đầu tiên, tôi sẽ thuê nhân viên có năng lực anh muốn để phụ giúp.”

Bỗng nhiên tôi đứng giữa ngã ba đường. Không nhận thì mất một cơ hội thăng tiến nghề nghiệp và trau dồi kiến thức. Mà nhận thì dự định dọn nhà về miền nắng ấm *đi đời nhà ma*. Rồi nghĩ để cảnh kẹt xe khi ra LAX, tôi quyết định thật nhanh,

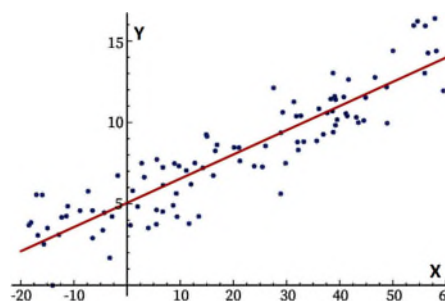
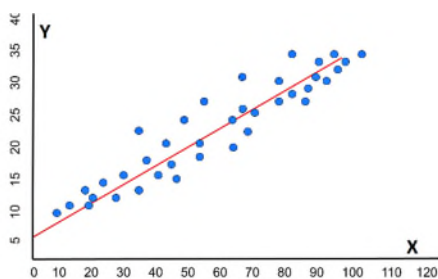
“Tôi nhận thêm công tác này nếu anh tuyển cho tôi một người phụ tá vừa giỏi toán vừa rành điện toán.”

“Tại sao anh không dùng kỹ sư, để cho tôi tìm thuê hơn?” Gerrie mỉm cười thách thức.

“Bọn kỹ sư tụi mình rất giỏi thi hành mệnh lệnh của người khác, nhưng tầm nhìn xa thì hạn hẹp và khả năng sáng tạo thì thua xa dân toán học. Và dĩ nhiên hiểu biết về điện toán là điều kiện không thể thiếu.”

Load forecasting là một công việc quan trọng hàng đầu của công ty điện lực. Phải dự đoán mức tiêu thụ điện của khách hàng công ty mới ước tính được số thu nhập, tức là số tiền sẽ có, và mới có thể dự thảo ngân sách thuê thêm hay sa thải nhân viên, xây cơ sở, mua máy móc, v.v. Hơn nữa, cần nhận định nhu cầu tương lai của khách hàng, công ty mới có thể hoạch định xây thêm bao nhiêu nhà máy, đường dây truyền điện, trạm biến thế, v.v.

Tôi nghiên cứu phức trình *load forecasts* mới nhất do hãng cố vấn Stone & Webster cung cấp và nghiên ngẫm các bài khảo cứu đăng trên quý san *IEEE Load Forecasting* ba tháng ra một lần của hội Kỹ sư Điện và Điện tử thế giới (IEEE). Tôi nhận thấy hãng cố vấn đã dùng một phương pháp toán học tương đối giản dị gọi là phép hồi thoái (regression) dùng để tìm hệ thức giữa hai lượng Y và X mà ta đã có một số dữ kiện thực. Khi biểu diễn dữ kiện thực trên đồ thị, hồi thoái là cách xác định đường cong (đơn giản nhất là đường thẳng) “vừa vặn nhất” đi ngang qua các điểm đó. Từ phương trình đường cong, ta có thể dự phóng trị số Y tương ứng với bất cứ trị số X nào.



Nếu Y là mức tiêu thụ điện trong quá khứ và X chỉ thời điểm (năm hay tháng) thì đường cong hồi thoái là phép “*nhìn quá khứ, đoán vị lai*” của công ty điện lực. Để chắc ăn, tôi viết thử một chương trình điện toán FORTRAN lập lại kết quả của Stone & Webster – và thành công! Tôi vững lòng cải thiện phương pháp của họ bằng cách dùng thêm vài biến số khác có ảnh hưởng đến lượng điện tiêu thụ như lợi tức tính theo đầu người và giá điện khách hàng phải trả.

Phần thiết lập chương trình điện toán và kho dữ kiện thực sự và chạy máy lấy kết quả thì do cô phối trí viên (coordinator) Kayla đảm nhận. Nhỏ hơn tôi một con giáp, Kayla tốt nghiệp đại học với hai bằng cử nhân – toán và khoa học điện toán. Hơn một năm nay cô làm thảo chương viên cho sở Khai thác Dữ kiện, cảm thấy công việc chưa xứng đáng với khả năng, và nay thấy chức vụ mới của nha ĐHTĐ hợp với quá trình học hành của cô hơn nên xin chuyển qua làm việc cho tôi.

Sáu tháng sau khi nhận thêm nhiệm vụ *load forecasting*, tôi đệ trình lên ban giám đốc phức trình tiên đoán đầu tiên. Đó cũng là một phức trình tiên đoán đầy đủ và tinh vi nhất trong các công ty điện lực trong vùng này. Năm năm sau, mùa hè 1985, tôi đi họp ở Chicago, tình cờ đọc số báo Chủ Nhật của tờ *Chicago Tribune*, và chú ý đến bài phóng sự cho biết mỗi mùa hè ở Chicago có hàng trăm người – hầu hết là người già nghèo khó – chết tại nhà vì trời nóng. Tôi

mang bài báo về sở và trong các buổi nghỉ giải lao, thảo luận với Kayla phương cách tiên đoán số người chết ở *Thành phố Lộng Gió* (“The Windy City”) bằng phép hồi thoái. Dự án này, tôi và Kayla làm chơi lúc rảnh rỗi.

Về mùa hè, khi nhiệt độ trong không khí lên cao, khách hàng chạy máy điều hòa không khí *thả giàn*, và do đó mức tiêu thụ điện tăng lên. Điều này ai cũng biết, nhưng đối với nhân viên điện lực chúng tôi, độ ẩm của không khí mùa hè cũng quan trọng như nhiệt độ. Kết hợp nhiệt độ với độ ẩm, ta có chỉ số nóng bức (heat index) là nhiệt độ biểu kiến mà cơ thể người và súc vật cảm thấy. Ví dụ, nếu nhiệt độ không khí là 90°F và độ ẩm 70%, chỉ số nóng bức lên đến 106°F, và cơ thể cảm thấy như là 106°F, nóng hơn nhiệt độ 90°F rất nhiều. Chicago nằm bên hồ Michigan là một trong Ngũ đại hồ nên không khí ẩm, và chỉ số nóng bức mùa hè rất cao. Chương trình điện toán mà tôi gọi đùa là “máy đếm xác” có thể dự đoán số người chết ở Chicago căn cứ theo chỉ số nóng bức.

Trong ba mùa hè liên tiếp, kết quả dự đoán của chúng tôi sai lệch số người chết thực sự không tới 5 phần trăm. Tôi hứng chí viết bài khảo cứu gửi cho quý san *IEEE Load Forecasting* nhưng không hy vọng được chọn đăng vì về mặt khoa học và kỹ thuật, kiểu mẫu toán học của *máy đếm xác* không có gì mới mẻ. Đứng đầu ban cố vấn tuyển chọn là một nhà toán học làm việc cho công ty Commonwealth Edison gọi tắt là ComEd trụ sở trung ương đặt tại Chicago; anh giữ nhiệm vụ tiên đoán tương tự như tôi. ComEd là công ty điện lực lớn nhất tiểu bang Illinois và cung cấp điện độc quyền cho Chicago và vùng bắc tiểu bang Illinois. Anh gọi điện thoại cảm ơn tôi, yêu cầu sửa đổi vài chi tiết cho hoàn chỉnh, và đề nghị *IEEE Load Forecasting* đăng bài khảo cứu.

Nhà toán học và đồng nghiệp ở ComEd viết thư gửi đến mục Thư Bạn Đọc (Letters to the Editor) của tờ *Chicago Tribune*, dẫn chứng bài khảo cứu chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa chỉ số nóng bức cao và số người thiệt mạng của tôi. Tờ báo nhân dịp này chạy bài xã luận đòi hỏi chính quyền thành phố phải có biện pháp để giảm bớt số người chết, và dân chúng hưởng ứng bằng cách biểu tình hàng ngày trước tòa thị sảnh. Hội đồng thành phố nhóm họp và quyết định thi hành hai biện pháp: Hàng năm, trước khi mùa hè bắt đầu, chính quyền Chicago sẽ phân phát quạt máy chạy điện miễn phí cho các gia đình lợi tức kém. Và mỗi khi chỉ số nóng bức lên quá 95°F, các thương xá và các cơ sở thuộc sở hữu của thành phố như thư viện, sân vận động trong nhà, v.v. có máy điều hòa không khí phải mở cửa cho thị dân vào tránh nóng.

Xem ra tài làm thầy bói . . . toán của tôi cũng *khấm khở* và được “thân chủ” tin dùng. Tôi không hề hối tiếc về quyết định không “xuôi về nam” của mình.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 26 tháng Giêng, 2022

Bỏ Thì Thương, Vương Thì Tội

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tôi là người hiếu học nên yêu thích việc làm ở Công ty Tiện ích Montana-Dakota ở chỗ công ty thật quan tâm đến việc đào luyện nhân viên. Ngoài những lớp huấn luyện khi công ty mua dụng cụ mới, áp dụng kỹ thuật mới, hay tuân theo luật lệ mới, hàng năm bọn kỹ sư chúng tôi được gửi đi học một khóa tu nghiệp ngắn, từ vài ngày đến một tuần, để trau dồi kiến thức nghề nghiệp. Trong các khóa học đó, tài liệu được in ra và phân phát trước, và mỗi ngày từ tám giờ sáng đến năm giờ chiều, cả giảng viên lẫn học viên đều *chạy mệt nghỉ*. Giảng viên trưng ra càng nhiều dữ kiện và điều cần biết càng tốt, và học viên rần rục nhận nhớ được bao nhiêu thì nhớ, còn lại về nhà nghiền ngẫm sau.

Tháng Tư năm nay (1980), tôi tham dự khóa học “phân tích kinh tế và nhận biết phí tổn cho các dự án điện lực” tổ chức tại khách Hyatt Regency ở Sacramento, thủ phủ tiểu bang California. Trưa thứ Sáu khóa học kết thúc, tôi không vội ra phi trường như mọi người vì sẽ ở lại thêm một đêm, sáng thứ Bảy mới bay về. Tôi lái xe (thuê) đến phố Cổ Sacramento ăn trưa và dạo quanh xem cảnh trí rồi tìm phòng điện thoại công cộng gọi người bạn cũ trước ở Bismarck là anh Dần; anh dọn nhà về đây hai năm nay.

Bốn năm trước, một đêm tháng Tư năm 1976, tôi gặp anh Dần khi cảnh sát được báo tin vợ chồng anh ẩu đả trong nhà và gọi tôi đi thông dịch. Cả anh và chị Sả vợ anh đều khai họ cãi vã lớn tiếng chứ không hề xô xát với nhau. Để tránh rắc rối thêm với cảnh sát, anh tự nguyện ra khỏi nhà tới *apartment* của tôi ngủ trên *xô-pha* phòng khách. Tôi làm bạn với anh từ đó.

Sinh ra lớn lên và lập gia đình tại làng đánh cá Phú Tân gần cửa biển Thuận An cách Huế chừng 15 cây số, anh Dần đi lính Hải quân làm đến thượng sĩ thường vụ đại đội, chức vụ thường được gọi là “thượng sĩ già.” Tháng Ba năm 1975, khi thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên thất thủ, anh liền mình về nhà đón vợ con đi di tản, nhưng vợ và con gái lớn đi bán hàng và anh chỉ có thì giờ đem ba đứa con nhỏ ra đi. Anh gặp lại chị Sả là bồ cũ dan díu một thời trong đời lính Hải quân hải hồ rày đây mai đó; chị có cậu con trai 15 tuổi. Hai người xấp lại và trong trại tỵ nạn Đồn Chaffee ở tiểu bang Arkansas, khai là vợ chồng và đi định cư thành một gia đình.

Ở Bismarck, anh Dần làm việc cho Winger’s Cabinets là xưởng chế tạo và thiết trí các loại tủ gắn vào tường. Ông chủ Winger người Mỹ gốc Đức mê làm việc và ưa chuộng thợ người Việt vì họ khéo tay, ít kè nài quyền lợi, và nhất là làm việc *xả láng*, bất kể giờ giấc. Người thợ trụ cột của Winger’s là Điều em chú bác của anh Dần. Điều giỏi nghề mộc và chịu khó nên được ông Winger trọng dụng và kiếm được nhiều tiền, nhưng “độc thân tại chỗ” vì vợ và hai đứa con còn ở bên Việt nam.

Anh Dần khéo tay, tháo vát, và chuyên làm đầu nêu bày trò vui chơi cuối tuần cho tôi và vài người bạn khác. Chúng tôi đi *picnic*, cắm trại, câu cá, hay thăm viếng nông trại ngủ lại đêm, ăn uống hát hò, và giết gà heo bò làm thịt. Anh hiếu khách nên tiệc nhà anh lúc nào cũng đầy

khách nhậu *ké*. Nhưng anh ở Bismarck không tới hai năm rồi không kèn không trống đưa ba đứa con dọn về ngoại ô Sacramento. Chị Sả và đứa con riêng vừa lên đại học tách riêng đi Houston thuộc tiểu bang Texas. Đường ai nấy đi.

Tôi đã nghe nói anh Dần “cưới” bà vợ mới trẻ hơn chị Sả, “về hưu non,” và hàng ngày uống rượu hưởng nhàn chờ người mời đi ăn đám cưới, nhưng ngạc nhiên nghe anh gằn giọng xưng danh khi nhắc điện thoại trả lời,

“Đại tá Dần, tôi nghe.”

“Kính chào đại tá,” tôi cười to như thể cho rằng anh nói giỡn, “Chuẩn tướng *Ba Hoa* xuống Sacramento họp tư lệnh vùng đây. Chiều nay đại tá có thì giờ cho tôi tới thăm không?”

“Anh tới thì lúc nào tôi cũng rảnh, con Sương nhắc chú *Ba Hoa* hoài. Anh phải ở lại nhậu với bọn tôi, ở *chơi chiều mát về!*” anh cười vui vẻ; bé Sương là con út của anh, năm nay lên chín.

“Tôi là đứa *thấy ăn tìm đến, thấy việc bỏ đi*, lẽ nào bỏ qua bữa ăn?” tôi nhớ lại những buổi tiệc nhậu tối thứ Sáu tại nhà anh ở Bismarck.

“Để tôi kêu vợ chồng thằng Điều qua thăm anh. Gặp anh, chắc con vợ nó mừng lắm.”

Thấy Điều bước vào nhà anh Dần với người thiếu phụ trạc ba mươi tuổi, người đầy đà, mặt tròn và hơi thô, và tóc cắt ngắn, tôi giật nảy người đứng dậy. Vợ Điều không phải ai xa lạ; đó là Mạnh, người đàn bà lấy chồng Mỹ đến Bismarck trước tôi khá lâu. Lần đầu gặp nhau, Mạnh nhận ra tôi là bạn của cô chủ mà gia đình có một thời mượn Mạnh làm “con ở.” Hết giúp việc cho gia đình bạn tôi, Mạnh ra Vũng Tàu bán *ba* (bar) cho lính Mỹ và gặp Gary; anh ta mê Mạnh và nhờ người thông dịch hỏi lấy nàng. Mạnh theo chồng về nước khi mang thai con trai đầu lòng.

Gary giải ngũ về North Dakota làm thợ máy cho xưởng sửa xe của ông chú. Khi Mạnh có thai lần thứ hai, anh bỗng trở chứng, suốt ngày than khổ vì đã chứng kiến thảm cảnh chiến tranh chết chóc, và không muốn tiếp tục sống. Anh đâm ra rượu chè bê tha, không đi làm, và bỏ luống con cái nhà cửa khiến Mạnh thường tức bực chửi mắng. Một đêm, hai vợ chồng đánh lộn, cảnh sát can thiệp và bắt giam Gary. Được thả ra, anh bỏ Bismarck ra đi làm người không nhà không cửa đâu đó dưới miền nam. Đợt người Việt tỵ nạn đến thành phố này là một ân sủng đối với Mạnh vì trong thời gian qua nàng đơn độc như một hoang đảo, mọi việc sinh sống và nuôi con đều trông nhờ vào *bà gia* (bà nhạc) vì nàng không biết đọc hay biết viết – tiếng Anh cũng như tiếng Việt.

Trong lúc Điều và “đàn em” anh Dần thi nhau mời rượu “kính đại tá,” tôi nói chuyện với Mạnh. Mạnh tâm sự,

“Em và anh Điều như có duyên có nợ với nhau, gặp nhau là ráp vô cái *rụp*. *Té ra* hồi nớ em ở làng Phú Thanh kề bên Phú Tân và đã biết tiếng chị Mến vợ anh Điều. Chị nhỏ tuổi mà biết mua bán tảo tần, hàng ngày gánh cá lên Huế bán ở chợ Đông Ba.”

“Cô theo Điều về đây, có hai đứa nhỏ không?”

“Khi lấy anh Điều, em nghĩ *nát nước* và đi xuống đây *một chắc* (một mình). Em dốt nát, chữ nghĩa mù tịt, đem con theo chỉ làm khổ *tụi hấn* nên để lại cho *mệ* (bà) nội nuôi.”

“Tôi hiểu hoàn cảnh của cô,” tôi gật gù thông cảm.

“Nhờ anh Điều mà em liên lạc được với *ba mẹ* ở Phú Thanh và lâu lâu gửi tiền về cho; *ba mẹ* mừng lắm. Anh Điều cũng gửi tiền về cho chị Mến bên Phú Tân cho mẹ con chị bớt khổ.”

* * *

Sau tháng Tư năm 1975, chị Mến một thân một mình phải nuôi hai đứa con, một trai một gái, trong khi không thể tiếp tục làm nghề bán cá vì Việt Cộng cấm ngặt mọi việc buôn bán của tư nhân. May sao, khi chị sắp đến bước đường cùng thì nhận được tiền Điều bên Mỹ gửi về. Từ năm 1979, khi làn sóng người liêu mình vượt biển bỏ xứ ra đi lên cao, hai đứa con thay nhau viết thư thúc giục cha gửi tiền về để mẹ *mua chỗ* trên tàu *vượt biên*. Điều xin làm giờ phụ trội ban đêm và cuối tuần để kiếm đủ tiền cho vợ con trốn thoát, nhưng rất khổ tâm khi nghĩ tới tương lai. Một bên là vợ con tình sâu nghĩa nặng, một bên là người yêu đầu gối tay ấp, bên nào cũng *bỏ thì thương, vương thì tội*. Thịnh thoảng Điều nói bóng nói gió, “*thân này ví xẻ làm đôi,*” nhưng Mạnh biết rằng mình không thể sống kiểu một ông hai bà đó và hàng đêm úp mặt vào gối khóc thầm.

Mẹ con chị Mến *vượt biên* thành công đến trại tỵ nạn Pulau Bidong ở Mã Lai Á, và Điều làm giấy bảo lãnh vợ con sang Hoa kỳ. Thủ tục giấy tờ kéo dài cả năm, và sau cùng Điều nhận được thư cho biết đơn xin định cư của vợ con được chấp thuận. Một hôm đi làm về, Điều không thấy Mạnh chờ đón như mọi ngày và trên bàn ăn có tờ giấy viết nguệch ngoạc, “*I leave. Love you. You happy.*” Điều đoán Mạnh đã nhờ cô bé Mỹ hàng xóm năm tuổi viết với ý, “*Em ra đi vì em yêu anh và để anh hạnh phúc.*”

Sau tuần lễ ăn mừng gia đình đoàn tụ và kể chuyện nhớ nhung trong thời gian xa cách, chị Mến đòi Điều đưa đến “*cơ quan chính phủ*” lãnh tiền hàng tháng. Vì theo tin tức truyền miệng trong trại tỵ nạn, “*đến Hoa kỳ, mỗi tháng đàn ông đương nhiên lãnh ba ngàn đô la, đàn bà hai ngàn rưỡi, và trẻ em hai ngàn.*” Điều gạt đi nói không hề có chuyện đó, chị nổi giận buộc tội chồng lén lãnh tiền trợ cấp *dâng* cho mấy “*con ngựa Thượng Tứ.*” Chị đã học thêm được một điều (khá đúng) là “*ở Hoa kỳ, đàn bà và trẻ em trên hết,*” và chị là chủ gia đình, Điều phải răm rắp tuân theo lệnh chị. Nhất là làm bao nhiêu tiền phải đem về nộp hết cho chị; chị một lòng tin là nếu giữ chặt hầu bao, Điều sẽ không có tiền đem cho “*vợ hầu*” (vợ bé).

Ban đầu, Điều cố quên hình ảnh của Mạnh để hoàn thành bốn phận làm chồng làm cha và đền bù cho vợ con đã sống khốn khổ trong địa ngục Cộng sản mấy năm trời. Nhưng mọi nỗ lực đều thất bại, mọi thiện chí đều tiêu tan, Điều đau khổ và tuyệt vọng. Mỗi lần hai vợ chồng cãi vã to tiếng, để tránh phiền nhiễu với cảnh sát và để hai con khỏi đau lòng, Điều bỏ sang nhà anh Dần ngủ đêm. Một đêm cuối mùa đông năm 1982, Điều lái xe rời Sacramento, không cho ai biết đi đâu, và không trở về nhà. Chị Mến lờn lộn, quyết dọ hỏi tông tích của Mạnh để đi đánh ghen và triệu chồng mình về.

* * *

Rời tổ ấm với hai dòng nước mắt, Mạnh xách chiếc *xắc* tay đựng hai bộ quần áo và các đồ dùng cá nhân đi xe buýt chừng 100 dặm Anh tới chùa Phổ Giác gần San Francisco. Mạnh đã đến đây

nói chuyện trước với thầy trụ trì; thầy là kỹ sư tốt nghiệp ở Pháp và sang Hoa kỳ lập ra chùa để tu hành và phục vụ thiện nam tín nữ người Việt cũng như người Mỹ. Mạnh cúi đầu thưa thầy,

“Con đã suy nghĩ kỹ và xin thầy cho con gửi mình trong cửa Phật. Con dốt chữ nghĩa và không biết kinh kệ, xin thầy cho con giữ việc bếp núc dọn dẹp chùi rửa quét tước trong chùa.”

“Thầy hiểu hoàn cảnh của con và đồng ý cho con nương mình nơi đây, nhưng phải qua một thời kỳ thử thách sáu tháng xem con có duyên tu hành hay không. Trong thời gian đó, con vẫn là người thường và muốn trở về trần tục lúc nào cũng được,” thầy hiền từ gật đầu.

“Con xin đội ơn thầy,” Mạnh phục xuống lạy thầy.

Sáu tháng sau, Mạnh được thầy cho thế phát quy y và ban cho pháp danh Như Thanh. Ni cô chịu khó làm việc, vui tính và hay giúp đỡ khách thập phương viếng chùa, và khi việc được thầy chỉ bảo kinh kệ. Ni cô hầu như quên hết chuyện đời đã qua. Cho đến khi chị Mến xuất hiện và xía xói vào mặt cô,

“*Mi* là con khốn nạn lấy chồng *tau*. *Mi* ở với *hắn*, ăn lút mặt lút mày, rút tía hết tiền bạc *hắn* để dành cho mẹ con *tau*, *chừ* vô chùa trốn chui trốn nhủi như *ri*.”

“*Nam mô A Di Đà Phật*,” Như Thanh giật mình, nhưng lấy lại bình tĩnh và nhắm mắt niệm Phật.

“*Mi* đừng *giả* đờ tu với hành. Không trả chồng lại cho *tau*, *tau* xé xác ra, *tau* lột trường cho phô ra hình hài dơ dáy của *mi*,” chị Mến được nước làm tới trong khi ni cô tiếp tục niệm Phật.

Chứng kiến cảnh nhục mạ ni cô Như Thanh của chị Mến, thầy trụ trì can thiệp,

“Chị kia tới đây tìm ai mà đòi hành hung kẻ tu hành?”

“Thưa thầy,” chị Mến luống cuống biện bạch, “*Cô ni* cướp chồng *tui*, nhờ thầy thương xót mẹ con *tui* mà biểu *hắn* trả chồng lại cho *tui*.”

“*Cô* Như Thanh lánh mình nơi cửa thiền không dính dáng chuyện trần đời hơn một năm nay. Chị thấy chồng chị đâu đây thì cứ việc trói cổ anh ta đem về. Đừng làm như uế nơi thanh tịnh.”

“*Tui* cũng con qua nửa vòng trái đất để gặp chồng thì bị người chồng bạc bẽo phụ rẫy bỏ đi,” chị Mến khóc thút thít.

Hỏi trong ba người – chị Mến, ni cô Như Thanh, và Điều – ai đáng thương hay đáng trách hơn cả? Tôi thì chịu, không thể trả lời.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 9 tháng Hai, 2022

VỀ TẮM AO TA

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mùa hè năm nay (1980), lần đầu tiên tôi lấy đến hai tuần lễ nghỉ hè như các bạn ở Công ty Tiệp ích Montana-Dakota. Kỳ này, trên đường lái xe đi Texas thăm bạn bè như mấy năm trước, tôi ghé khoảng nửa đường thăm cô em cô cậu là Huệ. Nhà Huệ ở làng Cahokia thuộc tiểu bang Illinois, nằm trên bờ đông sông Missouri, và thuộc vùng đô thị St. Louis. Thành phố St. Louis lại thuộc tiểu bang Missouri và nổi tiếng nhờ có Gateway Arch (Tây Tiến Môn) là đài kỷ niệm cuộc bành trướng lãnh thổ Hoa kỳ về phía tây.

Huệ là con o Hoàng và lớn hơn tôi sáu tuổi, Hoàng là tên dượng. Ông bà nội sinh ra tám, chín người con nhưng chỉ có cha và o sống sót qua thời trứng nước. O là em mà lấy chồng sớm nên hai người con đều lớn tuổi hơn tôi. Huệ là con đầu, đi làm sở Mỹ, kết hôn với Bill là quân nhân Mỹ, và đã theo chồng về nước từ năm 1969. Cả o dượng và gia đình đều ở Việt nam nên gia đình tôi là người thân duy nhất của Huệ ở đây.

Huệ ôm chầm lấy tôi, rơm rớm nước mắt kể kể,

“Cậu tuần nào cũng gọi điện thoại hỏi thăm *tui*, còn anh lớn nhất nhà, mai mốt cậu nằm xuống sẽ thay mặt cậu, mà chẳng bao giờ *đoái hoài đoái quở* tới con em *ni*. May là *tui* năn nỉ ỉ ôi với chị Châu nên anh chị mới ghé nhà *tui*, *chớ* không con Lily lớn lên sẽ quên mất cậu *Ba Hoa* là ai.” Lily là con gái duy nhất của Huệ và Bill năm nay lên sáu, lớn hơn bé Mạc của tôi hai tuổi.

“*O mi* nói *chi* mà quá đáng *rứa?*” tôi cười đã lẽ, vượt lưng cô em họ, và nói ba lớn, “Năm ngoái *tui* quên gửi thiệp Giáng sinh cho *o mi* và ông Bill hả? Bậy quá, năm nay *tui* gửi thiệp gấp đôi *hí?*”

“*Khi mô* anh cũng giỡn được! Hai lần lên Bismarck gặp anh, về nhà ông Bill khen anh không tiếc lời.”

Tôi bước lại bắt tay Bill, người đàn ông trạc ngũ tuần mới đi làm về còn *com-lê* cà-vạt chỉnh tề. Trước đây chúng tôi đã gặp nhau, khi ông lái *camper* (xe làm nhà di động dùng đi du lịch và cắm trại) đi nghỉ hè và ghé qua North Dakota thăm cha mẹ. Huệ nói Bill là sĩ quan cao cấp giữ chức vụ quan trọng trong nha Quân báo Quân đội Hoa kỳ, nhưng không cho biết gì thêm. Khi tôi tò mò hỏi tới, Bill cười đáp bằng câu nói người Mỹ hay dùng khi không muốn tiết lộ điều gì,

“Nếu tôi nói với anh, tôi sẽ phải giết anh.”

Có lần Bill vui miệng giải thích phương cách phối kiểm và phối hợp tin tức tình báo giữa bộ Chỉ huy Phòng không Bắc Mỹ (NORAD) và ba bộ Chỉ huy Chiến đấu hợp nhất hiện nay của bộ Quốc phòng là bộ Chỉ huy Âu châu (EUCOM), bộ Chỉ huy Ấn độ dương - Thái bình dương (INDOPACOM), và bộ Chỉ huy Miền Nam (SOUTHCOM). Tôi biết mình *gặp thứ dữ*, không hỏi thêm.

Trong những ngày tôi và Quỳnh Châu thăm viếng, Bill và Huệ đi làm như thường, nhưng gửi Lily đi chơi với Mạc. Chúng tôi đi thăm các nơi như Gateway Arch, viện Bảo tàng Nghệ thuật St. Louis, vườn Bách thảo Missouri, v.v. Lily mang vẻ đẹp ngây thơ nửa Âu nửa Á, nói liến thoắng

nhưng rất dễ thương, quấn quýt với Mạc, và buổi chiều về dắt tay Mạc đi khoe với bọn trẻ con hàng xóm, “*My best cousin*” (Anh họ bảnh nhất của tao). Hai đứa về nhà với một lô đồ chơi bạn Lily tặng. Sáng ngày thứ tư là ngày cuối cùng chúng tôi ở Cahokia, trước khi đi làm, Huệ dặn,
“Chiều nay anh chị về sớm để sửa soạn họp mặt với bạn tụi *tui*. Được dịp khoe anh chị và cháu, ông Bill khoái lắm.”

Lily níu tay và kề miệng vào tai tôi nói nhỏ,

“Tối qua, con nghe lóm ba nói với má là sẽ dành cho cậu một ngạc nhiên lớn. Con nghĩ không ra là ngạc nhiên gì; tối nay cậu biết, cậu nói cho con biết với nhé.”

“Không cần đâu, Lily,” tôi cười khà khà, “Con cứ bám sát cậu thì biết ngay chứ gì.”

Hầu hết khách dự buổi tiếp tân là các cặp vợ chồng Việt - Mỹ, vợ Việt chồng Mỹ, quen thân với Huệ. Duy có một thiếu phụ trẻ người Âu dáng người tương đối nhỏ nhắn, tóc cắt ngắn, mắt xanh biếc, và da trắng nõn đến một mình, Bill giới thiệu là Katya bạn cùng làm việc với ông. Nàng chào tôi bằng tiếng Việt khá rõ ràng,

“*Chào anh Ba Hoa, rất hân hạnh được biết anh.*”

Đằng sau lưng tôi, Lily và Mạc la lên, “Ngạc nhiên! Ngạc nhiên!” rồi bỏ chạy mất. Chính tôi cũng ngạc nhiên, nhìn Katya chờ đợi. Nàng chậm rãi giải thích bằng tiếng Anh,

“Tôi là người Nga, ‘Katya’ là tên tắt của ‘Ekaterina,’ nhưng chồng tôi người Việt. Bill nói có thể anh quen anh ấy.”

“Vậy sao? Chồng cô tên gì?” tôi bước qua một ngạc nhiên khác.

“Anh ấy tên Hường tốt nghiệp kỹ sư điện năm 1970. Tôi có tấm hình Hường đây, để tôi lấy anh xem.”

Người trong hình là Hường bạn đồng khóa kỹ sư với tôi. Tương người cao mảnh khảnh, nét mặt dễ nhìn, và giọng nói từ tốn, Hường thuộc loại học giỏi trong lớp. Ít ai biết rõ đời tư của Hường, ngoài chuyện Hường là con một và có cha mẹ lớn tuổi nên được hoãn dịch vì lý do gia cảnh. Hường thường đi cặp kè với Lữ người Việt gốc Hoa, người bị bạn bè nhại tiếng Quảng Đông gọi là *Á Lù*, và không chơi với ai khác. Tụi bạn kháo nhau khi thi vào trường Điện, *Á Lù* bị “thiếu điểm chút xíu,” phải dứt lót tiền bạc để trúng tuyển, và sau đó mượn Hường ở luôn trong nhà dạy kèm để đủ khả năng học và thi lên lớp trên. Nghe đâu năm học đệ nhị niên, Hường được ông bà già cưới cho cô vợ miệt vườn từ dưới quê Châu Đốc, Chương Thiện gì đó. Vợ Hường sắc sảo mặn mà và đảm đang, buôn tảo bán tần nuôi chồng đi học, và hết lòng phụng dưỡng cha mẹ chồng.



Sau ngày tốt nghiệp, Hường khỏi lo bị động viên đi lính nên *tà tà* vào phi trường Tân Sơn Nhứt xin làm cho Hoa kỳ. Không ai biết Hường làm việc gì, một đứa bạn thấy Hường ngồi băng sau chiếc xe du lịch Chrysler Plymouth màu xanh to giềnh giàng có tài xế và cận vệ người Mỹ ngồi ở băng trước. Trong một buổi họp mặt bạn đồng khóa hàng năm, thằng Hữu, một *cây* nói tục, cắc cớ hỏi Hường,

“Làm sở Mỹ, ngoài việc *cầm cu cho Mỹ đá*, nói chuyện bằng tiếng Anh mỗi tay, và moi được lắm *địa* (tiền) mà làm cái nghề ngỗng gì?”

“Tao chuyên về ra-đa,” Hường không thèm đổi đáp câu hỏi *xóc óc*, “Giờ tao làm quản đốc đài Ra-đa Phú Lâm trên đường đi về miền Tây. Với kỹ thuật tân tiến nhất hiện nay, đài ra-đa của tao có khả năng dò tìm mọi hoạt động quân sự khắp vùng Đông nam Á. Ở bản doanh trong phi trường, tao là chuyên gia số một về kỹ thuật ra-đa đó.”

Hôm nay Katya điền vào khoảng trống về cuộc sống của Hường sau tháng Tư năm 1975,

“Tốt nghiệp cao học vật lý ở Học viện Vật lý và Kỹ thuật Mạc Tư Khoa, tôi được chỉ định theo học khóa Việt ngữ cấp tốc để chuẩn bị công tác ở Việt nam. Tháng Năm năm 1975, tôi và một nhóm chuyên viên bay sang Sài gòn với nhiệm vụ nghiên cứu cách tháo gỡ và mang về hệ thống ra-đa Hoa kỳ để lại. Tôi được lệnh phải dùng mọi cách, kể cả dụ hoặc và lung lạc tình cảm, để hấp thu kiến thức của Hường; anh là chìa khóa duy nhất để Nga sô có được kỹ thuật đó.”

“Thật vậy sao?” tôi hỏi lại.

“Về mặt khoa học và kỹ thuật, Nga sô thường đi sau Hoa kỳ từ năm đến mười năm, tùy theo tài nghệ đánh cắp bí mật của các tay gián điệp; nay vợ được Hường là cả một cơ hội bằng vàng,” Katya cười buồn và tiếp tục kể.

Vì vốn liếng Việt ngữ của Katya chưa đủ để trao đổi kiến thức kỹ thuật, và thông dịch viên Hà nội cung cấp vừa dốt chữ nghĩa lại vừa mù tịt về khoa học, Katya và Hường dùng tiếng Anh nói chuyện với nhau, cho đám thông dịch xoi bói rình mò *ra rìa*. Katya là chuyên gia vật lý, và trong ngành vật lý, Anh ngữ là ngôn ngữ quốc tế. Đối với Katya, người thanh niên da vàng thông thái và lịch sự là mẫu người đàn ông lý tưởng, so với bọn đàn ông Nga thô lỗ cục cằn, mở miệng sặc mùi giáo điều của Lenin và đảng Cộng sản, và toàn nghiện rượu nặng. Hường không sao cưỡng nổi sắc đẹp cáng dỡ của người thiếu nữ Nga và những biệt đãi vật chất được hưởng theo quy chế nhân viên sứ quán Nga sô. Thế là hai người say mê “làm việc” và yêu nhau.

Mùa hè năm 1977, toàn bộ hệ thống ra-đa được tháo gỡ và đóng thùng gửi về Nga sô, cùng với mọi tài liệu kỹ thuật bằng Anh ngữ. Nhưng công tác của Katya chưa hoàn tất, nàng được lệnh kết hôn với Hường và đưa chồng về Mạc Tư Khoa. Hai người ở trong căn *apartment* tiện nghi và làm kỹ sư nghiên cứu cho xưởng chế tạo vũ khí ở ngoại ô thành phố. Hai năm sau, khi trái chanh đã vắt hết nước, Hường trở thành vô ích. Katya bị chỉ định sang Cuba thiết lập đài ra-đa dùng kỹ thuật của Hoa kỳ để nghe ngóng hoạt động quân sự ở Bắc Mỹ, một kiểu *gậy ông đập lưng ông*.

Katya không thể cưỡng lại lệnh của đảng và có dự định riêng nhưng không cho Hường biết để chàng khỏi bị liên lụy. Trên chuyến bay từ Mạc Tư Khoa sang thủ đô Havana của Cuba, phi cơ ghé lại phi trường Quốc tế Montréal-Mirabel gần Montréal, Gia Nã Đại. Thừa lúc hai nhân viên phụ tá có nhiệm vụ đi kèm giám sát sơ ý, Katya vọt chạy thực mạng tới trạm quan thuế và di trú

thuộc thẩm quyền Hoa kỳ xin tỵ nạn chính trị. Tại các phi trường lớn của Gia Nã Đại, Hoa kỳ được phép lập các trạm như thế để tiếp nhận hành khách nhập cảnh nước mình.

Katya để tay lên ngực nhớ lại giây phút gay cấn khi nàng phóng người qua làn sơn đỏ dùng làm biên giới Gia Nã Đại - Hoa kỳ ở phi trường,

“Lần đầu tiên trong 32 năm của đời tôi, tôi được hít thở không khí tự do thực sự. Sau những cuộc phỏng vấn điều tra của bộ Ngoại giao và sở Trung ương Tình báo CIA, và khi họ biết nhiệm vụ và công tác của tôi, tôi được chuyển về đây làm việc dưới quyền Bill. Cố gắng giúp Hoa kỳ hiểu rõ hơn về hoạt động gián điệp của Nga sô. Đó là mùa thu năm ngoái.”

* * *

Hương bị đuổi ra khỏi căn *apartment* và dọn vào căn phòng chật hẹp dành cho thợ độ thân tối tăm và ẩm thấp, mùa hè nóng như nung, và mùa đông lạnh cóng vì không có sưởi. Ở xưởng chế tạo vũ khí, Hương bị “hạ tầng công tác” xuống làm thợ. Một tháng trôi qua, rồi hai tháng, và ba tháng, không thấy Katya gửi thư về như đã hứa, Hương biết mình đã bị dồn vào bước đường cùng và nếu sơ hở lộ ra một chút bất mãn, sẽ bị đày đi Siberia lao động *mút mùa* trong trại tập trung. Hương tập sống như thợ thuyền Nga, buổi sáng vào xưởng rót một ly Vodka uống cạn trước khi làm việc, và chiều về ôm chai Vodka nhắm nhĩ đến khi vào giường. Một năm sau, Hương bị đuổi việc hẳn và đuổi ra khỏi căn phòng. Thất nghiệp và không có chỗ ở, Hương tiếp xúc với “Đại sứ quán” (tòa Đại sứ) Việt Cộng, xin giúp đỡ phương tiện về nước. “Quan chức” Việt Cộng từ chối bằng lời mỉa mai,

“Anh vốn là tàn tích của Mỹ Ngụy, sau ‘ngày giải phóng’ lại hợp tác với nước ngoài; giờ sao không cầu cứu chị vợ ‘Liên sô’ giúp cho?”

Trong lúc tuyệt vọng, Hương được người quen trước là du học sinh từ Hà nội sang thương tình đưa gia nhập vào tập thể người Việt sống trong bóng tối. Đó là một xã hội gồm cựu du học sinh hay cựu công nhân “đi lao động nước ngoài” ở Nga sô, Ba Lan, Tiệp Khắc, và Hung Gia Lợi, và sau thời gian đi học hoặc đi làm chính thức, trốn ở lại không về nước. Họ không từ bất cứ công việc nào có thể kiếm ra tiền: từ buôn lậu hàng hóa đến đưa người trốn bất hợp pháp từ nước này sang nước khác. Một năm sau, Hương thành tay anh chị, làm ăn phát đạt, kiếm được nhiều đồng *rúp* (tiền Nga), và được đàn em kính nể. Hàng đêm vui thú với gái Nga và Tây Âu, ăn uống rượu chè sang trọng, và tiêu tiền như nước. Một hôm, sau một đêm trác táng, sáng dậy ho ra một búng máu. Bác sĩ cho biết đã mắc bệnh lao.

Một tháng sau, Hương mang thân tàn ma dại và hai buồng phổi đầy vi trùng Koch trở về Sài gòn. Tìm bà vợ miệt vườn mười năm trước, tạ tội, thề nguyện, và xin *ca bài* “*Ta về ta tắm ao ta.*” “Ao nhà” hoan hỉ chấp nhận. Từ đó, hai người sống hạnh phúc bên nhau như trong . . . chuyện cổ tích.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 23 tháng Hai, 2022

Chuyện Ngụ Thứ Năm

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cả tháng nay, tôi và Quỳnh Châu chuẩn bị đón tiếp khách quý là Cao anh nàng và Monique, cô vợ người Pháp của anh. Hồi đó Cao học kỹ sư công nghệ, học chung các lớp khoa học cơ bản với tôi, và chơi với tôi khá thân. Tốt nghiệp, Cao đi du học ở Đức rồi sang Pháp làm việc và sống với gia đình bên ngoại. Ba năm trước, Quỳnh Châu cùng bé Mạc đi Pháp và đã gặp Cao, lúc đó anh còn độc thân. Trong lúc Quỳnh Châu háo hức gặp anh và chị dâu, tôi chợt nghĩ tới một câu hỏi cắc cớ,

“Em ơi, người như Monique là gì của anh?”

“Monique là vợ anh Cao, anh Cao là anh vợ của anh,” nàng háy một cái thật dài, “VẬY mà cũng hỏi!”

“Này nhé, hai người đàn ông lấy hai chị em ruột thì gọi là ‘anh em cột chèo’ hay ‘anh em bạn rể.’ Hai người đàn bà lấy hai anh em ruột thì gọi là ‘chị em bạn dâu.’ Nhưng bây giờ, Monique và anh lấy hai anh em khác phái thì gọi là chị em gì?” tôi cười nửa miệng.

“Cái đó em chịu thua, để hôm nào hỏi mẹ coi.”

Nàng tới hỏi mẹ, mẹ nghĩ không ra nhưng lại kể chuyện xưa,

“Từ nhỏ đến *chừ*, thằng *nớ* có cái tật đưa ra câu hỏi không ai trả lời được như *rứa*!

Ngoài làng quê Quảng Bình bị anh *hấn* là thằng Quang cú đầu mồi mà không *chừa*.”

“Thật vậy sao *mệ*? Ba con bị bác Quang cú đầu. Ha ha . . .” Mạc thừa dịp hỏi tới; con tôi lên năm và mê nghe chuyện xưa của người lớn.

“Hồi cha *mi* bằng tuổi *mi*,” mẹ vuốt tóc Mạc, “*Hấn* mê đọc sách quên ăn quên ngủ nên bị thằng Quang kêu là con mọt sách. Chuyên môn hỏi những câu như ‘Khi *mô* hết đánh nhau?’ và ‘Phật với Chúa ai giỏi hơn?’ và hỏi gặng đến khi lãnh cái cú đầu, ‘Đồ lì lợm như trâu!’ mới thôi.”

“Ba con bị kêu là con trâu hả *mệ*?” thằng bé cười hăng hắc.

Nói chuyện cậu mợ đến thăm, Mạc níu tay Quỳnh Châu,

“Mợ Monique biết nói tiếng Anh không? Làm sao con nói chuyện với mợ?”

“Con đừng lo. Mợ học giỏi, giỏi hơn ba nữa, và giỏi tiếng Anh lắm,” vợ tôi trấn an con.

Monique đậu tiến sĩ đệ tam cấp kinh tế ở Đại học Paris, trước năm 1970 gọi là Sorbonne. Chị nói tiếng Anh với giọng Pháp và không phát âm được âm “h” trong các chữ như “(h)ome” và “(h)usband” nên tôi phải hỏi đi hỏi lại và đoán chừng mới hiểu. Ngược lại, từ ngày tốt nghiệp trường kỹ sư, tôi không có dịp nói tiếng Pháp nên muốn nói phải dịch ra trong đầu trước, nếu không sẽ bật ra nói tiếng Anh. Trong những lần đi *shopping* với nhau trong thương xá, chị và tôi khiến người Mỹ nào đi qua cũng đảo tròn mắt ngạc nhiên: Chị nói tiếng Pháp, tôi nói tiếng Anh, và chúng tôi hiểu nhau hoàn toàn.

Mấy ngày cuối cùng của vợ chồng Cao ở đây nhằm cuối tuần trước lễ Chiến sĩ Trận vong, ngày thứ Hai cuối cùng của tháng Năm, theo truyền thống là lúc các hoạt động mùa hè bắt đầu.

Quỳnh Châu sắp đặt chúng tôi đi cắm trại ngoài hồ với gia đình một người bạn Mỹ để, “Anh Cao

và Monique nếm mùi thôn dã của dân North Dakota tại *tui*,” nàng nói với một thoáng tự hào. Chúng tôi mang thức ăn nướng ngoài trời, cần câu và mồi câu cá, xuồng nhôm để chèo đi chơi trên hồ, và lều để cắm trại ngủ đêm.

Sáng thứ Bảy, bưu tá đến phát thư khi tôi bận rộn mang các thứ cần dùng chất lên xe. Thấy trong xấp thư có thư thẳng Lộc, người bạn thân đồng khóa kỹ sư điện đang ở Sài Gòn và làm việc ở Công ty Điện lực Miền Nam (“CTĐLMN”), tôi lấy nhét vào ba lô đựng bộ quần áo phòng hồ cho Mạc và các đồ dùng cá nhân. Tới hồ, sau khi dựng lều, nướng thức ăn, và ăn uống, mọi người rủ nhau đi câu, bơi xuồng, hay dạo chơi quanh hồ, tôi tình nguyện ở lại “*giữ thành*” và dọn dẹp rồi mở thư thẳng Lộc ra xem,

Báo cho mày biết một tin thật buồn. Vợ chồng thằng Song và bốn đứa con vượt biên bị bại lộ, ghe bị công an biên phòng đuổi theo bắt được. Ngự Thanh vợ nó và hai bé gái út chết ngộp dưới khoang ghe. Nó bị tù giam ở Cà Mau.

Tôi ôm mặt khóc ròng. Mười sáu năm trước, ngày đầu tiên bước vào giảng đường đại học, mặt mày ngơ ngáo, tôi bắt gặp nụ cười thân thiện của thằng Song. Nó cao hơn tôi nửa cái đầu, thân hình chắc chắn, và với giọng Huế hơi lai tiếng Bắc làm quen với tôi,

“*Tao là Song ở Pleiku, tao thi Tú tài I và Tú tài II ở Nha Trang nên biết tiếng mày từ lâu.*”

Cả hai kỳ thi đó, tôi đậu thủ khoa hội đồng thi. Vậy là hai thằng quen nhau. Năm đầu tiên học đại học của tôi đầy phong ba bão táp. Ban đầu tôi được cấp học bổng Colombo đi du học Gia Nã Đại và được gửi đi học Anh văn ở hội Việt Mỹ để chuẩn bị. Trong suốt sáu tháng, buổi sáng tôi đi học Anh văn, chiều vào Phú Thọ học các lớp chiều, và tối nhờ nó giảng lại bài rồi học bài đến ba bốn giờ sáng. Ba ngày trước khi đáng lẽ tôi sẽ lên đường, nha Du học gửi văn thư báo tin học bổng bị thu hồi; hỏi ra mới biết thời trung học tôi nghịch ngợm phá phách nên ông hiệu trưởng thù vật báo cáo tôi dùng học bạ giả. Thằng Song cười khà khà an ủi tôi,

“*Việc chó gì mà buồn! Mày không đi du học thì ở nhà với con Quỳnh Châu càng sung sướng đời tuổi trẻ. Tụi mình học kỹ sư điện Phú Thọ thua kém gì ai, có chẳng thua ông cọt cái đuôi!*”

Nhưng cái *số con rệp* vẫn bám theo tôi. Trong kỳ thi lên lớp cuối năm, tôi bị một giáo sư *trù*, nhất định đuổi học, tôi xin lỗi cách mấy ông cũng không chấp nhận. Tôi tuyệt vọng và nghĩ tới chuyện tình nguyện đi lính hay tự kết liễu đời mình. Thằng Song không cho tôi buông xuôi vì, “*Còn nước còn tát,*” nó nói. Nó bắt tôi ngồi sau chiếc VeloSolex cà tàng và chở đến nhà các giáo sư khác nhờ xin lỗi ông kia giùm tôi. Có lẽ nhờ nỗ lực này mà tôi được cho ở lại lớp.

Năm sau, hai thằng bắt đầu học khác lớp, nhưng hàng đêm vẫn gặp nhau tán dóc và cùng học bài. Cuối tuần, nếu không phải học thi hay dạy kèm tư gia, chúng tôi đèo nhau trên chiếc Honda *đi giang hồ* khắp các tỉnh miền Tây, những địa phương dân tình thật thà và hiếu khách. Mùa hè mỗi đứa về nhà mình, nhưng thằng Song thường ghé xuống Tuy Hòa thăm tôi, và tôi lên Pleiku chơi với nó và Ngự Thanh. Nàng và bạn tôi đã *bỏ* nhau từ thời học trường trung học Pleiku, và hai đứa thành hôn khi thằng Song về nhà nghỉ Tết năm đệ tứ niên, trước khi ra trường.

* * *

Thằng Song ngồi tù hơn một năm thì được thả. Về Sài Gòn bị CTĐLMN đuổi việc, *bụng đói dầu gối phải bò*, nó xoay ra làm nghề sửa chữa động cơ điện và máy biến thế tại tư gia. Dần dần, nó khuếch trương cơ sở và kêu bạn đi “học tập cải tạo” được “ra trại” (thả về) tới làm chung và chia xẻ miếng cơm manh áo. Khi công ty đủ lớn, nó phát triển phương cách chế tạo dây điện từ để cung cấp cho CTĐLMN và các cơ sở kỹ nghệ, mời bạn về hưu từ CTĐLMN tới làm việc, và lập ban kỹ sư tiếp thị hùng hậu, giàu kinh nghiệm, và thầu đáo.

Đến năm 2000, thằng Song là một kỹ nghệ gia tăm tiếng, giàu có, và giao du rộng rãi có bạn làm tới chức “trưởng phòng” (tương đương với phó tổng giám đốc ngày trước) của CTĐLMN. Trong lúc đó, ở Hoa Kỳ, ngoài nhiệm vụ giám đốc kế hoạch ở Công ty Tiện ích Montana-Dakota, tôi được Tổ hợp Điện lực Vùng Trung-Lục địa (viết tắt là MAPP) đề cử làm đại diện trong Tiểu ban Thẩm định Khả năng Đáng Tin cậy của hệ thống điện Bắc Mỹ (viết tắt là RAS). Tiểu ban gồm đại diện mười vùng điện lực Bắc Mỹ mà MAPP là một, và đại diện hai chính phủ Hoa Kỳ và Gia Nã Đại. RAS thẩm định mạng lưới liên kết toàn Bắc Mỹ, phức tạp khuyết điểm có thể đưa tới các vụ cúp điện rộng lớn, và đề nghị biện pháp phòng ngừa.

RAS họp hàng tháng ở các thành phố khác nhau, và tôi trở nên thân thiết với đại diện chính phủ Gia Nã Đại là Douglas. Anh là giám đốc nha Năng lượng thuộc bộ Tài nguyên Thiên nhiên và cai quản chương trình viện trợ dự án điện lực cho các nước kém mở mang như Mozambique, Tanzania, và Zambia ở Phi châu. Một hôm đi ăn tối với nhóm RAS, Douglas kể chuyện đứa con trai út Peter vừa tốt nghiệp đại học, đã được nhận vào trường y khoa, và muốn nghỉ một thời gian đi du lịch rồi trở về đi học. Peter dự định viếng thăm Đông nam Á trước tiên, Douglas hỏi tôi,

“Anh khuyên cháu nên làm gì để chuẩn bị cho chuyến đi đó?”

Tôi mừng khấp khởi. Peter có thể là *tuy-dô* (tiếng Pháp “tuyau” là đường dây thế lực) lớn để CTĐLMN tiếp xúc và liên lạc với Douglas rồi từ đó xin viện trợ của Gia Nã Đại – dễ như trở bàn tay. Mỗi dự án điện lực từ vài trăm triệu đến một tỉ đô la sẽ giúp dân Việt nam bớt khổ phần nào, không lẽ Việt Cộng kiếm cách ngăn cản? Tôi viết thư cho thằng Song, trình bày cơ hội hiếm có, và mong nó và các bạn cũ ở CTĐLMN cố gắng thực hiện. Nhận được thư trả lời,

Tao và các bạn mình hoàn toàn đồng ý với mày. Mày nói với ông Douglas là tụi tao sẽ khoản đãi và đưa Peter đi chơi khi cậu ấy đến Việt nam. Tao sẽ cho người dẫn cậu ta viếng cảnh Sài Gòn, Đà Lạt, và Huế. Tụi tao không bỏ lỡ dịp may này đâu!

Peter sắp xếp viếng thăm Thái Lan và Cam Bốt rồi đến Việt nam và sau đó đi Trung hoa và Nhật Bản vào tháng Mười. Cậu sinh viên Gia Nã Đại không thể ngờ rằng các sự biến chính trị quốc tế sẽ gây bao nhiêu phiền nhiễu cho chuyến đi này. Cuối tháng Tư, Hà nội thành linh đèm bà Trần thị Liên người Gia Nã Đại gốc Việt đang bị giam giữ ra hành hình về tội buôn bạch phiến, mặc dù chính phủ Gia Nã Đại yêu cầu xét lại vì bà Liên một mực kêu oan, nói bị người ta lừa nhờ mang giúp bạch phiến mà bà không hề hay biết. Chính phủ Gia Nã Đại phản kháng mạnh mẽ và ngưng chương trình viện trợ kinh tế, liên hệ giữa hai bên rất căng thẳng, và du khách mang thông hành Gia Nã Đại bị công an Việt Cộng làm khó dễ.

Peter đến Sài Gòn nhằm tuần lễ Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton viếng thăm Việt Nam, chuyến công du mở đường cho doanh nhân Hoa Kỳ và thế giới vào đầu tư, giúp mở mang kinh tế và cứu nguy 100 triệu người dân đói khổ. Chính quyền Việt Cộng chỉ chào mừng Clinton bằng một tấm biểu ngữ và loan tin trên đài truyền hình và truyền thanh. Nhưng ở Hà Nội cũng như Sài Gòn, hàng vạn người dân ứa ra đường chào đón và bắt tay vị tổng thống Mỹ trẻ tuổi bình dị. Hà Nội đâm ra hoảng hốt, sợ dân chúng thừa dịp biểu tình đòi nhân quyền và chống chính phủ, và ra lệnh cho công an ráo riết canh phòng bọn “phản động.”



Lựa lúc Clinton ở Việt Nam, Lý Tống (1946 - 2019) ra tay hành động. Từ Hoa Kỳ, người phi công chống Cộng của người Việt và Cuba khắp thế giới sang Thái Lan giả vờ học lái máy bay, lấy phi cơ bay về Sài Gòn, và thả truyền đơn hô hào dân chúng nổi dậy lật đổ chính quyền Việt Cộng. Thế là toàn bộ hệ thống công an báo động, tủa ra lùng kiếm “tay sai để quốc và gián điệp Xija xâm nhập nước ta.” “Xija” (CIA) là sở Trung Ương Tình báo Hoa Kỳ.

Vào khách sạn, Peter gọi điện thoại cho thằng Song. Đang bị công an theo dõi từng bước đi và canh chừng trước cửa nhà, bạn tôi nói ngay,

“Chúng tôi không thể gặp cậu. Cậu phải cẩn thận và cần khai thực là cậu không hề quen biết chúng tôi.”

“Tại sao?” Peter ngỡ ngác hỏi.

“Bạn tôi bên Mỹ sẽ giải thích cho cha cậu biết sau. Chúc cậu may mắn!”

Ngay sau đó, công an chìm ập tới “mời” Peter về trụ sở để “làm việc.” Sau hai ngày đêm bị tra hỏi gắt gao mà không có gì để cung khai, Peter bị giải ra phi trường đưa ra Hà Nội rồi bị đẩy sang Tàu. Hành trình qua Việt Nam bị rút ngắn, nhưng tính mạng vẫn còn. Hú hồn!

Trong câu ca dao “Ở đời có bốn chuyện ngu, Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu,” có lẽ phải kể thêm chuyện ngu thứ năm của tôi: Ai đời lại cả tin đầu sao Việt Cộng cũng còn chút lương tâm nghĩ tới phúc lợi của dân chúng? Tôi ngu và làm tài hay khiến con của bạn xuyt bị nguy khốn. Nhưng tôi yêu đồng bào tôi và không có gì để ân hận.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 9 tháng Ba, 2022

NGUYỄN NGỌC HOA

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền nam. Dạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và và trau giồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

- Sinh năm 1947 ở Quảng Bình, di cư vào Nam năm 1954, và hầu như lớn lên ở Huế.
- Học trung học ở Huế và Ban Mê Thuột; kỹ thuật điện ở Trung tâm Quốc Gia Kỹ thuật, Sài gòn; và điện tử và viễn thông ở Đại học Khoa học Sài gòn.
- Giảng viên vật lý và kỹ thuật điện tại một số đại học y khoa và kỹ thuật ở Sài gòn.
- Đồng tác giả cuốn sách giáo khoa *Giải Tích Mạch Điện* gồm hai tập, xuất bản tại Sài gòn năm 1974 và 1975.
- Sang Hoa kỳ tỵ nạn năm 1975; định cư tại Bismarck, North Dakota; và làm chuyên viên kế hoạch cho một công ty tiện ích đến năm 2012 thì về hưu.
- Lần lượt học quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế ở University of North Dakota ở Grand Forks, North Dakota.
- Phụ trách mục “Đố Vui Để Học” và viết bài về khoa học và kỹ thuật trong Tạp chí Lửa Việt, nguyệt san chống Cộng xuất bản ở Toronto, Canada từ 1980 đến 1993.



Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa

đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và và trau giồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

Trích trong truyện ngắn

“NHÌN QUÁ KHỨ, ĐOÁN VỊ LAI”:

Nhà toán học và đồng nghiệp ở ComEd viết thư gửi đến mục Thư Bạn Đọc (Letters to the Editor) của tờ *Chicago Tribune*, dẫn chứng bài khảo cứu chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa chỉ số nóng bức cao và số người thiệt mạng của tôi. Tờ báo nhân dịp này chạy bài xã luận đòi hỏi chính quyền thành phố phải có biện pháp để giảm bớt số người chết, và dân chúng hưởng ứng bằng cách biểu tình hàng ngày trước tòa thị sảnh. Hội đồng thành phố nhóm họp và quyết định thi hành hai biện pháp: Hàng năm, trước khi mùa hè bắt đầu, chính quyền Chicago sẽ phân phát quạt máy chạy điện miễn phí cho các gia đình lợi tức kém. Và mỗi khi chỉ số nóng bức lên quá 95°F, các thương xá và các cơ sở thuộc sở hữu của thành phố như thư viện, sân vận động trong nhà, v.v. có máy điều hòa không khí phải mở cửa cho thị dân vào tránh nóng.

Xem ra tài làm thầy bói . . . toán của tôi cũng *khấm khớ* và được “thân chủ” tin dùng. Tôi không hề hối tiếc về quyết định không “xuôi về nam” của mình.

GIÁ BÁN: \$US 30.00